

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018



THÔNG TIN TÁC GIẢ

1. **Họ và tên:** Võ Thị Thùy Linh
2. **Ngày, tháng, năm sinh:** 05/07/1982
3. **Giới tính:** Nữ
4. **Nghề nghiệp:** Giáo viên
5. **Dân tộc:** Kinh
6. **Đảng viên/Đoàn viên:** Công đoàn viên
7. **Đơn vị công tác:** Trường THCS Trịnh Hoài Đức
8. **Nơi thường trú:** Ấp 8 – An Phước – Long Thành – Đồng Nai
9. **Số điện thoại:** 0919568425
10. **Email:** xc77vttl@gmail.com

HỘI THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Câu 1: Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai?

Câu 2: Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?

LỜI MỞ ĐẦU

Giá trị văn hóa – lịch sử là nội dung cơ bản của bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Nó là sản phẩm hội tụ của lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, được lắng đọng trong cốt cách, tâm hồn, đạo lý, phương cách ứng xử của con người Việt Nam. Mấy ngàn năm dựng nước gắn liền với giữ nước, dân tộc ta đã hun đúc nên những giá trị truyền thống văn hóa - lịch sử nền tảng cho tiến trình phát triển, cho giải quyết quan hệ ứng xử với sự xâm nhập văn hóa từ bên ngoài. Phải đối chọi với sự tiến công của văn hóa nước ngoài, với nhiều hình thức cả cưỡng bức, cả giao lưu, hội nhập, nhưng văn hóa Việt Nam vẫn đứng vững, kiên cường không bị đồng hóa, mà còn được làm giàu, phát triển, góp phần to lớn trong công cuộc giữ vững nền độc lập, tự chủ của đất nước.

Trong giai đoạn hiện nay, hội nhập là xu thế tất yếu của lịch sử phát triển văn hóa. Hội nhập luôn tạo ra cho mỗi một nền văn hóa những thuận lợi, cơ hội và những khó khăn, thách thức đan xen nhau. Tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức trong bảo tồn, phát huy và tiếp nối truyền thống văn hóa – lịch sử luôn đặt ra cho bất cứ dân tộc nào. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng, liên quan trực tiếp đến sự sống còn, sự tồn vong của chế độ chính trị ở mỗi quốc gia, dân tộc.

Hiện nay, truyền thống văn hóa Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức mới trong dòng chảy của hội nhập toàn cầu. Thách thức đó có thể tiếp cận trên hai phương diện cơ bản. Một là, sự xâm nhập văn hóa nước ngoài trên cả hai mặt tích cực và tiêu cực; cả giao lưu, hội nhập lành mạnh và cả sự cài cắm chống phá của các thế lực thù địch. Hai là, những phản giá trị được nảy sinh từ mặt trái kinh tế thị trường làm xâm hại đến các giá trị truyền thống tốt đẹp, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Cả hai phương diện trên có sự khác nhau, nhưng chúng thường là bạn đồng hành, đồng minh của nhau. Đây là đặc điểm mới của vấn đề văn hóa Việt Nam trong dòng chảy hội nhập toàn cầu hiện nay.

Bảo vệ, giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa – lịch sử trong dòng chảy hội nhập toàn cầu hiện nay là một quá trình tổng hợp, thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng và ý chí, tinh thần dân tộc của mỗi thế hệ con người Việt Nam. Chúng ta phải tạo dựng cho con người Việt Nam mang trong mình cốt cách, tâm hồn dân tộc của mấy ngàn năm lịch sử dựng nước gắn liền với giữ nước và khí phách của tinh thần đổi mới trước điều kiện, hoàn cảnh mới. Khí phách, tâm hồn ấy là ở tinh thần yêu nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng; nhớ về cội nguồn, tôn vinh các anh hùng dân tộc, luôn tự hào, tự tôn dân tộc, không chịu khuất phục trước âm mưu đồng hóa văn hóa của các thế lực thù địch; đồng thời có đủ trình độ tiếp nhận, cải biến các giá

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

trị văn hóa nước ngoài để làm giàu giá trị văn hóa dân tộc ta, tiếp nối văn hóa truyền thống dân tộc ta.

Hiện nay, một bộ phận không nhỏ thế hệ trẻ thiếu hiểu biết về lịch sử dân tộc, chưa thấy hết trách nhiệm, nghĩa vụ và ý nghĩa thiêng liêng của tiếp nối các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Một bộ phận này đang lãng quên quá khứ, thờ ơ với hiện tại và mơ hồ về tương lai; họ cũng sẵn sàng "ăn sống, nuốt tươi" các sản phẩm văn hóa nước ngoài và tự coi đó là "tân kỳ, mới, sành điệu". Một số sáng tác thiếu tinh thần dân tộc; một số nghệ sĩ không chú trọng đến nội dung, chất liệu nghệ thuật, mà trượt theo thị hiếu tầm thường để mua khách làm mất cái hay, cái đẹp của văn hóa nghệ thuật truyền thống... Nghị quyết Đại hội XII chỉ rõ: *"Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc chưa đạt yêu cầu. Nhiều biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống gây bức xúc trong xã hội. Tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Quản lý văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, các di tích lịch sử còn hạn chế... Quản lý thông tin, báo chí, nhất là trên internet còn nhiều bất cập..."*

Thực trạng đó nếu không khắc phục kịp thời sẽ làm phai nhạt, xói mòn hệ giá trị chuẩn mực trong bản sắc văn hóa dân tộc, ảnh hưởng không nhỏ đến bản chất, truyền thống của dân tộc. Tình hình đó cũng đặt ra những yêu cầu mới hết sức cấp thiết về lý luận, thực tiễn phải nghiên cứu, luận giải, đề ra những giải pháp mang tính khả thi trong việc phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Chính vì thế việc bảo tồn các giá trị văn hóa nói chung và giá trị văn hóa lịch sử nói riêng, luôn được xem là một vấn đề quan trọng. Đặc biệt hơn cả là đối với thế hệ trẻ, để từ đó thế hệ này nhìn thấy và nhận thức được nguồn cội, cũng như sự hi sinh của cha ông cho chúng ta có một đất nước độc lập như ngày nay.

Hưởng ứng cuộc thi "Tìm hiểu các giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm 2018" do Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai tổ chức nhằm hướng tới kỷ niệm 320 năm Biên Hòa – Đồng Nai, thế hệ trẻ chúng tôi lấy làm tự hào, góp một phần nào đó công sức nhỏ bé của mình vào việc bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử của đất nước, của dân tộc. Hơn thế, qua cuộc thi này tạo cho chúng tôi có thêm niềm đam mê trong giảng dạy, nghiên cứu lịch sử góp phần tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng cho học sinh, nhằm mục đích giúp các em hiểu sâu sắc quá khứ gian khổ, đau thương nhưng anh dũng và vinh quang của dân tộc, của Đảng ta nói chung và của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng để lớp lớp các thế hệ học sinh tự hào, tin tưởng, nhận rõ giá trị của cuộc sống hiện tại, nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế chân chính, xây dựng thái độ lao động mới, ý thức tự lực tự cường, có trách

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

nhệm với xã hội, với tương lai của dân tộc, tu dưỡng đạo đức lối sống và rèn luyện kỹ năng sống, kế tục sự nghiệp của các thế hệ cha anh đi trước, góp phần trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong thời kỳ mở cửa và hội nhập quốc tế. Tôi cảm thấy thật sự hào hứng khi ngược dòng lịch sử tìm hiểu truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai, cũng như truyền thống văn hóa - lịch sử dân tộc thông qua tìm hiểu, nghiên cứu những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó xác định trách nhiệm của mình cùng các thế hệ hôm nay tiếp nối phát huy và làm giàu giá trị văn hóa dân tộc trong dòng chảy toàn cầu hiện nay.

Cuộc thi “Tìm hiểu các giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm 2018” do Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai tổ chức hướng về kỷ niệm 320 năm Biên Hòa – Đồng Nai là những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người hoạn nạn... đã trở thành phong trào rộng khắp trong quần chúng. Nó góp phần gìn giữ những di sản văn hóa tinh thần quý báu: lòng yêu nước, nhân ái, khoan dung..., nuôi dưỡng tinh thần, sức sống dẻo dai của người Việt Nam trong lịch sử để vươn lên.

Đây là một hoạt động hết sức bổ ích và lý thú để chúng ta thể hiện sức mạnh của sự đoàn kết, sức mạnh của tri thức và sức mạnh của lòng tự hào dân tộc. Tôi xin cảm ơn Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai, ban tổ chức chương trình cuộc thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa-lịch sử Đồng Nai năm 2018” đã phát động cuộc thi này, để chúng tôi có cơ hội được tham gia và thể hiện lòng yêu quê hương đất nước qua bài dự thi. Tôi xin cảm ơn Ban Giám hiệu nhà trường đã phối hợp liên kết phát động phong trào trong toàn trường để tất cả giáo viên, nhân viên, học sinh có thể tham gia. Tôi mong rằng, thời gian tới sẽ ngày càng có nhiều cuộc thi như thế này hơn nữa để tôi và các đồng nghiệp cùng tham gia nghiên cứu, trang bị thêm kiến thức cho mình, nâng cao trình độ, năng lực, tác phong, phương pháp trong giảng dạy góp phần cùng Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà xây dựng một Đồng Nai ngày càng phát triển bền vững, thịnh vượng.

Võ Thị Thùy Linh

PHẦN MỘT: NỘI DUNG TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI

Câu 1: Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai?

Việt Nam là một quốc gia đất không rộng, người không đông, lại nằm ở vị trí địa lý thuận lợi, là đầu mối thông thương của khu vực, châu lục và thế giới, giàu có về tài nguyên thiên nhiên nên luôn là đối tượng bị các nước lớn nhóm ngó, lấn chiếm, xâm lược. Đứng trước những kẻ thù to lớn, hung bạo và thâm độc nhất thế giới trong các thời đại; đồng thời nhận thức rõ quy luật nghiệt ngã của đấu tranh vũ trang là “mạnh được yếu thua”.

Từ hàng ngàn năm trước, cha ông ta đã xác định phải huy động sức mạnh toàn dân tộc, của mọi người dân để xây dựng đất nước, để chống giặc ngoại xâm. Tiêu biểu như chủ trương cả nước đánh giặc “cử quốc nghênh địch”, “trăm họ là lính”, “động vi binh, tĩnh vi dân”... Từ đó, hình thành nên nét văn hóa giữ nước trong từng người dân Việt, với suy nghĩ “nước mất thì nhà tan” và hình thành quyết tâm đánh giặc giữ nước của mọi tầng lớp nhân dân, bất kể già, trẻ, gái, trai.

Trên thế giới này có dân tộc nào như dân tộc Việt Nam, trong mấy ngàn năm lịch sử đã có hơn 1000 năm phải phải trực tiếp cầm vũ khí chống ngoại xâm? Nếu chỉ tính từ khi có sử liệu ghi chép rõ ràng thì từ cuộc kháng chiến chống quân Tần xâm lược đến nay, dân tộc ta đã phải trực tiếp kháng chiến suốt 13 thế kỷ, trong đó có khoảng 100 cuộc khởi nghĩa quy mô lớn và hơn 10 cuộc kháng chiến để giữ nước. Trong thời Cổ đại và Trung đại, tất cả các triều đại phong kiến thống trị ở phương Bắc: Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh - các đế chế mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ - ít nhất là một lần, nhiều là ba lần, xâm lược, thống trị nước ta. Khi không trực tiếp gây chiến tranh xâm lược thì họ cũng thường xuyên nhòm ngó, khiêu khích, lấn chiếm, gây mất ổn định đối với nước ta. Đến thời cận hiện đại sau này, dân tộc ta từng phải đương đầu với những đối phương đế quốc xâm lược mạnh bậc nhất thế giới: Pháp, Nhật, Mỹ...

Suốt chiều dài lịch sử của mình, dân tộc Việt Nam đã nêu cao tinh thần bất khuất, tự lực tự cường, trí thông minh và tài thao lược; xây dựng nên một nền văn hóa giữ nước độc đáo. Mỗi giai đoạn lịch sử, dân tộc Việt Nam đều có những nỗ lực sáng tạo, đều giành được những chiến công vang dội, lập nên những chiến tích phi thường trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Lịch sử đấu tranh cách mạng của Biên Hòa - Đồng Nai gắn liền với lịch sử của vùng đất Nam Bộ. Nước Đại Việt lúc bấy giờ chỉ từ ải Nam Quan đến vùng Bắc Đèo Ngang (Hà Tĩnh ngày nay). Việc mở rộng được bắt đầu khi có những giao tranh giữa Đại Việt và vương quốc Chăm Pa láng giềng lúc bấy giờ. Để mở rộng cõi bờ về phía Nam, nước Đại Việt lúc bấy giờ đã biết tổ chức một quân đội tốt, hùng hậu và có chiến lược nhu lần cương để thực hiện việc Nam tiến của mình.

Đối với Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai là một bộ phận của dân tộc, thừa hưởng được truyền thống đánh giặc của ông cha ta từ 4000 năm, có tinh thần yêu nước nồng nàn, cố kết làng xã bền chặt, đoàn kết chống ngoại xâm và liên tục chống ngoại xâm trong nhiều thời đại, là vùng đất miền Đông Nam bộ “gian lao mà anh dũng”. Trong suốt 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Nhân dân Đồng Nai đã sát cánh cùng dân tộc trải qua nhiều thăng trầm trong công cuộc đấu tranh giành độc lập. Điển hình là hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã vận dụng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đoàn kết một lòng, tập hợp các tầng lớp nhân dân không phân biệt thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo hướng vào mục tiêu lý tưởng đấu tranh chung là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thực hiện tốt chính sách dân vận, Đảng bộ đã xây dựng được cơ sở cách mạng sâu rộng trong nhân dân, do đó đã vượt qua nhiều thử thách quyết liệt, đặc biệt trong những giai đoạn lịch sử 1945 – 1959, 1969 – 1971 cực kỳ khó khăn. Với tinh thần bám trụ kiên cường, tổ chức lực lượng cách mạng tại chỗ phù hợp từng vùng, từng địa bàn; với cách đánh, phương thức đấu tranh kết hợp lực lượng tại chỗ với lực lượng cấp trên, đấu tranh vũ trang gắn chặt với đấu tranh chính trị và binh vận, Đảng bộ Biên Hòa – Đồng Nai đã phát huy được sức mạnh của nhân dân, lập nên nhiều chiến công vang dội. Để ôn lại truyền thống lịch sử đấu tranh đó, chúng ta cùng nhau nhìn lại những dấu mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển Biên Hòa - Đồng Nai.

Đồng Nai - Thế kỷ XVII đến khi Nguyễn Ánh lên ngôi

Cột mốc đánh dấu lịch sử hành chính của Đồng Nai thường được nhắc đến là năm Mậu Dần (1698) khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý phương Nam, đưa vùng đất Đồng Nai vào lãnh thổ cai quản của Chúa Nguyễn. Nhưng trước đó, thần dân của Chúa Nguyễn đã là chủ nhân của xứ Đồng Nai. Sự xuất hiện của hai sở thuế ở Sài Gòn và Bến Nghé năm 1623 đã hé mở sự xuất hiện của

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

người Việt sinh sống buôn bán tại đây từ thập niên 20 của thế kỷ XVII. Tài liệu của nhà truyền giáo Gouge và Labbé (đã dẫn) thừa nhận người Đàng Trong và cả người nước ngoài khai hoang, cày cấy ở vùng Đồng Nai trước năm 1701 đến vài chục năm. Năm 1658, Chúa Nguyễn sai Nguyễn Phước Yên đem 3.000 quân dẹp loạn đến Mô Xoài (Mỗi Xuy) chứng tỏ người Việt đã làm chủ tình hình ở đây. Năm 1679, nhóm người Hoa gồm Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn, Trần Thượng Xuyên đem 50 thuyền, 3.000 gia nhân đến xin trú ngụ, Chúa Nguyễn Phước Tần cho khai khẩn đất phương Nam: Nhóm Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn đến Mỹ Tho (Tiền Giang); nhóm Trần Thượng Xuyên đến Bàn Lân (Biên Hòa), góp phần xây dựng Cù Lao Phố thành thương cảng sầm uất, giao dịch với thương nhân trong và ngoài nước.

Năm 1691, vua Chiêm Thành đưa quân vượt biên giới, xâm lấn đất đai lãnh thổ, sát hại dân Việt ở Diên Ninh (Diên Khánh), tình hình biên giới Việt-Chiêm trở nên căng thẳng. Năm Quý Dậu (1693) vua nước Chiêm Thành là Bà Tranh không tiến cống, chúa Nguyễn Phúc Chu phái quan tổng binh Nguyễn Hữu Cảnh đem binh bình định vùng biên cương, sự nghiệp “Khai sơn lập quốc” của Nguyễn Hữu Cảnh cũng bắt đầu từ đây. Ông đã bắt được Bà Tranh và bọn thần tử là Tả trà Viên, Kế bà Tử cùng thân thuộc là Bà Ân đem về Phú Xuân. Chúa Nguyễn đổi đất Chiêm Thành làm Thuận phủ, cho Tả trà Viên, Kế bà Tử làm chức Khám lý và ba người con của Bà Ân làm đề đốc giữ Thuận phủ, lại bắt phải đổi y phục theo như người Việt Nam để phủ dụ đất Chiêm Thành. Qua năm sau lại đổi Thuận phủ ra làm Thuận Thành trấn, cho Kế bà Tử làm đô đốc”. Vị quan trấn thủ đầu tiên vùng đất mới mở- Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh đã nhanh chóng thiết lập hệ thống cai quản, tổ chức nhân dân khẩn hoang, ổn định cuộc sống, đề ra chính sách hòa đồng sắc tộc Chăm - Việt. Công việc bình định vừa xong, một nhóm người Thanh, đứng đầu là A Bân xúi giục bè đảng dấy loạn, ông lại nhận chỉ lệnh đi dẹp loạn và được cử làm trấn thủ dinh Bình Khương (Khánh Hòa, Ninh Thuận ngày nay). Xuân Mậu Dần (tháng 2/1698), chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất vào Nam kinh lược, xác định chủ quyền của người Việt trên vùng đất mới. Từng bước, từng bước một, chủ quyền của người Việt được xác lập trên vùng đất Nam Bộ. Đến năm 1698, chủ quyền người Việt được xác lập chính thức từ Đồng Nai đến bên bờ tả ngạn sông Tiền, nhưng bước khai phá của người Việt đã vượt qua sông Tiền, sông Hậu tiến sát đến Cà Mau, Hà Tiên.

Năm 1699, vua Chân Lạp là Nặc Thu đắp lũy Bích Đồi, Nam Vang và Cầu Nam cướp bóc dân buôn người Việt. Tướng Long môn là Trần Thượng Xuyên bầy giờ đóng giữ Doanh Châu (cù Lao Giêng) báo lên. Chúa Nguyễn

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Phúc Chu cử Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất cùng Phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân lính, thuyền chiến hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc đánh dẹp và an dân. Lực lượng thủy binh của ông đã tiến thẳng đến thành La Bích (NamVang), đánh tan quân Nặc Thu. Vua Chân Lạp đầu hàng, nơi đây Nguyễn Hữu Cảnh sử dụng chính sách đoàn kết các dân tộc, không phân biệt đối xử dù là Khome, Hoa hay Việt, khuyến khích giữ gìn tình thân thiện, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc gặp khó khăn, hoạn nạn, dân chúng tin theo.

Tháng 4 năm 1700, Nguyễn Hữu Cảnh cầm quân tiến kéo về đóng ở cồn Cây Sao còn gọi là cù lao Sao Mộc hay Tiêu Mộc hoặc châu Sao Mộc, sau này dân địa phương nhớ ơn ông nên gọi là cù lao Ông Chưởng (nay thuộc chợ Mới, An Giang), báo tin thắng trận về kinh.

Năm 1715, Chúa Nguyễn Phước Châu sai trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Nguyễn Khánh Đức lập văn miếu ở thôn Bình Thành - Tân Lại (nay thuộc phường Bửu Long - thành phố Biên Hòa) nhằm khuếch trương Nho học, báo hiệu Đồng Nai không chỉ giỏi làm ăn, buôn bán; còn là xứ sở của văn vật, trọng đạo lý thánh hiền.

Năm 1775, Tây Sơn khởi nghĩa, chiếm được Phú Xuân. Chúa Nguyễn Phước Thuần chạy vào Gia Định. Lý Tài phản bội Tây Sơn, theo Nguyễn Ánh, đóng quân ở núi Châu Thới, sau bị thua trận rồi bị quân Đông Sơn Đỗ Thành Nhơn giết năm 1777. Từ năm 1776 đến 1782, quân Tây Sơn 4 lần vào Nam giao tranh với Nguyễn Ánh; Nguyễn Ánh thua chạy, năm 1784 cầu viện vua Xiêm, vua Xiêm đưa binh thủy, bộ chiếm đóng Kiên Giang, Ba Thắc, Mân Thít, Sa Đéc... mưu đồ đánh chiếm Đồng Nai - Gia Định. Mùa Xuân năm 1785, dựa vào địa hình, thủy triều và lòng dân, Nguyễn Huệ chỉ huy quân Tây Sơn dụ giặc vào trận địa mai phục ở Rạch Gầm, Xoài Mút (Mỹ Tho, Tiền Giang) đánh cho quân Xiêm một trận đại bại, chỉ còn vài nghìn tên sống sót trốn về nước. Nguyễn Ánh chạy thoát, tiếp tục mưu đồ cầu ngoại viện, cõng rắn cắn gà nhà.

Nhân lúc Tây Sơn bận đối phó với Chúa Trịnh ở phía Bắc; Nguyễn Ánh được sự giúp đỡ của ngoại bang, chiếm lại Trấn Biên năm 1788; khi Quang Trung Nguyễn Huệ lên ngôi, tập trung lực lượng đánh đuổi giặc Thanh xâm lược ở Thăng Long (1789), Nguyễn Ánh có cơ hội khôi phục lực lượng, xây thành Bát Quái ở Gia Định; củng cố hệ thống phòng thủ, tích trữ lương thực, lập đồn điền cày cấy ở Đòng Môn, Bà Rịa. Do đó trên địa bàn Đồng Nai, còn nhiều di tích gắn với thời kỳ này của Nguyễn Ánh.

Đồng Nai - Đầu triều Nguyễn đến 1859: Thực dân Pháp xâm lăng

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Từ năm 1792, Nguyễn Ánh hoàn toàn làm chủ đất Trấn Biên, Gia Định. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, Trấn Biên dinh thành Biên Hòa trấn. Đến năm 1808, lại đổi trấn Gia Định ra Gia Định Thành thống quản trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên; Nguyễn Văn Nhơn làm tổng trấn, Trịnh Hoài Đức làm hiệp tổng trấn. Đến năm 1812, Lê Văn Duyệt làm tổng trấn.

Năm 1832, Lê Văn Duyệt mất. Nguyễn Văn Quế và bộ chánh Bạch Xuân Nguyên vốn có hiềm khích, dựng vụ án Lê Văn Duyệt. Vua Minh Mạng cho xiềng mộ Lê Văn Duyệt, bãi bỏ chức tổng trấn, chia các trấn thành lục tỉnh. *Tỉnh Biên Hòa* có từ đây.

Giận vì Lê Văn Duyệt bị ngược đãi, năm 1833 con nuôi Lê Văn Duyệt là Lê Văn Khôi tạo phản, chiếm thành Phiên An; mãi đến năm 1835, Lê Văn Khôi bệnh mất, nhà Nguyễn mới dập tắt được cuộc binh biến, bắt giết cả thầy 1.831 người đem chôn chung gọi là mả Ngụy. Hai lần Lê Văn Khôi đánh chiếm Biên Hòa. Người Biên Hòa theo Lê Văn Khôi bị trừng trị khá đông liên lụy đến cả họ hàng. Bảy tướng lĩnh triều đình chết trận tại Biên Hòa: Lê Văn Nghĩa, Phan Văn Song, Trần Văn Du, Đặng Văn Quyên, Trần Văn Thiệu, Nguyễn Văn Lý, Ngô Văn Hóa; vua Minh Mạng cho lập thờ ở thôn Bình Hòa, xã Bình Thành, ban sắc phong năm 1838, di tích còn lại có thể là miếu Bình Hòa (nay thuộc phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa). Tương truyền, con cháu của Lê Văn Khôi trốn được, có 2 người ẩn danh trong dân ở Hang Nai (Nhơn Trạch) và Long Thành.

Đồng Nai - Thời kỳ kháng chiến chống Pháp đến năm 1930

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, thực dân Pháp đưa quân chiếm Cần Giuộc và tiến đánh Gia Định. Nhân dân Nam kỳ kháng chiến chống Pháp. Năm 1860, Nguyễn Tri Phương được cử vào Gia Định, cho đắp đồn Chí Hòa, ban hịch kêu gọi đánh Tây. Ngày 7 tháng 2 năm 1861, Chaner điều quân tiến công Sài Gòn. Ngày 25 tháng 2, đại đồn Chí Hòa thất thủ. Nguyễn Tri Phương bị thương, rút về Biên Hòa, cho đắp 9 cửa hàn trên sông Đồng Nai ngăn giặc. Ngày 17 tháng 12 năm 1861, quân thủy bộ Pháp do Bonard chỉ huy tấn công thành Biên Hòa, sau đó đánh chiếm các đồn lũy khác, lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chiến đấu chống giặc ở Long Thành, hy sinh ngày 21-12-1861. Ngày 5 tháng 6 năm 1862, triều đình Nguyễn ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng 3 tỉnh miền Đông: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường cho Pháp. Triều Đình ra lệnh bãi binh. Quan cơ Trương Định không tuân lệnh vua, thuận theo lòng dân, giương cờ Bình Tây Đại Nguyên Soái, tập hợp dân chúng tiếp tục chống Pháp; đánh đồn Rạch Tra, Đông Môn, Long Thành, đốt tàu giặc trên sông Đồng Nai, lập căn cứ ở Lý Nhơn (Cần

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Giờ), Bến Bạ (Nhơn Trạch). Nghĩa binh vùng Nhơn Trạch, Long Thành, Biên Hòa theo Trương Định rất đông. Như cha con Quản cơ Nguyễn Ngọc Hớn ở Phú Thạnh chẳng hạn. Nguyễn Ngọc Hớn kiên cường chống Pháp, bị bắt, mất năm 1863, con trai là Nguyễn Ngọc Sang tiếp tục lãnh đạo nghĩa binh tham gia đốt tàu giặc ở Nhật Tảo, Cồn Cò, lập căn cứ ở Bến Bạ, gây cho giặc nhiều tổn thất.

Ngày 25 tháng 9 năm 1863, giặc Pháp tập trung tiêu diệt căn cứ Lý Nhơn, nghĩa quân Trương Định tử chiến phá vây, sau đó bị Huỳnh Công Tấn phản bội, phục kích, tử tiết ngày 19 tháng 8 năm 1864. Trương Quyền (cùng Phan Chính) tiếp tục sự nghiệp của cha, lập căn cứ ở Giao Loan (Rừng Lá) tiến công đồn Biên Hòa, giặc Pháp huy động lực lượng tấn công căn cứ Giao Loan, đến tháng 4 năm 1865 nghĩa quân mới tan rã, phong trào tạm lắng.

Trương Định, Trương Quyền mất nhưng phong trào kháng chiến chống Pháp không tắt. Long Thành, Nhơn Trạch, Biên Hòa, Tân Uyên tổ chức nhiều hội kín chống Pháp. Huyện Thạc, huyện Ân làm tay sai cho Pháp bị phản ứng nhiều lần, sợ quá phải xin chuyển đi nơi khác. Năm 1881, thực dân Pháp đưa Trần Bá Hựu, em của Trần Bá Lộc (tay sai khét tiếng) về làm tri huyện Long Thành. Tên này độc ác không kém Trần Bá Lộc. Hội kín quyết diệt bằng được. Tháng 2 năm 1881, nhà sư Trần Văn Tấn (pháp hiệu là Huyền Vi) cùng đồng đạo lập mưu giết chết Trần Bá Hựu. Hội kín Long Thành bị đàn áp, nhà sư Trần Văn Tấn lãnh án tử hình, nhiều người khác bị khổ sai, chung thân.

Đến năm 1905, trong khi các phong trào kháng chiến vũ trang đã bị chìm trong máu, nhiều sĩ phu yêu nước hướng theo con đường Đông Du, Duy Tân, thì ở Biên Hòa lão nghĩa sĩ Đoàn Văn Cự vẫn còn tổ chức vũ trang chống Pháp, anh dũng hy sinh cùng 16 nghĩa binh, việc không thành, nhưng tinh thần bất tử, mộ và đền thờ còn ở Biên Hòa. Năm 1916, hội kín trại Lâm Trung ở Biên Hòa do Mười Tiết, Mười Sóc chỉ huy tổ chức phá khám, cướp súng, giết giặc. Phong trào bị khủng bố, 9 người bị xử bắn tại ngã ba Dốc Sỏi, dân lập miếu thờ, gọi là miếu Cô hồn, di tích hiện ở phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa.

Đồng Nai - Từ năm 1930 đến 1954

Ý chí bất khuất chống Pháp cứu nước của người Đồng Nai như lửa lòng ủ trấu, đến khi Đảng cộng sản ra đời, khơi dậy truyền thống yêu nước, tập hợp lực lượng, phát huy được sức mạnh tổng hợp toàn dân. Sau Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Phú Riềng ra đời vào năm 1929; sáu năm sau (năm 1935), Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều được thành lập gồm 5 đồng chí do đồng chí Hoàng Minh Châu làm bí thư, khởi đầu giai đoạn yêu nước chống Pháp ở Đồng Nai đi theo Chủ nghĩa Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam..

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Khi có Đảng lãnh đạo, phong trào cách mạng ở Đồng Nai đi vào hoạt động tự giác, có tổ chức, hướng đến mục tiêu trước mắt và lâu dài, xác định từng bước đi thích hợp. Giai đoạn 1935 đến trước tháng 8 năm 1945, chủ yếu là dân sinh dân chủ kết hợp đấu tranh chính trị, kết hợp nuôi dưỡng lực lượng vũ trang để chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị liên tục của các tầng lớp nhân dân chứng tỏ sự trưởng thành của các lực lượng cách mạng: Liên đoàn học sinh trường tiểu học Bình Hòa được Đảng lãnh đạo rải truyền đơn kêu gọi tinh thần cách mạng ngày 1 tháng 5 năm 1935; mítting trọng thể tại Gò Dê (Bình Ý) tháng 9 năm 1936; Cuộc đấu tranh đòi giảm sưu thuế của nhân dân Long Thành và cuộc đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm của công nhân Nhà máy BIF thắng lợi. Đầu năm 1937, các cơ sở Đảng phát triển, thành lập Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Trương Văn Bang làm bí thư, đến giữa năm có thêm các chi bộ Đảng: Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Thiện Tân, Bình Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Quới, Xuân Lộc... Năm 1940, việc chuẩn bị tham gia khởi nghĩa Nam kỳ được tiến hành ráo riết nhưng bị lộ, bị đàn áp, nhiều tổn thất; một số đảng viên bị bắt, bị giết hoặc tù đày; một bộ phận có vũ trang thô sơ rút vào rừng (là một trong số các bộ phận hình thành Chi đội 10 sau Cách mạng Tháng tám). Từ ngày 28 tháng 7 năm 1941, phát xít Nhật vào Biên Hòa, dân Đồng Nai thêm một trọng áp bức. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, lập chính quyền và các tổ chức thân Nhật; lãnh đạo Đảng nhận định tình hình, chọn thời cơ cách mạng; địa phương Biên Hòa cùng cả nước thực hiện lệnh tổng khởi nghĩa; buộc tỉnh trưởng ngụy Nguyễn Văn Quý phải chuyển giao chính quyền cho đại diện nhân dân lúc 11h30 ngày 26 tháng 8 năm 1945. Sáng ngày 27 tháng 8 năm 1945 tại Quảng trường Sông Phố diễn ra ngày hội lịch sử mừng độc lập, thống nhất của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai gồm hàng vạn người tham gia.

Chính quyền cách mạng vừa mới xây dựng chưa đầy tháng, thực dân Pháp núp bóng quân đội Anh dưới danh nghĩa đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật tái chiếm Sài Gòn, Biên Hòa; quân dân Biên Hòa cùng Nam bộ bước vào giai đoạn trường kỳ kháng chiến. Hội nghị Bình Trước ngày 23 tháng 9 năm 1945 phân tích tình hình, xác định nhiệm vụ của chính quyền cách mạng, trong đó chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ kháng chiến để tính chuyện lâu dài. Liên sau đó, Trại huấn luyện Du kích Vĩnh Cửu được thành lập để huấn luyện quân sự cho các đội vũ trang. Các căn cứ kháng chiến Bình Đa, Hồ Cạn, Chiến khu Đ, Rừng Sác, Phước An dựa vào thế trận lòng đất, lòng dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, làm cái nôi nuôi dưỡng các lực lượng cách mạng. Lực lượng vũ trang Biên Hòa từ tầm vông giáo mác nhanh chóng trưởng thành, đến tháng 6 năm 1946 đã hình thành Chi đội 10; 3 hình thức vũ trang được xây dựng, vũ khí

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

thô sơ nhưng tinh thần hùng hực khí thế cách mạng; tổ chức nhiều trận đánh ngăn bước tiến của giặc, tạo nên nhiều chiến công vang dội: Trận thắng Núi Thi - Xuân Lộc (30-10-1945); Cầu Lò Rèn - Long Thành (9-3-1946), phục kích địch Cầu Phước Cang - Long Thành (tháng 1-1948); đặc biệt là trận thắng La Ngà (1-3-1948) chấn động thế giới và trận đánh Cầu Bà Kiên (19-3-1948) khai sinh cách đánh đặc công ở chiến trường miền Đông.

Những năm 1949-1954, lực lượng cách mạng ở Biên Hòa - Đồng Nai trưởng thành vững vàng, các chiến khu được củng cố, tăng năng lực sản xuất và chiến đấu; chiến thắng trước thử thách của thiên tai lũ lụt Nhâm Thìn 1952; đánh và thắng địch bằng nhiều cách: du kích, đột kích, tập kích trên khắp các chiến trường, kết hợp binh vận, diệt ác trừ gian ở cơ sở, và ở ngay cả trong lòng địch; tiếp tục ghi nhiều chiến công lịch sử, như: Trận tập kích đồng loạt phá 50 tháp canh của giặc ngày 22 tháng 3 năm 1950; đánh bại nhiều cuộc càn quét qui mô của địch vào chiến khu Đ; đốt kho xăng dầu ở Phước Lư (Biên Hòa) tấn công trại giam Thủ Đức giải thoát 120 tù chính trị (tháng 8 năm 1950), tập kích yêu khu Trảng Bom (20/7/1951), cài mìn diệt máy bay giặc ở sân bay SIPH (tháng 4/1952)... Kết quả kháng chiến chống Pháp của quân dân Biên Hòa đã góp phần quan trọng trong thắng lợi chung ở chiến trường Nam bộ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ..

Đồng Nai - Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ từ 1954 đến 1975

Giai đoạn 1955-1975, Đồng Nai cùng Nam bộ tiếp tục cuộc kháng chiến chống xâm lược trường kỳ, gian khổ; lần này, đối tượng là đế quốc Mỹ với tiềm lực quân sự mạnh hơn và thủ đoạn tinh vi hơn. Những năm 1955-1959, cách mạng bị đàn áp khốc liệt. Chiến dịch tổ cộng của Mỹ - Diệm gây tổn thất nặng nề, nhiều cơ sở Đảng tan rã; nhiều cán bộ bị giết hại hoặc tù đày. Nhưng lòng dân kiên trung và kinh nghiệm chống Pháp dày dặn đã được vận dụng khéo léo trong tình hình mới để duy trì và phát triển phong trào cách mạng. Trong máu lửa, quân dân Biên Hòa vẫn kiên cường chống quân xâm lược; phong trào chống Mỹ liên tục nổi lên ở nông thôn và đô thị, như phong trào công nhân của nhà máy BIF Biên Hòa và của các đồn điền: An Lộc, Ông Quế, Bình Lộc, Hàng Gòn, Suối Tre, Bình Sơn... Cuộc nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp (2/12/1956) là sự kiện thể hiện ý chí cách mạng mạnh hơn sắt thép, gông cùm. Năm 1957, đội vũ trang C.250 được thành lập ở rừng chiến khu Đ, ngày 18 tháng 9 năm 1957 tấn công trại be Biên Hòa, và ngày 7 tháng 7 năm 1959, cùng cơ sở mật Biên Hòa tập kích trụ sở MAAG, tiêu diệt 2 cố vấn quân sự Mỹ, mở đầu chiến thắng diệt Mỹ trên chiến trường Việt Nam.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Năm 1960 trở đi, từ khi Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời, phong trào kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Nam bộ nói chung, Biên Hòa nói riêng sôi động, lớn mạnh về mọi mặt. Quân dân Biên Hòa vận dụng mọi khả năng, kinh nghiệm và tiềm lực cách mạng lập nhiều chiến công lẫy lừng; nhiều lần tiến công gây thiệt hại nặng sập bay Biên Hòa, tiêu biểu là trận đánh “*Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*” ngày 31.10.1964 được Bác Hồ làm thơ khen tặng; nhiều cuộc chống càn thẳng lợi, đáng kể là cuộc chống càn diệt Mỹ qui mô lớn ở Đất Cuốc ngày 8 tháng 11 năm 1965; đặc công Biên Hòa nhiều lần đánh vào tổng kho Long Bình (từ 1965 đến 1975), tiêu biểu là 3 trận đánh liên tục tháng 10, 11, 12 năm 1966 phá hủy hàng trăm ngàn tấn bom đạn; Đoàn 10 Rừng Sác mưu trí, sáng tạo nhấn chìm hàng chục tàu vận tải của Mỹ trên sông Lòng Tàu và các bến cảng; nhiều lần làm nổ tung kho bom Thành Tuy Hạ, kho xăng Nhà Bè...

Trong chiến dịch Mùa Xuân năm 1975, Biên Hòa là chiến trường nóng bỏng. Xuân Lộc được địch xây dựng thành cánh cửa thép của chế độ Sài Gòn. Sau hai mươi một ngày đêm quyết chiến, quân cách mạng đã mở tung cánh cửa này ngày 21 tháng 4 năm 1975 để đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, kết thúc chiến tranh. Lúc 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử, lá cờ Tổ quốc được nữ đồng chí Trương Thị Sáu treo cao ở Tòa hành chính ngay ở thị xã Biên Hòa. Từ đây, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai cùng cả nước sống trong hòa bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai.

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước đã sản sinh ra một văn hóa giữ nước Việt Nam. Rồi đến lượt chính văn hóa giữ nước ấy, góp phần quyết định cho lịch sử dựng nước và giữ nước vẫn là dòng chảy liên tục từ quá khứ tới hiện tại và tương lai, giữ cho dân tộc Việt Nam mãi trường tồn. Dựng nước và giữ nước là nội dung cơ bản, xuyên suốt toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam. Kể từ khi hình thành quốc gia, dân tộc đến nay, trải qua hàng ngàn năm, nhân dân ta đã kiên cường, bền bỉ chống lại các thế lực xâm lược, đô hộ để giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Một dân tộc sinh ra và phát triển trong cuộc vật lộn cam go, quyết liệt mang tính sinh tồn, trải qua nhiều biến cố to lớn như vậy, cho nên mọi hoạt động vật chất, tinh thần của dân tộc ta luôn phải tuân theo quy luật xuyên suốt: dựng nước đi đôi với giữ nước. Điều đó khiến cho nhân dân Việt Nam sớm có lòng yêu nước, làm cho truyền thống đấu tranh cách mạng Việt Nam chứa đựng tư tưởng, tình cảm, văn hóa giữ nước sâu sắc. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc đã tạo nên nhân cách con người Việt Nam với các giá trị truyền thống đấu tranh cách mạng vô cùng phong phú. Cùng với thời gian, các

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

giá trị này được lưu truyền qua các thế hệ, trở thành truyền thống tốt đẹp, là sức mạnh và động lực của dân tộc.

Tình yêu dành cho quê hương, đất nước ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc trên thế giới hoàn toàn không giống nhau, song tựu chung lại sợi chỉ đỏ chủ nghĩa yêu nước là biểu hiện khát vọng và hành động luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết. Chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam được hình thành từ rất sớm, bắt nguồn từ những tình cảm rất đơn sơ, bình dị trong gia đình, làng xã và rộng hơn là tình yêu Tổ quốc. Chủ nghĩa yêu nước, ý chí độc lập và tự cường dân tộc đã trở thành “dòng chủ lưu của đời sống Việt Nam”, là nền tảng tinh thần to lớn, là giá trị đạo đức cao quý nhất trong thang bậc các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam, trở thành “tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị” và là nguồn sức mạnh vô địch để dân tộc ta vượt qua khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, xứng đáng với lời ngợi ca của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹.

Trong lịch sử, nhân dân ta luôn đề cao và coi trọng việc giữ tình hòa hiếu với các nước, tận dụng mọi cơ hội có thể để giải quyết hòa bình các xung đột, cho dù nguyên nhân từ phía kẻ thù ... Ngày nay, truyền thống nhân nghĩa đó không bị mai một hay mất đi, ngược lại tiếp tục được khẳng định và củng cố khi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện đường lối nhất quán “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Trải qua thực tiễn trong cuộc sống lao động cũng như chiến đấu, tinh thần đoàn kết dân tộc bền chặt càng được đề cao và đã trở thành một triết lý nhân sinh sâu sắc “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công”. Trong 88 năm qua kể từ khi có Đảng lãnh đạo, thực tiễn cách mạng Việt Nam thêm một lần nữa đã thể hiện sức sống kỳ diệu và chứng minh chân lý đúng đắn về sức mạnh vĩ đại của tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Sức mạnh đó chính là mạch nguồn của các thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám (1945), kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) và chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)...

Hòa cùng với dòng chảy lịch sử dân tộc, vùng quê hưng thịnh và yên bình với tên gọi “Biên Hòa – Đồng Nai” đã chứa đựng cả bề dày và sự phong phú, độc đáo của vùng văn hóa Miền Đông “gian lao mà anh dũng”, đồng thời phát huy được các giá trị văn hóa – lịch sử mang bản sắc dân tộc. Những thế hệ con người Biên Hòa – Đồng Nai đã mang trong mình dòng máu của người Việt Nam với đầy đủ các giá trị văn hóa-lịch sử truyền thống: Yêu quê hương, đất nước; đoàn kết, anh

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

dũng trong cải tạo thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; ham học hỏi và giàu lòng nhân nghĩa, thủy chung...

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích tự nhiên là 5.907,2 km². Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp với tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương. Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía Đông Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ.

Trong suốt chặng đường 320 năm, kể từ ngày cư dân Việt định cư trên mảnh đất Đồng Nai, những người con mang trong mình dòng máu đỏ “ Lạc Hồng” với bản lĩnh của mình đã tiếp nối truyền thống của cha ông viết nên nhiều chiến công hiển hách làm rạng rỡ trang sử vàng dân tộc. “ Chừng nào còn nước Đồng Nai. Anh còn giết giặc, không sai lời thề”. Đặc biệt trong 30 năm chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) cùng với nhân dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ, quân dân Đồng Nai đã vượt qua muôn ngàn gian khổ, dũng cảm kiên cường trong đấu tranh để “ bảo tồn sông núi” góp phần dệt nên truyền thống hào hùng “Miền Đông gian lao mà anh dũng”. Và trong suốt chặng đường hình thành và phát triển cùng với lịch sử nước nhà, vùng đất Đồng Nai đã để lại cho thế hệ hôm nay nhiều di tích lịch sử- văn hóa tiêu biểu, nhiều giá trị truyền thống đấu tranh cách mạng, là niềm tự hào của bao lớp người đi khai phá, mở mang, xây dựng và phát triển vùng đất mới phương Nam. Đây thực sự là trang sử vàng chói lọi, là niềm tự hào của mảnh đất và con người Đồng Nai với chủ nghĩa yêu nước sâu sắc.

Truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng Bộ và nhân dân Đồng Nai được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân, đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. Truyền thống đó thể hiện rõ nét nhất qua các sự kiện lịch sử tiêu biểu, đó là trận chiến thắng La Ngà (01/3/1948), chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh, mở “cánh cửa thép” phía Đông tiến vào giải phóng Sài Gòn (từ ngày 09/4/1975 đến 21/4/1975)...

Trong kháng chiến chống Pháp

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta lần thứ nhất (1858), đặc biệt khi Gia Định thành thất thủ (1861), Biên Hòa trở thành nơi đứng chân xây dựng lực lượng nghĩa quân chống Pháp của nhiều lực lượng yêu nước. Nhân dân Biên Hòa cùng các dân tộc anh em dưới ngọn cờ khởi nghĩa của “Bình Tây Đại Nguyên Soái” Trương Định đã xây dựng căn cứ kháng chiến Bàu Cá, Giao Loan chống nhau với giặc Pháp rất anh dũng. Những phong trào kháng Pháp sau đó như Đông Du, Duy Tân, các phong trào Hội kín như Đoàn Văn Cự, Trại Lâm

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Trung... những năm đầu thế kỷ XX, từ những năm này các tầng lớp nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai đã thể hiện rõ lòng yêu nước và ý chí quật cường.

Đồng Nai, nơi giai cấp công nhân hình thành khá sớm, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành lực lượng nòng cốt lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Một trong những tổ chức Đảng đầu tiên được thành lập trong giai cấp công nhân ở Đồng Nai và miền Đông Nam bộ đã được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riềng vào tháng 10/1929. Chi bộ Đảng Phú Riềng là nơi tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh vào ngày 03/02/1930 của 5.000 công nhân cao su đình công, chiếm sở mở đầu cho phong trào 1930 – 1931 trong toàn miền.

Tháng 02/1935, chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Bình Phước – Tân Triều được thành lập, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Biên Hòa, làm nòng cốt hình thành Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa vào năm 1937. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa, phong trào 1936 – 1939, phong trào này là bước tập dợt rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân, tạo niềm tin để cách mạng vượt qua mọi khó khăn gian khổ khi thực dân Pháp khủng bố trắng từ cuối năm 1939, khôi phục phong trào và phát động cao trào giải phóng dân tộc vào những năm 1944 – 1945.

Hòa cùng phong trào đấu tranh chung của cả nước, ngày 26/8/1945 chỉ với 40 đảng viên cộng sản và chi bộ đảng sở Trường Tiền Biên Hòa làm nòng cốt lãnh đạo, nhân dân Biên Hòa đã nhất tề đứng lên giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật, đập tan chế độ thực dân nửa phong kiến, giành độc lập cho dân tộc.

Ngày 01/3/1948 quân và dân Đồng Nai rất dũng cảm với chiến thắng La Ngà – là một chiến thắng giao thông lớn nhất ở miền Đông Nam bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây là trận đánh giao thông đầu tiên tập trung toàn chi đội 10 Biên Hòa (trung ương trung đoàn ngày nay). Xa căn cứ địa (từ chiến khu Đ đến điểm phục kích 80km), do đó công tác chuẩn bị và đảm bảo vật chất được ban chỉ huy chi đội tổ chức rất chu đáo và công phu. Từ cuối năm 1947, trinh sát chi bộ đã phải bám sát quốc lộ 20 nắm chắc quy luật di chuyển của các đoàn quân của Pháp trên tuyến đường Sài Gòn – Đà Lạt từ số lượng xe đến thời gian và tốc độ di chuyển. Nhân dân, công nhân cao su Xuân Lộc, Biên Hòa phải huy động hàng chục tấn lương thực, xây kho bãi dự trữ phục vụ hàng ngàn chiến sĩ từ 07 đến 10 ngày.

Ngày 26/02/1948, chi đội 10 Biên Hòa và liên quân 17 của Khu 7 hành quân từ chiến khu Đ về quốc lộ 20. Ngày 29/02 toàn lực lượng đã chiếm lĩnh trận địa ở những điểm cao phía Tây quốc lộ 20 để chặn đánh đoàn xe quân sự Pháp đi dự hội nghị quân chính ở Đà Lạt.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Tuyến phục kích dài 9km từ cây số 94 đến cây số 103 được tổ chức thành ba trận địa A-B-C. Các trận địa đều chôn mìn trên đường và liên lạc với nhau bằng máy vô tuyến, trận địa giả được lập ở Suối Cát, sở chỉ huy trận đánh đặt ở đồi 100 cây số 107.

Sáng 01/3/1947 đoàn xe quân sự Pháp gồm 70 chiếc có thiết giáp mở đường từ Sài Gòn đi Đà Lạt, do phải tháo gỡ chướng ngại vật và đối phó với du kích ta, đoàn xe đến La Ngà trễ hơn 03 giờ so với kế hoạch của chúng (đúng ý đồ kế hoạch thời gian của ta).

15 giờ 2 phút, đoàn xe ịch lọt vào trận địa A, chiếc thiết giáp đi đầu trúng mìn lật nhào, 02 xe bộ binh đi sau tan xác. Do mất thông tin, đoàn xe ịch cứ nối đuôi nhau tiến sâu vào trận địa. Mìn ở trận địa C nổ tháo đuôi đoàn xe cũng là lúc toàn lực lượng xung phong lên mặt đường tấn công quyết liệt, kêu gọi ịch đầu hàng và truy kích bọn lính lê dương trốn chạy.

15 giờ 57 phút, trận đánh kết thúc, 59 xe trong tổng số 70 xe bị phá hủy, 150 lính lê dương và 25 sĩ quan Pháp bị chết, trong đó có đại tá De Sérighé chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13, đại tá Patruit, tổng tham mưu phó quân viễn chinh Pháp, trung úy Jeffrey bị thương và bị bắt sống. Sau trận đánh này, đại tá Thalès chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai Thượng bị giáng chức phải tự sát.

Có thể khẳng định, La Ngà là trận đánh phục kích giao thông tiêu diệt đoàn xe Pháp lớn nhất ở chiến trường miền Đông bấy giờ. Ngoài thắng lợi quân sự, chiến thắng La Ngà còn mang ý nghĩa chính trị to lớn. Chiến thắng La Ngà ngày 01/3/1948 là một minh chứng hùng hồn cho sự lớn mạnh của lực lượng kháng chiến Biên Hòa và miền Đông Nam bộ.

Trong kháng chiến chống Mỹ

Truyền thống yêu nước, ý chí chiến đấu bất khuất, tinh thần tự lực tự cường với quyết tâm cao, tinh thần vượt khó, chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, sự gắn bó keo sơn giữa quân và dân Biên Hòa – Đồng Nai tiếp tục được phát huy trong những năm kháng chiến chống Mỹ.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhân dân Đồng Nai đã vô cùng anh dũng, hết lòng tham gia kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Liên Tỉnh ủy miền Đông, Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam. Cuộc chiến tranh nhân dân của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong suốt 30 năm kháng chiến cực kỳ gian khổ, ác liệt nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương đã phối hợp rất nhịp nhàng, kịp thời cùng chiến trường toàn miền Nam, góp phần đánh bại 05 chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, lập nên nhiều chiến công vang dội.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Tuy đứng trước những khó khăn lớn, nhưng quân và dân Đồng Nai cũng có nhiều thuận lợi. Đó là truyền thống tốt đẹp lâu đời vừa được tôi luyện qua đấu tranh cách mạng, với niềm tin sắt đá vào Đảng, mặt trận, Chính phủ mà trung tâm là Bác Hồ kính yêu. Đây là những động lực, là sức mạnh tinh thần để quân và dân Đồng Nai vượt qua những khó khăn, gian khổ, ác liệt, giữ vững ý chí chiến đấu và tinh thần tiến công cách mạng, lập nên nhiều chiến công vang dội, góp phần vào thắng lợi chung của toàn Miền và cả nước cho đến ngày toàn thắng. Tháng 12 năm 1956, cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp của hơn 400 cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước; tháng 7 năm 1959 trận tiến công trụ sở đoàn cố vấn quân sự (MAAG) ở Nhà Xanh, Tân Mai diệt hai tên cố vấn Mỹ đầu tiên trên chiến trường miền Nam. Những trận đánh bằng pháo binh, bằng đặc công vào sân bay Biên Hòa, vào Tổng kho Long Bình, kho bom Thành Tuy Hạ phá hủy hàng trăm máy bay các loại, hàng triệu tấn bom đạn, tiêu diệt hàng ngàn tên lính Mỹ, chiến thắng Rừng Sác, đặc biệt bằng chiến dịch Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh tháng 4 năm 1975...

Mùa xuân 1968, cuộc tiến công và nổi dậy thần tốc của quân chủ lực ta cùng với Đảng bộ, quân và dân Xuân Lộc đã thực hiện thắng lợi chiến dịch Xuân Lộc – Long Khánh. Có thể nói, chiến dịch Xuân Lộc là một trận quyết chiến chiến lược trên con đường giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam. Trong cơn giã chết, Mỹ - ngụy dồn hết lực lượng từ miền Trung chạy vào, các lực lượng trú bị của Sài Gòn và quân đoàn, dựng “cách của thép” quyết giữ cho được Long Khánh – Xuân Lộc, tuyến phòng thủ cuối cùng ở phía đông Sài Gòn với hy vọng chặn các mũi tiến công của quân giải phóng để tạo điều kiện tìm một giải pháp chính trị cuối cùng.

Rạng sáng ngày 09/4/1975 chiến dịch Xuân Lộc mở màn bằng những loạt pháo cấp tập vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh.

7 giờ 30 phút cùng ngày, sư đoàn 341 và sư đoàn 7 tiến công hai hướng Đông Bắc và Tây Bắc thị xã, chiếm lĩnh và treo cờ Mặt trận trên hầu hết các căn cứ của địch như trại biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ, toàn thành chánh, tỉnh đoàn báo an.

Trưa ngày 09 đến ngày 12 tháng 4 từ các hầm ngầm, địch phản kích quyết liệt với hỏa lực chi viện tối đa của không quân và quân nhảy dù (lữ đoàn I). Lực lượng ta phải rút ra ngoài để củng cố, tạo thế bao vây địch trong thị xã, tiếp tục làm chủ khu vực ven thị xã và các đoạn quốc lộ 1, quốc lộ 20.

Ngày 14 tháng 4 ta tiếp tục tấn công địch ở thị xã. Hướng Tây Bắc và Đông Bắc, địch rút bỏ các chốt ở ngoại vi, lui về cố thủ ở các điểm cao trong thị

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

xã. Trong hai ngày 15 và 16 tháng 4, địch liên tục tăng cường lực lượng chi viện lên Xuân Lộc, đồng thời đưa bộ chỉ huy quân đoàn III nguy từ Biên Hòa lên Trảng Bom để chỉ huy phản kích. Nhưng các mũi phản kích của địch đều bị chặn và bẻ gãy.

Ngày 20 tháng 4, đại quân ta mở đợt tiến công cuối cùng trên 4 hướng Đông – Tây – Nam – Bắc. Xe tăng và pháo binh quân giải phóng tiến vào thị xã, hầu hết các căn cứ quân sự và cơ quan địch đều tung bay cờ mặt trận.

Sáng ngày 21/4/1975 “tuyến phòng thủ thép” của địch Xuân Lộc bị đập tan. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng. Có thể khẳng định, chiến thắng Xuân Lộc có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, đã đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của kẻ thù ở phía Đông, thúc đẩy nhanh quá trình suy sụp, tan rã của nguy quân, nguy quyền ở Biên Hòa, Sài Gòn, mở một cục diện mới cho các binh đoàn bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân, đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, đưa đất nước bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và CNXH.

Nhìn lại những chặng đường lãnh đạo và đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai nhân dịp kỉ niệm 320 năm Biên Hòa – Đồng Nai là việc có ý nghĩa nhiều mặt. Nó không chỉ giúp chúng ta nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn lịch sử đấu tranh cách mạng lâu dài với nhiều thắng lợi to lớn, vẻ vang của Đảng mà còn góp phần củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Ngày nay, kế thừa và phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, tinh thần yêu nước, bất khuất, kiên cường của dân tộc, những bài học giữ nước của cha ông, bằng sự nỗ lực phấn đấu không ngừng phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao sức mạnh tổng hợp và uy tín quốc tế của đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh đoàn kết quốc tế, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm mục tiêu cao nhất, nhân dân ta nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc non sông gấm vóc do cha ông để lại để trao truyền cho muôn đời con cháu mai sau.

Nhìn lại tiến trình lịch sử hào hùng của dân tộc qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, trong đó có sức trỗi dậy của mảnh đất và con người Đồng Nai với chặng đường 320 năm qua, chúng ta càng thêm tự hào về những giá trị tinh

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

thần và đặc điểm nhân cách con người Việt Nam. Các thế hệ dân tộc Việt Nam, trong đó có con người Đồng Nai đã gìn giữ, phát huy những nét đẹp truyền thống đấu tranh cách mạng, anh hùng cách mạng và chủ nghĩa nhân văn sâu sắc. Đồng Nai đang cùng với cả nước bước vào quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, bối cảnh đó sẽ có tác động không nhỏ tới các giá trị văn hóa-lịch sử truyền thống của dân tộc ở cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Thế hệ trẻ Đồng Nai cùng với cả nước cần nhận thức sâu sắc giá trị truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc và của quê hương Đồng Nai; từ đó tự trau dồi bản lĩnh chính trị, tu dưỡng đạo đức, nhân cách xứng đáng với truyền thống hào hùng của cha ông; đóng góp tài năng và trí lực để cùng chung tay xây dựng quê hương, đất nước ngày càng trở nên giàu đẹp, văn minh.

Thời gian dần trôi, nhưng ký ức về truyền thống đấu tranh cách mạng của ông cha năm xưa mãi mãi sáng ngời. Những giá trị cao quý này sẽ được lớp lớp các thế hệ con cháu hôm nay kế thừa và phát triển, kết quả của những công trình phần việc thanh niên, sự thành đạt của những nhà doanh nghiệp trẻ, những nhà giáo, những sinh viên, học sinh vượt khó học giỏi... là biểu hiện sinh động về lòng biết ơn của thế hệ chúng tôi hôm nay. Tuổi trẻ chúng tôi xin hứa sẽ tiếp bước cha anh, phát huy truyền thống cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền trên con đường hội nhập và phát triển. Chúng tôi - những cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên và học sinh của Trường THCS Trịnh Hoài Đức (An Viễn-Trảng Bom-Đồng Nai) nguyện không ngừng phấn đấu rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và nguyện làm người xung kích trong tình hình mới, biến quyết tâm thành hành động, biến lời hứa thành việc làm hiện thực. Quyết tâm thi đua dạy tốt, học tốt, công tác tốt góp phần cùng Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai xây dựng tỉnh nhà vững mạnh toàn diện. Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ X Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Cũng nhân dịp này, tôi trân trọng gửi tới Đảng bộ, lãnh đạo các cấp và nhân dân tỉnh Đồng Nai lời biết ơn chân thành nhất, cùng với sự mong ước: các cô, chú, các anh chị hãy tin tưởng vào thế hệ trẻ chúng tôi. Tôi, một giáo viên, một người lái đò tận tụy của quê hương, nguyện sẽ đem hết sức mình, bằng trái tim của những người con trung thành với quê hương Miền Đông gian lao mà anh dũng, giàu truyền thống cách mạng, bằng khối óc của người tri thức trẻ xã hội chủ nghĩa và bằng nhiệt huyết của tuổi trẻ, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Ngược dòng lịch sử, tìm hiểu những giá trị truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai. Tôi tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ đem lại nguồn sinh lực mới

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

vượt qua mọi thách thức, để Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*” thúc đẩy toàn thể Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh hăng hái tiến lên, phát huy truyền thống chiến đấu anh dũng của quê hương để xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh giàu đẹp, vững mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 2: *Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?*

Khái quát chung.

Tín ngưỡng dân gian Việt Nam, còn gọi là tín ngưỡng truyền thống Việt Nam, là tín ngưỡng bản địa của các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam trải qua nhiều thời đại.

Đồng Nai từ lâu đời là một địa bàn sinh tụ và cư trú của nhiều dân tộc với các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, có sự giao lưu và ảnh hưởng tôn giáo lẫn nhau.

Vào khai hoang lập ấp ở Đồng Nai, người Việt đã trải qua nhiều giai đoạn, nhiều chặng đường. Ngoài văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo truyền thống được mang theo vào vùng đất mới, người Việt đã tiếp nhận có chọn lọc các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của các cộng đồng cư dân mà họ cùng sinh sống. Khi người phương Tây vào truyền giáo, họ lại tiếp nhận văn hóa Ki tô giáo. Do điều kiện lịch sử, địa lý nhân văn nên tín ngưỡng tôn giáo Đồng Nai không mang tính cổ điển mà được hỗn dung nhiều nguồn, nhiều phía tạo nên sắc thái riêng. Dù theo tôn giáo này hay tôn giáo khác thì truyền thống thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ những người có công với dân, với nước, nhớ ơn nghĩa người xưa theo đạo lý "uống nước nhớ nguồn" vẫn là truyền thống phổ biến nhất, sâu rộng nhất.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, cộng đồng các dân tộc Biên Hòa - Đồng Nai luôn lưu giữ, trao truyền di sản văn hóa truyền thống của các tộc người, trong đó có các hình thức phong tục, tập quán, tín ngưỡng, và được điều chỉnh theo từng thời kỳ, từng giai đoạn. Mỗi tộc người có những hình thức phong tục tập quán riêng, trong đó chứa đựng những giá trị truyền thống của tộc người. Tín ngưỡng dân gian truyền thống của cư dân Việt gồm nhiều lớp, xuất phát chung một gốc đến với Đồng Nai qua hai hệ (Bắc bộ và Trung bộ) đã tạo ra mẫu số chung trong sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai; đó là chất

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

kết dính cư dân Việt ở Đồng Nai với cội nguồn, là hạt nhân, là “gien nội sinh” trong quá trình giao lưu, tích hợp tín ngưỡng của các tộc người khác.

Với tỷ lệ đa số (trên 90% dân số) trong tỉnh, người Việt ở Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội ở địa phương. Tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Đồng Nai là một phức hệ bao gồm nhiều nhân tố hiện gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (việc sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...) với sinh hoạt cộng đồng (thờ cúng trong nhà, cúng đình, cúng miếu, lễ chùa...).

Khi nói đến tín ngưỡng, lễ hội không thể không đề cập đến các hình thức phong tục tập quán, để góp phần tìm hiểu riêng từng loại hình, tác giả xin được khái quát những nét chính về phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Dưới đây chỉ là những cố gắng để trình bày một cách khái quát nhất, dù mỗi nơi có khác biệt chút ít, và chỉ chọn lựa những loại hình, những thành tố tiêu biểu.

LỄ THỨC VÀ TẬP QUÁN TRONG MỘT VÒNG ĐỜI NGƯỜI

Việc sinh, dưỡng

Vòng đời người được tính từ khi "đậu thai" trong bụng mẹ cho đến khi "mãn tang". Bắt đầu là chuyện "dưỡng thai". Khi có biểu hiện "đậu thai", người phụ nữ có mang phải kiêng giữ và được bảo vệ kỹ lưỡng. Việc kiêng giữ tập trung ở các mặt: Ăn uống, cử động và giao tiếp.

Về ăn uống, phải kiêng cử: Không ăn cua để tránh đẻ ngang, không ăn tôm để tránh đẻ con lưng còng, ăn cá không được trở xương để bào thai khỏi động, không ăn sò, ốc, hến để con không dãi nhớt, không ăn trái cây sinh đôi để tránh đẻ song thai, không ăn chuối già để kiêng kỵ chuyện tục tằn, không ăn những thứ dị hình dị dạng để con khỏi khuyết tật, tránh ăn nhiều gia vị để con cái hiền lành; một số người còn kiêng ăn trầu cau và những loại trái “gai góc” (như sầu riêng, chôm chôm, măng cầu) để việc sinh nở được “trơn tru”. Ngược lại, người phụ nữ mang thai được động viên ăn nhiều muối để con cái có tình cảm mặn mà, ăn nhiều trứng để “mẹ tròn con vuông”. Việc cử động cũng nhiều điều kiêng giữ: Không được chửi mắng hoặc cười nói lớn tiếng, không được đến những nơi thờ cúng, không được bước qua mương hoặc nhảy qua hào, không được chui qua sào (dây) phơi quần áo; không được ngủ trưa quá buổi, không được đứng lâu ở ngã ba đường hoặc bến, ngã ba sông; không được dắt hoặc đuội theo trâu, đi xuống ghe không được chèo hoặc ngồi mũi... Ngược lại, người phụ nữ có mang luôn phải có việc làm, cử động chân tay nhẹ nhàng để sinh nở được dễ dàng. Việc giao tiếp thường phải kiêng gặp người nóng nảy, nặng vía, tính khí lì lợm hoặc đã có nhiều lần sinh nở không thành. Việc "dưỡng thai" được

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

xem trọng, việc sinh nở còn quan trọng hơn. Giai đoạn "dưỡng thai" gắn với mẹ ruột, mẹ chồng, việc sinh nở gắn với vai trò của các "mụ vườn". Mỗi làng thường có một bà mụ lo việc sinh đẻ cho cộng đồng; mụ thường được học tập kinh nghiệm ở các mụ tiên bối và tự tích lũy thêm kinh nghiệm, biết đỡ đẻ, làm thuốc và cúng bái. Có những mụ giàu kinh nghiệm (như mụ Bảy Mạnh ở Cù Lao Phố, mụ Hồng ở Phước Thiên chẳng hạn) nắm sữa được thai, đoán định chính xác cả giới tính của thai nhi.

Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ hai mới ở nhà chồng "con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng". Khoảng một tháng trước khi sinh, bà mụ tiến hành lễ đầu tiên, gọi là lễ đơm lễ, bà mụ khấn "Mười hai mụ Bà mười ba Đức Thầy" phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Những bà mụ dày dặn kinh nghiệm thường khấn có vận, có điếu.

Về mười hai Mụ Bà, mười ba Đức Thầy, theo truyền dân gian phổ biến cả nước, mười hai Bà Mụ được Trời giao nhiệm vụ chọn đất tinh túy nặn thành con người nên mười hai Bà Mụ ứng với con số 12 tháng trong năm trở thành người mẹ sanh trong niềm tin của cư dân Việt. Đúng ra là: "mười hai Mụ Bà và Ba Đức Thầy". Ba Đức Thầy là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư, cùng lo việc "giáo", còn Mười hai Mụ Bà lo việc "sinh".

Khi sản phụ lâm bồn, chỉ bà mụ và người trợ giúp (thường là mẹ ruột hoặc chị em ruột) ở lại với sản phụ. Huỳnh Tịnh Của giải thích: Lâm bồn là đẻ¹. Người địa phương giải thích rằng, theo cách của người Hoa, sản phụ sinh con vào một cái chậu (bồn) bằng sành hay gỗ nên gọi là lâm bồn. Cách gọi khác là vượt cạn. "Rún" được cắt bằng miếng sành hay miếng tre nửa sắc cạnh. Nhau đưa trẻ được cẩn thận cho vào hũ sành hoặc nồi đất đậy nắp kỹ, kín đáo chôn kỹ trong vườn nhà. Công việc thầm kín này có ý nghĩa gắn con người với mảnh đất quê hương "chôn nhau cắt rún" của mình.

Khoảng ba ngày sau khi sanh, bà mụ lại tiến hành lễ móc miếng với mục đích "gọi ra" làm sạch nước ối còn trong miệng đứa trẻ. Lại bày hương hoa và khấn gọi Mụ Bà, Đức Thầy như ở lễ đơm lễ, nhưng lần này cúng trong chỗ "nằm lửa" của sản phụ.

Thời gian "nằm lửa" của phụ nữ trong buồng kín gọi là ở cũ, thường kéo dài suốt một tháng, có thể lâu hơn nếu người mẹ và đứa bé chưa đủ khỏe. Theo Trịnh Hoài Đức, tục xưa "sản phụ nằm trên giường, bên dưới để lửa than đỏ ngày đêm không dứt, lại lấy nồi lửa để chận hơi trên bụng mỗi ngày 1, 2 lần, ăn những vật cay mặn khô tảo, uống nước thì tùy theo hương tục, gia tục hoặc quen

¹ Đại Nam Quốc âm tự vị, Huỳnh Tịnh Của. CTPH TP HCM, 1980, trang 70.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

dùng thuốc Nam lấy rễ cây vầm nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió..."².

Dấu hiệu của nhà có người ở cũ là đoạn củi đã tắt lửa trước cửa nhà, gọi là vỏ lửa. Vỏ lửa đầu đã cháy quay vào là sinh con trai, quay ra là sinh con gái. Tục này, Trịnh Hoài Đức giải thích: "...để làm dấu hiệu ngăn đón những người có vía không tốt: Như bị sản nạn không nuôi con được, bịnh huyết vụng (xây xẩm), bịnh nhi chằm (tục gọi là máu nhà con) và có hung tán v.v... đều không cho vào..."³. Ngày đầy tháng được xem là ngày đầy cũ, không tính cũ theo vía "nam bảy nữ chín" (nam ngày thứ bảy, nữ ngày thứ chín) như ở Bắc bộ mà tính sứt ngày sinh "gái sứt hai, trai sứt một". Trong lễ đầy tháng, ông bà, người thân đến mừng cháu bằng quà tặng, lời chúc tốt đẹp hoặc thơ mừng. Tên khai sinh của đứa bé được chọn chính thức trong dịp này. Việc đặt tên cũng được chọn lọc, kiêng húy thánh thần, ông bà, người lớn tuổi như nhiều nơi khác. Quan trọng nhất của ngày đầy tháng là lễ cúng mẹ nhằm tạ ơn Mẹ Bà đã "nặn ra đứa bé: mẹ tròn con vuông". Lễ cúng mẹ gồm nhang, đèn, hoa, trái cây, chè xôi, bộ đồ mã (gồm: áo, quần, khăn, hài bằng giấy; bánh gói, miếng trầu tằm sẵn), mỗi vật cúng đều tròn con số 12 ứng với 12 bà mẹ. Lại có thêm 3 chén chè, 3 đĩa xôi hoặc ba các món khác dành cho 3 Đức Thầy.

Ngày đưa bé tròn năm, có lễ thôi nôi, Trịnh Hoài Đức gọi là lễ tôi bàn, lễ tôi tôi. Lễ thôi nôi đơn giản hơn lễ đầy tháng, cũng khấn vái ông bà, cúng mẹ bằng chè xôi. Nhà khá giả có thể có tiệc mừng: Mừng con trai hoặc mừng con đầu lòng. Khác với lễ đầy tháng, lễ thôi nôi có trò thử nghề, nói theo người Hoa là thí nghệ; tức bày ra các vật dụng: Gương, lược, kim, chỉ, đũa, muỗng... (nếu là con gái); bút, giấy, đàn, cờ... (nếu là con trai) cho trẻ tự chọn. Người ta tin rằng, món nào đứa bé chạm đến đầu tiên sẽ ứng với nghề nghiệp thích hợp sau này. Bởi vậy, những món bày ra cho bé thường tránh: Dao, búa, gươm, giáo... để không vướng vào nghiệp binh đao.

Sau ngày đầy tháng và tròn năm, việc nuôi dưỡng đứa bé nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn phải thường trực những việc kiêng kỵ và cầu cúng theo thông lệ. Ngày xưa, nhiều gia đình giữ lệ cúng mẹ 3 tháng một lần cho đến khi đứa bé tròn một con giáp (12 tuổi). Trẻ từ đầy tháng đến 12 tuổi vẫn còn trong vòng bảo trợ của Mẹ Bà, Đức Thầy. Ra khỏi nhà phải quét lọ trên trán trẻ để Thổ Công khỏi nhảm, không được gọi tên thật của trẻ và kiêng đặt tên đẹp vì sợ ma quỷ biết mà chọc phá; trưa đúng Ngọ không được ra nắng, không giỡn nắng; nếu

² Gia Định Thành thông chí, sách đã dẫn, tập Hạ, trang 13.

³ Gia Định Thành thông chí, sách đã dẫn, tập Hạ, trang 13.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

trẻ khóc đêm (gọi là dạ đề) phải lấy một chiếc cọc chuồng heo hoặc chuồng gà để dưới gầm giường, cho trẻ đeo vòng bằng cây dâu tằm để ngừa ma quỷ, có khi còn thỉnh bùa ở các thầy phù thủy hoặc các đình ông đeo cho trẻ (gọi là đeo niệc) để tránh ma tà. Những gia đình sùng tín còn đi gieo quẻ, xin lá số tử vi cho trẻ và hàng năm cúng sao vào ngày ứng với sao hộ mạng của đứa bé theo số tử vi bằng một lễ cúng đơn giản gồm nhang, đèn, vàng mã là chủ yếu.

Gặp trẻ ốm yếu khó nuôi, người xưa có tục "gởi nuôi" hoặc "đem bỏ" bằng cách hẹn ngầm với người thân vào ngày giờ nhất định, người mẹ ẵm con đến "gởi" hoặc "bỏ" một nơi nào đó, người thân đến "nhận" hoặc "lượm" về nuôi. Thay đổi bảo mẫu như thế, người ta tin rằng đứa trẻ sẽ vui lòng "ở lại" với đời. Trường hợp đứa trẻ gặp biến cố đột ngột như té ngã hay sợ hãi một điều gì đó mà thần sắc thất thường, người ta cho rằng trẻ đã bị "lạc vía" hoặc "cướp vía" bèn có lễ hú vía bằng cách đem nhang đèn, một đĩa gạo muối, một trứng vịt xé làm 3 cúng ở đầu đường hoặc ngã ba đường khấn Thổ Công, cô hồn nhờ gọi vía về. Khi được lưỡi tầm sét của thiên lôi đánh quỉ cắm vào đất (thật ra, đó là những riu đá dễ tìm thấy ở nhiều nơi trên đất Đồng Nai), người ta thường mài vào mảnh ghè bẻ cho trẻ con uống để ma quỷ phải tránh. Nếu cướp được lưỡi ông tiêu ở các lễ cúng chợ, cúng cô hồn, đem lưỡi ấy bọc vải đeo cổ cho trẻ hoặc lót trong gối ngủ, đứa trẻ sẽ gặp điều tốt lành.

Đến mười hai tuổi, tức đã vượt qua giai đoạn đậu mùa và các dịch bệnh hiểm nghèo khác, gia chủ mừng vui cúng lễ "tròn con giáp" bằng gà, vịt hay đầu heo khấn vái tạ ơn ông bà, Thổ Công, Thổ Địa, mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy đã phù hộ, độ trì cho đứa bé thật sự trở thành người. Từ đây, đứa trẻ mới được xem là "còn", là thành viên chính thức của gia đình.

Do tri thức khoa học phát triển, hiện nay danh mục những điều kiêng giữ và những lễ cầu cúng trong việc sinh dưỡng trẻ ngày càng thu gọn theo hướng lược bỏ những điều lạc hậu, nặng về mê tín đồng thời vận dụng kinh nghiệm dân gian trong kho tàng tri thức y học của nhân dân.

Hôn nhân

Quan niệm về hôn nhân không khe khắt, chỉ những nhà gia thế mới tính chuyện môn đăng hộ đối, còn lại số đông trong dân dã vốn ít phân biệt giàu - nghèo, chủ - tớ, sang - hèn, chuyện hôn nhân thường chọn lựa theo tiêu chuẩn "vừa đôi phải lứa", không cùng trục hệ và "được tuổi". Trường hợp chênh lệch tuổi giữa trai gái, người ta dễ dàng chấp nhận sự "lệch chuẩn: Gái hơn hai, trai hơn một".

Việc tìm hiểu giữa trai gái cũng được tự do, phóng khoáng; ít có chuyện ràng buộc phải tìm hiểu người cùng làng. Làng Việt ở Đồng Nai có cơ cấu mô,

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

thường gồm nhiều họ, đa nguồn gốc, nhiều người làng khác đến phụ canh. Thanh niên nam nữ được dịp giao tiếp rộng cho nên việc tìm hiểu cũng trong mối quan hệ rộng và trong vòng kiểm soát nói lỏng của gia đình.

Trai gái tìm hiểu khi thuận lòng nhau, về thưa với ba má để gia đình nhà trai "bước tới". Tục xưa, người Đồng Nai theo tập tục Trung Hoa, thực hiện đủ sáu lễ: Nạp thái, vắn danh, nạp kiết, nạp tệ, thỉnh kì, thân nghinh. Theo thời gian, các lễ thức cưới xin phức tạp giảm dần. Theo Lương Văn Lựu⁴ một đám cưới bình thường của cư dân Việt thường được chú trọng các lễ: Lễ hỏi, lễ biếu (xêu), lễ xuất giá (cô gái khăn cáo ông bà, cha mẹ sáng mai về nhà chồng), lễ rước dâu, lễ lại mặt. Gần đây, lễ thức còn đơn giản hơn, chủ yếu là lễ hỏi và lễ cưới. Có nơi thêm lễ thăm nhà, còn gọi là lễ chạm ngõ trước lễ hỏi. Trước ngày cưới 8 ngày, có nơi còn làm lễ khai bát nhật (lập hôn ước, khai tên tuổi, sức khỏe của trai gái). Lễ này xuất hiện từ khi thực dân Pháp cầm quyền.

Trong lễ hỏi, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt, cậy mai dong đến nhà gái để đặt vấn đề xin cưới. Mai dong là người cao tuổi (ông mai, cũng có thể là bà mai) có uy tín, có duyên ăn nói trong họ, trong làng. Lễ vật ăn hỏi dạng đơn giản nhất gồm: Một đôi đèn, một cặp trà, một cặp rượu, hai quả bánh, một đôi bông tai... Tục xưa, nhất thiết phải có một búp sen to bằng giấy, hai người khiêng. Búp sen treo ở gian chính để chứng tỏ nhà đang có con gái đã đính hôn. Trường hợp hỏi hôn, đàng gái sẽ nêu lý do, trả của (lễ vật) cho đàng trai, nhất thiết là trả cho được búp sen ấy. Việc trả của sau lễ hỏi khi hôn nhân không thành, có nơi giữ tục của Trung bộ, nếu nguyên nhân từ phía đàng trai, lễ vật coi như mất, nếu nguyên nhân từ phía đàng gái, của một phải trả hai, cho nên dân gian có câu: "Trai chê vợ của đổ xuống sông, gái hỏi chồng của một đèn hai".

Sau lễ hỏi, trai gái được xem là vợ chồng chưa cưới. Trường hợp có đại tang, việc cưới xin vẫn có thể được tiếp tục nếu đã được tang chủ cho phép xả tang ngay khi sắp cử hành lễ động quan. Hoặc sớm hơn thì có thể chuyển ngày cưới trước khi có đại tang gọi là cưới chạy tang.

Lễ cưới được họ hàng, làng xóm cùng chăm lo. Trai gái lo việc dựng công, trang trí bàn ghế; gái lo việc làm bánh, bếp núc. Chăm lo phụ giúp cho lễ cưới là niềm vui và trách nhiệm của cộng đồng. Đôi vợ chồng mới cưới được chăm lo cảm thấy hạnh diện, ấm cúng và có trách nhiệm với nhau hơn trong cuộc sống.

Đàng trai đến nhà gái được tiếp đón bằng tràng pháo giòn giã và có người đón tận ngõ, khi vào nhà có người "rước dù", "rước quả". Nhà gái đã bố trí sẵn, thành

⁴ Biên Hòa sử lược, Lương Văn Lựu, 1960, trang 135 - 140.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

phần chính gồm: Ông (bà) mai, cha mẹ, đại diện họ hàng được mời vào nơi bàn chính đối diện với bàn thờ tổ tiên. Đàng trai được ngồi vào vị trí, dấu hiệu là chiếc bình bông trên bàn thờ. Bình bông thường đặt theo hướng "đông bình, tây quả". Đông theo cách của thợ mộc là hướng của cây đòn dông trên nóc nhà, tức bên trái, hay nói cách khác: "Nam tả nữ hữu". Lễ vật bày ra, ông (bà) mai tuyên bố lý do, nêu lễ vật. Lời nói khéo léo thường dẫn dắt lễ vật đi liền với ý nghĩa luân lý, mỹ tục. Nhà gái nhận lễ (có lại quả như ở lễ hỏi). Chủ gia thấp ba cây nhang khấn vái ông bà báo việc hôm nay gả con gái lấy chồng. Cô dâu được mời ra trong trang phục cổ truyền có dâu phụ đi kèm. Lễ lên đèn được thực hiện trang trọng; ông (hoặc bà) mai cầm đôi đèn từ lễ vật của nhà trai đốt cho cháy cùng một lúc, khấn vái:

Thần đăng chứng giám
Thọ lưỡng tánh nhưt gia
Ông tu la, bà tu tiên
Ông tu hiền, bà tu đức
Ông giúp sức, bà giúp công
Ông Tư hồng, bà Nguyệt lão
Xe dây cầm sắt, kết chặt vợ chồng
Sống bách niên giai lão.

Rồi, mỗi tay cầm một cây đèn cùng chuyển cho đại diện nhà trai, nhà gái; tay trái chuyển cho nhà trai, tay phải chuyển cho nhà gái. Đèn được trình trọng thay vào chân đèn ở bàn thờ tổ tiên. Hai họ nhìn vào đôi đèn ấy mà đoán định hạnh phúc của cô dâu chú rể: Đèn cháy thẳng ngọn, cùng sáng như nhau thì hòa hợp, bình đẳng; ngọn bên nào cháy nhiều hơn thì bên đó sẽ lấn lướt. Bởi vậy, việc chọn đèn, lên đèn trong đám cưới được thực hiện rất cẩn trọng. Đến khi đoàn đưa dâu ra khỏi nhà, ông mai luôn là người đi ra sau cùng để tự tay tắt đôi đèn bằng cách bóp bằng hai ngón tay hoặc chụp tắt bằng hai đồng xu sao cho sự tắt cũng cùng lúc như sự cháy.

Đoàn người rước dâu gồm đại diện họ hàng, cơ cấu cũng đi lẻ về chẵn. Người mẹ không đưa dâu, thường cài vào áo cưới của con gái một chiếc kim băng hoặc một cái lông nhím hay móc tai, gọi là để trừ tà, nhưng lời dặn thực là để sử dụng trong lúc bắt trắc đêm tân hôn.

Về nhà trai, lễ thức cũng khấn vái ông bà, lễ ra mắt họ hàng đơn giản như ở nhà gái. Xong lễ là nhập tiệc. Trong tiệc, kiêng việc đổ vỡ; nên người địa phương có câu:

Ai làm chén bể cơm rơi
Đĩa nghiêng cá đổ rã rời đôi ta.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Ba ngày sau, cô dâu chú rể mang một mâm trầu rượu, một cặp vịt sống về lại nhà gái cảm ơn ba má và làm lễ lạy ông Táo gọi là phản bái hoặc là lễ lại mặt. Ngày xưa, trong lễ phản bái, chú rể thường mang về nhà vợ một cái đầu heo cúng ông bà, nếu đầu heo đã bị cắt mất tai (một hoặc hai) thì đó là dấu hiệu chú rể muốn bảo rằng: Cô dâu không còn trinh trắng trước khi động phòng. Đó cũng là nỗi sĩ nhục của gia đình nhà gái. Tục này vắng bóng đã lâu. Gần đây, quan niệm về “tiền âm hậu thú” không nặng nề như nhiều nơi khác.

Việc tang

Vì quan niệm "chết" là điều ắt phải và cái chết luôn được cộng đồng chăm sóc chu đáo cho nên đa phần cư dân Việt chấp nhận "chết" một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước chu đáo. Chỗ "yên nghỉ" chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là kim tinh; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là cỗ sự. Nếu không phải là "bất đắc kỳ tử" (chết đột ngột), dù đang ở đâu, vì lí do gì, cái chết được mong muốn luôn là cái chết ở quê nhà.

Khi gia đình có người vừa trút hơi thở cuối cùng, việc đầu tiên là phải "hú vía", đến khi không còn hi vọng, mới tắm rửa cho xác chết gọi là "mộc dục". Sau đó, người chết được đặt trong buồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hột gạo (có nơi bỏ thêm một đồng tiền xu) gọi là phạn hàm, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Trường hợp chết bệnh, thường đặt trên bụng một nải chuối sứ gọi là để hút tà khí.

Khi báo tang xong, gia chủ nhờ người coi tuổi, coi ngày giờ để phân xếp việc tang lễ. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt, có tính đến thời gian hội đủ mặt người thân thích. Trước khi chưa tắm liệm, chó, mèo trong nhà được nhốt lại, có người luôn canh xác để không con vật gì có thể vượt ngang qua. Tục này gắn với hàng loạt truyện quý nhập tràng lưu truyền ở địa phương. Những gương kiếng tranh tượng phật trong nhà phải che (dán) lại bằng vải (giấy) đỏ có dấu vôi trắng, nhiều nơi còn quay mặt tượng Phật về bên phải.

Giờ tắm liệm, hội đủ mặt những người thân không kị tuổi. Xác được liệm bằng vải trắng dài 3 mét bó theo cách một dọc năm ngang (đại liệm) hoặc ba ngang (tiểu liệm). Hòm được chọn theo hạng nhất, hạng nhì, hạng ba tùy theo chất lượng gỗ. Tốt nhất là chiếc hòm bằng gỗ trai rất nặng hoặc gỗ hương thom lừng. Nắp hòm bằng một nửa thân cây đặc ruột mặt hình bán nguyệt vừa khít với thân hòm bằng ba mảnh ván. Như thế hài hòa với sự vuông tròn của trời đất.

Hòm được đặt giữa nhà (nếu nhà có người cao niên hơn còn sống thì chiếc hòm đặt lệch sang một bên để tỏ ý khiêm nhường), kê quay đầu ra ngoài với ý nghĩa luôn nhớ về nhà, phân biệt với cách của người Hoa: Quay đầu vào trong để một đi không trở lại.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Lễ thành phục được xem là lễ chính thức của việc tang. Tang chủ thường thỉnh thầy chùa hành lễ, trước năm 1945 còn có thầy pháp cũng tham gia cầu cúng lễ tang. Trong lễ thành phục, người thân quì trước quan tài nghe thầy cúng đọc kinh và phát khăn tang. Theo Lương Văn Lựu⁵ việc để tang rất khuôn phép; đồ tang may sẵn bằng vải trắng, không nhất thiết phải xô gai như trước kia, nhưng phải phù hợp với đối tượng. Con trưởng nam mặc áo trắng thôi may lộn mí ra ngoài, lưng áo có miếng vải thêm gọi là phụ phiến với ý nghĩa cũng thêm sự đau xót, lưng thắt 2 vòng dây rơm hoặc dây chuối, mũ vành bằng bẹ chuối, đi dép rơm. Những người con khác mặc áo vải trắng rộng có thịch vai (hai miếng vải dính ở hai vai), bịt khăn trắng bỏ mỗi ra sau ót, con gái thì mũ nhọn bằng vải thô thông xuống che mặt. Con rể và các cháu trai mặc áo trắng, đội mũ mấn; những người thân khác quần khăn trắng. Nếu người mẹ chết trước thì đồ tang mẹ được may vén lại hết thảy. Gậy tang có độ dài đến ngang tim nhằm nâng đỡ trái tim đau, đầu trên để tròn, đầu chạm đất gọt vuông cho ứng với trời tròn, đất vuông. Gậy tang cha bằng tre mang ý nghĩa cương trực, gậy tang mẹ bằng gỗ vòng để khắc sâu ân đức.

Sau lễ thành phục là lễ phúng điếu của họ hàng, xóm làng. Sui gia phúng viếng với cung cách và lễ vật long trọng: Khăn đóng, áo dài, mâm trà rượu, trái cây, cặp đèn trắng, ba cây nhang đại, thường có thêm 1 bức trướng. Các tổ chức hội làng cũng cử đại diện đến viếng. Như làng Bến Gỗ có tất cả 10 hội⁶. Theo cách xưa, nam lạy kiểu “hưng phục”; nữ lạy kiểu ngò bệt; đủ lễ là 4 lạy, giữa hai lạy có xá hai xá và cuối cùng xá ba xá. Người nhà lạy trả hai lạy sau.

Khi tiến hành lễ phúng viếng ở nhà, thanh niên trong làng đã chuẩn bị đào huyệt hoặc sửa kim tỉnh; đại diện tang chủ cúng Thổ Địa bằng một đĩa tam sên: Trứng, cua, thịt luộc với rượu trắng và nhang đèn. Thông thường, nơi yên nghỉ đã được chọn trước trong vườn nhà để quần tụ với ông bà, người nghèo thì có thể táng ở thổ mộ (công thổ) hoặc đất chùa.

Đến ngày giờ tốt đã định, bắt đầu lễ động quan. Việc động quan do đạo tì đảm nhiệm. Đạo tì gồm những thanh niên, trai tráng trong làng mặc đồng phục thao tác theo lệnh của người chỉ huy (nhun quan). Trong làng Việt xưa cũng như nay, thường có tổ chức lo việc tang của cộng đồng trên nguyên tắc tự nguyện, làm việc nghĩa, tùy theo đáp ơn hảo tâm của tang gia. Làng Bến Gỗ còn giữ được tập tục xưa, người ta tham gia vào hội chơi hội, có đóng góp tự nguyện. Hội tang có trách nhiệm giúp đỡ tang gia những khâu khó khăn: Tẩm liệm, tổ chức tiếp khách,

⁵ Biên Hòa sử lược, sách đã dẫn, trang 146.

⁶ Làng Bến Gỗ xưa và nay, Diệp Đình Hoa, Nxb. Đồng Nai, 1995, trang 266 - 268.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

đào huyệt và quan trọng nhất là đạo tì tham gia an táng. Hình thức này được cải biến thành hội bảo thọ ngày nay ở nông thôn. Nếu người chết thuộc diện ông - bà, cha - mẹ, chồng - vợ của người có tham gia hội đình, miếu, các hội đình, miếu đưa trống đến cử lễ và bô lão hội ấy thực hiện nghi thức Bái quan hầu khi động quan. Số lượng trống chiêng của đình miếu và lượt bái quan hầu cử lễ tùy theo số hội mà người chết có thân nhân tham gia, càng nhiều càng danh dự cho gia đình.

Khiêng quan tài động quan là cả một nghệ thuật. Gia chủ thường để trên quan tài một ly rượu đầy đặt trên tờ giấy bạc với dụng ý là khiêng cho thăng bằng sẽ được thưởng. Thủ thuật của những nhun quan có kinh nghiệm là: Lót dưới ly rượu một tờ giấy vàng bạc để thấm rượu tràn ly hoặc nhanh tay nhỏ vào ly rượu một giọt sáp đèn cầy. Gặp những quan tài bằng gỗ trai quá nặng, đặt sát nền gạch thử thách đạo tì; đạo tì khéo léo chêm vào đáy quan tài những đồng bạc trắng, khoảng ba đồng bạc trắng chồng lên là đủ lòn ngón tay nhấc được quan tài.

Quan tài vừa chuyên động, người nhà đập tan siêu hoặc niêu đất cho tiếng kêu to để đánh thức và xua ma quỷ. Thay vì đập siêu, niêu, người Hoa đốt pháo. Đúng theo lối xưa, trước khi vào khiêng quan tài, nhun quan cầm đuốc múa lửa ngoài sân, đạo tì ngâm tẩm múa theo. Người xưa giải thích tục này nhằm diễn lại tích Chàng Lúa hiếu thảo (nhân vật cổ tích ở Bình Định) về cướp quan tài mẹ đưa lên núi chôn để báo hiếu. Tại một số nơi hiện còn tục cướp quan tài gắn với hò đưa linh và tục nằm đường trả hiếu..

Đám tang giàu có theo lối xưa, còn có tục đánh động phá quàng diễn tích thầy trò Tam Tạng mở đường đi thỉnh kinh ở chùa, cầu siêu hoặc mở đường đưa vong hồn người chết về Tây phương cực lạc.

Có gia đình còn tổ chức hát tuồng trước khi hạ huyệt; ở Quảng Nam - Đà Nẵng có hát tuồng trong lễ tang, nhưng ở Đồng Nai chỉ hát tuồng lúc hạ huyệt với số người hạn chế từ 5 đến 7 người ⁷(1).

Lễ mở cửa mả được thực hiện trong buổi sáng ngày thứ ba tính từ ngày an táng. Tang gia mặc tang phục, mang lễ vật đến bày cúng nơi mộ, mời thầy cúng hành lễ. Lễ vật gồm: 3 ống tre đựng gạo, nước, muối bịt đầu bằng vải trắng cắm trước mộ, đó là thức ăn, món uống của người chết. Một cái thang bằng tàu chuối (nam 9 nấc, nữ 7 nấc) đặt trước mộ để vong linh người chết leo lên "cõi trời". Một con gà con được cột chân vào ngọn cây mía. Khi hành lễ, thầy cúng cầm mõ đi đầu vừa đi vừa tụng kinh, một người trong nhà cầm cây mía kéo con gà đi theo thầy cúng ba vòng. Về chuyện con gà và cây mía, chưa tìm được lời giải

⁷ Làng Bến Gỗ xưa và nay, Diệp Đình Hoa, Nxb. Đồng Nai, 1995, trang 201.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

thích thỏa đáng. Theo Trịnh Hoài Đức, tục cúng tổ tiên cây mía có đủ cả góc ngọn là để làm gậy chống đi khi già yếu⁸ ...

Nếu gia đình sùng đạo Phật, sau lễ mở cửa mả là các lễ cúng thất, còn gọi là làm tuần, mỗi thất cách nhau 7 ngày. Lễ cúng tại nhà hoặc tại chùa. Đến thất thứ 7 (chung thất), có thể mở đàn chay theo lễ thức của Phật giáo. Những nhà khá giả còn lập đàn chay ứng phú, một loại nghi lễ của Phật giáo múa hát dâng lễ rất nghệ thuật. Sau lễ chung thất, gia chủ vẫn phải cúng cơm ngày hai bữa cho đến lễ 100 ngày, gọi là lễ tốt khốc; đúng một năm sau cúng giỗ đầu gọi là tiểu tường; lần giỗ thứ hai gọi là đại tường, còn gọi là lễ xả tang, vì trong ngày này, đồ tang được đem đốt, có khi còn đốt với đồ mã. Sau lễ đại tường, coi như là xong việc tang. Từ đó, người nhà cúng giỗ hàng năm.

Tại Đồng Nai xưa, không có tục cải táng. Gần đây, do đất đai khó khăn, nhiều biến động; lại do điều kiện làm ăn xa; nhiều người bốc mộ, hỏa táng, cho đi cốt vào hủ sành đậy nắp kín gói ở chùa với ý nghĩ rằng vong linh người chết sẽ nương cửa Phật, được ổn định, được nhang khói ngày đêm.

Trong vòng đời người, còn có những tập quán khác: Lễ thọ đối với người cao tuổi, lễ khao đối với người hiển vinh... Những sinh hoạt như trên thường theo thông lệ chung.

TỤC THỜ CÚNG TRONG NHÀ

Thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông bà. Theo Lương Văn Lựu, trước đây người địa phương thờ 3,4 đời; đến đời thứ 5 trở lên nếu có thần chủ phải đem chôn gọi là “Ngũ đại mai thần chủ” (năm đời thì chôn thần chủ). Ông bà từ đời thứ tư trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường.

Ở Đồng Nai, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ít thấy có nhà thờ họ riêng biệt; phổ biến là bàn thờ họ trong nhà từ đường do con trai lớn hoặc con trai út dòng trưởng đảm nhiệm, nếu không con trai thì con gái thực hiện. Những hộ không phải là nhà từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng hoặc thờ tượng trưng) ở bàn thờ giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh, vào bàn thờ chung.

Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ

⁸ Gia Định Thành Thông chí, sách đã dẫn, tập Hạ, trang 10.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

thường có hai lớp: Lớp trong là bàn gỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ để bày đồ thờ gồm: Cặp chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; bát nhang, khay trầu rượu tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất. Lư hương tròn như là thái cực; “bình bông” ở bên trái và “chò quả tử” ở bên phải (đông bình tây quả), một giá gương ghi họ hoặc một chữ nho biểu niệm như: Phước, Thọ, Khang, Đức... Những nhà khá giả bày đồ thờ bằng đồng theo bộ tam sự 3 món: chân đèn, lư hương, bình bông), ngũ sự 5 món gồm tam sự có thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu), thất sự (bảy món gồm ngũ sự có thêm hai món khác). Tủ thờ, vật thờ bằng gỗ, thường được chạm khắc xà cừ tinh xảo, đồ đồng luôn giữ bóng, đồ gốm sứ càng cổ càng quý giá.

Thờ phụng ông bà không chỉ ở bàn thờ mà còn thể hiện ở việc bài trí hoành phi, liễn đối trong nhà. Nhà khá giả của cư dân Việt xưa thường có hoành phi treo cao ở giữa nhà với các đại tự (chữ nho) ý nghĩa thâm thúy.

Hoành phi, liễn đối trong nhà cư dân Việt không phải chỉ để trang trí mà trong đó kết tinh tinh thần, ý chí, truyền thống của ông bà để lại được con cháu trân trọng giữ gìn và lấy đó làm nền tảng cho sinh hoạt gia đình.

Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: Cúng hàng ngày và cúng giỗ. Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Đồng Nai cũng có thói quen đốt nhang khấn cáo ông bà. Việc cúng giỗ không khác so với miền Bắc, miền Trung. Lòng thành với cha mẹ, ông bà như nhau, lễ thức cũng giống nhau. Cúng giỗ cha mẹ được chuẩn bị kỹ hơn cúng giỗ ông bà. Giỗ ở nhà từ đường long trọng hơn ở tại gia. Cũng như phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày cúng thất, 100 ngày cúng tiểu tường, 12 tháng cúng giáp năm, 24 tháng cúng đại tường, 27 tháng cúng xả tang; năm thứ ba trở đi gọi là giỗ thường niên, cúng trước ngày giỗ chính gọi là cúng tiên thường (thường là cúng chay), ngày giỗ chính cúng mặn.

Việc thờ, thờ đến 3, 4 đời nhưng cúng giỗ có thể cúng đến đời thứ 5, thứ 7 nếu con cháu còn nhớ ngày chính xác. Như một gia đình họ Nguyễn ở Hòa Hưng còn cúng giỗ 16 vị thuộc 7 đời⁹. Ngoài cúng giỗ ông bà, cha mẹ, gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai còn cúng giỗ những người khuất mặt khác như: anh, chị, chồng (vợ), cô, dì, chú, bác, ông bà, cha mẹ vợ... nếu không có người trực hệ phụng thờ. Thậm chí, cúng giỗ cả người hàng xóm đơn độc hoặc sui gia như

⁹ Làng Bến Gỗ xưa và nay, sách đã dẫn, trang 222.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

gia đình ông Nguyễn Văn Dẻo ở xã Phú Hội (huyện Nhơn Trạch). Ngày giỗ được tính theo âm lịch.

Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhở người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là cúng vọng. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: Kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng: Một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phối hưởng, một mâm đất đai âm trạch (có nơi gọi đất đai Nhơn Trạch) cho những người khuất mặt hữu danh vô vị, hữu vị vô danh.

Trong nhiều thức cúng, một số gia đình còn giữ tục “luôn phải cúng một món gì đó” gắn với sở thích hoặc đặc điểm của ông bà, gọi là cúng lễ. Có gia đình cúng khoai mì, rau chày, cháo cá ám, ốc luộc... vì các món này vốn được ông bà ưa thích hoặc nhờ nó mà vượt khó khăn. Nhiều khi qua món cúng lễ mà họ hàng nhận ra nhau.

Cách dọn mâm, khăn mời, dự tiệc giỗ đều thể hiện không khí chung vui, hòa hợp, bình đẳng, có tính nhân bản mang phong cách cởi mở, phóng khoáng của Nam bộ.

Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Cư dân Việt ở Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó là: Lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu “uống nước nhớ nguồn”, “ăn trái nhớ người trồng cây”. Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp cư dân Việt ở Đồng Nai với nhau: Lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia... đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

Thờ thần độ mạng

Trong gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai, ngoài việc thờ cúng ông bà để nhớ nguồn cội, còn thờ thần độ mạng để được phù trợ, che chở. Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là Quan Công (Quan Thánh Đế quân), độ mạng cho đàn bà phổ biến là các mẫu cùn gọi là mẹ sanh, mẹ độ.

Quan công là tên gọi dân gian của Quan Vân Trường, một nhân vật lịch sử đời Tam Quốc, còn được gọi là Quan Thánh Đế quân, Quan Vũ, Xích Đế. Có lẽ tục thờ Quan Công đến Đồng Nai theo con đường nhập cư của lớp người Hoa đến sớm, nó nhanh chóng được Việt hóa, và hiện trở thành phổ biến, khó phân định

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

nguồn gốc Hoa, Việt. Những nhà còn thờ theo lối xưa có khám thờ ở phía sau bên trên bàn thờ họ, giữa là Quan Công, bên trái là Định Phúc Táo quân, bên phải là mẫu (mẹ sanh, mẹ độ). Những nhà không có khám thờ thường lập trang thờ Quan Công treo cao bên trái trong gian chính. Tục xưa thường thờ bằng một bức dán giấy đỏ đề chữ nho “Quan Thánh Đế quân”, gần đây, phổ biến loại tranh thờ vẽ trên gương gồm hai loại: Tranh ba ông (Quan Công mặc giáp phục ngồi giữa hồ trưởng một tay vượt râu đôi khi vẽ thêm tay phải cầm Kinh Xuân Thu, sau lưng có Quan Bình giữ ấn và Châu Thương cầm thanh long đao đứng hầu), Tranh năm ông (như tranh 3 ông, phía sau có thêm Trương Tiên cầm cung và Xương Thiên Quân cầm giản đứng hầu) còn gọi là tranh thờ ngũ công vương Phật.

Vía ông ngày 24 tháng 6 âm lịch, cúng đơn giản bằng nhang, đèn, hoa, trái; có thể cúng mặn hoặc cúng chay, kiêng cúng thịt gà và hoa mồng (mào) gà; cũng kiêng ăn thịt trâu, thịt chó.

Tục thờ Quan Công độ mạng không phải là biểu hiện của sự sùng bái cá nhân mà là “biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bản cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng”¹⁰

Thờ Bà (thờ mẫu)

Trang thờ Bà thường bằng gỗ như một khám nhỏ treo cao ở bên phải gian chính, có khi Bà được thờ chung cùng Quan Công và Thích Ca hoặc Táo quân trong khám ở sau bàn thờ giữa. Trang thờ Bà được bài trí giản đơn gồm 1 bức tranh tượng (hoặc giấy hồng đơn đề tên Bà), bình bông, nhang, đèn, nước trong. Cúng Bà cũng rất đơn giản: nhang, đèn, nước trong, bánh, trái cây. Bà cũng được mời phối hưởng trong các lễ cúng giỗ, nhưng không bày đồ mặn. Bà độ mạng được gọi nôm na là mẹ sanh, mẹ độ; đó là các nữ thần quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Nam bộ; tùy theo hăng tâm của người phụ nữ mà chọn nữ thần độ mạng cho mình. Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ tát... Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía. Tranh tượng thờ Bà cũng vậy. Trước đây, thường thờ bằng tờ hồng đơn ghi tên Bà, hiện nay đang phổ biến tranh thờ Bà trong khuôn gỗ lồng kiếng.

¹⁰ Quan Thánh xưa và nay, Lê Anh Dũng, NXB VHNT, 1995.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Tục thờ Bà độ mạng phản ánh tín ngưỡng thờ nữ thần của Nam bộ; trong đó đan xen, tích hợp nhiều lớp văn hóa, có sự dung hợp các nữ thần gốc Hoa, gốc Chăm, Việt trong niềm tin rộng mở của người địa phương.

Thờ cúng các thần bản gia

Thần bản gia được hiểu là các vị thần bảo hộ cho gia đình trong một phạm vi đất đai giới hạn và trách nhiệm khá rõ ràng.

Ông Địa - Thổ Công: một dạng thần Đất (tức Thổ Công), thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính, vật thờ gồm nhang, đèn, nước, và cốt tượng với nét mặt vui tính, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Theo quan niệm dân gian, Ông Địa là người mau mắn sẵn lòng giúp đỡ mọi người không nề hà việc hèn mọn hay cao cả, không cần phải khẩn vái, cầu xin, chỉ cần một lời nhờ, gọi thông thường là đủ. Bởi vậy, Ông Địa được nhờ giúp cả việc đỡ đẻ. Các bà mẹ gặp trường hợp đẻ khó thường nói: “đẻ mau, mau mau Ông Địa”. Ông Địa giúp cả việc dẫn vía trẻ nhỏ, chứng thực lễ thôi nôi, đầy tháng, tá thổ; mỗi khi cần tìm vật gì người ta thường vái “ông bà, Ông Địa”. Ông Địa hòa nhập với mọi giới (nông dân, thợ thủ công, thương nhân) được thờ cúng rộng rãi; thờ trong nhà, thờ cả trên ghe xuồng, trong chòi rẫy; một số hộ người công giáo cũng bắt đầu hiện tượng thờ Ông Địa - Thần Tài.

Ngày vía của Ông Địa chưa được giải thích đầy đủ, cư dân Việt ở Đồng Nai giữ lệ cúng Ông Địa vào ngày mùng mười của 5 tháng đầu năm từ tháng giêng đến tháng năm âm lịch. Những ngày này Ông Địa - Thổ Công - Thần Tài được cúng hoa, chuối, chè xôi và các thứ bánh ngọt khác. Người ta kiêng cúng Ông Địa bằng chè hoặc bánh tét có đậu đen vì có chuyện kể rằng có kẻ trộm giống đậu đen đem về trồng quanh miếu Ông Địa, khi bị phát hiện hấn đổ oan cho Ông Địa. Ông Địa bị tội oan, từ đó rất ghét đậu đen. Theo Huỳnh Ngọc Trảng, lệ cúng Ông Địa ngày mùng 10 âm lịch có lẽ xuất phát từ quan niệm cổ truyền “ngày mùng chín sinh trời, ngày mùng mười sinh đất” Ông Địa là thần Đất nên được cúng trong ngày vía đất.

Thần Tài: Thường được thờ chung một khám thờ với Ông Địa hình thành một bộ Ông Địa - Thần Tài. Ông Địa bảo hộ về đất đai, Thần Tài bảo hộ việc sinh lợi. Tài Bạch tinh quân của người Hoa là một ông sao thừa mệnh trời coi việc ban bố tiền bạc cho nhân gian, vía cúng ngày 22 tháng 7 âm lịch, có dạng hình là một vị tinh quân mặc quan phục tay cầm phát trần, tay kia cầm một thoi vàng hay thoi bạc, hình dạng là một ông già sắc phục trắng, mi mày đều trắng. Thần Tài của cư dân Việt thường được thờ trong hình dạng một ông già áo đỏ,

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

mày trắng, râu trắng, với hai dạng cốt tượng phổ biến: Ngồi trong tư thế thông dong, hoặc đứng một tay xách râu tiên điều hay bó lúa.

Táo quân: Là vị thần bảo trợ việc bếp núc, có danh hiệu là Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, Định phúc Táo quân, còn được gọi là Ông Đầu Rau hoặc Vua Bếp, có chuyện kể về Vua Bếp giải thích hiện tượng hai ông một bà; ba người vẫn là một, được thờ ở kệ thờ (hoặc khánh) trong bếp hoặc ở gian chính thờ ở bếp gọi là Táo Bếp, thuần gốc dân dã. Táo thờ ở gian chính gọi là Táo Phật. Người xưa quan niệm chỉ có Táo Phật mới về trời trong ngày 23 tháng chạp, nên có câu :

Hăm ba Táo Phật về trời

Táo Bếp ở lại đội nồi cả năm

Canh ba, giờ Tý ngày 23 tháng chạp, ông Táo được đưa về trời “cờ bay ngựa chạy”. Tục xưa còn có đốt vàng mã gồm mũ cánh chuồn, áo dài đen và đôi hia để ông Táo có lễ phục chầu trời. Đặc biệt là không có quần dài bởi Táo quân mặc quần lửng (quần đùi dài đến gối) theo kiểu của người Nam bộ. Lễ cúng tiễn Táo quân có nhang đèn, xôi, chè, trái cây và không thể thiếu đĩa mứt thèo lèo. Lời khấn tiễn Táo quân giản dị (trước kia còn có văn khấn) ngụ ý mong Táo quân về Trời báo cáo việc nhà trong năm qua và xin Trời gia ân cho năm mới làm ăn khấm khá, gia đình thịnh vượng. 23 tháng chạp tiễn đi, 30 đón về cùng với ông bà dự Tết. Táo Phật được tiễn đi nhưng Táo Bếp vẫn gắn với “lửa củi” hàng ngày. Cư dân Việt ở Đồng Nai có tục, sau khi đưa ông Táo về trời, trong ngày 23 tháng chạp, lật ông đầu rau giữa đực lỗ rồi gánh cả ba đem đổ ở góc cây to trong vườn, thay vào đó là 3 ông đầu rau khác. Khi bếp lò được dùng phổ biến, việc thay bếp lò cũng được thực hiện như thay ông đầu rau.

Táo quân không có cốt tượng để thờ, chỉ thờ bằng bức dán giấy hồng đơn có ghi chữ nho “Định phúc Táo quân”, hàng năm tờ giấy được thay mới trước khi đón Táo về ăn Tết cùng ông bà. Táo quân được cúng nhang, đèn, hoa, trái, nước trong vào những ngày rằm, ba mươi, mùng một hàng tháng; còn được mời phôi hưởng trong các bữa giỗ.

Ngũ phương Ngũ thổ long thần: Thường thể hiện trong khánh thờ dưới đất có bài vị ghi chữ nho: Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiên hậu địa chủ tài thần, nhiều khi còn có cốt tượng Ông Địa - Thần Tài.

Cứ theo câu chữ mà xét thì bài vị nêu trên thờ hơn một chục vị thần, gồm

* Ngũ phương thần: Đó là 5 vị thần trấn ở 5 phương (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương) còn gọi là Thanh đế, Xích đế, Hắc đế, Bạch đế, Hoàng đế, có quan niệm cho đó là Ngũ hổ.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

* Ngũ thổ long thân: 5 vị: Thổ Công (thần Long mạch đất nhà, đình, chùa, miếu), Thổ Chủ (chủ khuôn viên đất đang ở, có người cho là chủ Ngung Man Nương), Thổ Phủ (bảo hộ đất chợ), Thổ Kỳ (bảo hộ mạch đất nói chung, thường thờ ở dưới bàn thiên trước nhà), Thổ Địa (bảo hộ cư dân cư trú trên một khu đất nhất định).

* Tiền địa chủ : 1 vị, vị thần chủ đất cũ.

* Hậu địa chủ : 1 vị, vị thần chủ đất mới.

* Tài thần : 1 vị, vị thần bảo trợ về tiền của.

Thực ra, đây là hiện tượng “thu gọn bài vị” trong xu hướng giản lược sự thờ tự đa thần xuất hiện từ thế kỷ XX.

Bàn trời: Là hình thức thờ cúng phổ biến, được dựng ở sân nhà, bằng cây hoặc xây gạch cao ngang tầm người, không có mái che, thường gồm 2 tầng: tầng trên thờ Thiên Hoàng, tầng dưới thờ Thổ Kỳ; đó là một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương. Có người lại giải thích đó là tàn tích “cây vũ trụ” của người bản địa nhằm nối liền cõi người với cõi trời.

Thờ khác

Ngoài ra, một số gia đình ở Biên Hòa - Đồng Nai còn thờ những đối tượng khác. Thờ Tổ nghiệp còn gọi là thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư... những người thầy đã truyền nghề cho đời sau. Tổ nghề thuốc, nghề gốm, nghề đúc đồng.. còn được nhiều gia đình thờ nhưng lai lịch thường không rõ ràng. Những gia đình sùng đạo có trang thờ các vị thần có nguồn gốc từ tôn giáo hợp với lòng tin của gia đình. Gia đình Công giáo đương nhiên có tượng thờ chúa Jésus và mẹ Maria trong nhà, ngoài ra còn có tượng ảnh thờ Thánh bồng mạng của gia chủ. Các gia đình theo đạo Phật hoặc không tôn giáo cũng thường có ảnh tượng Phật, phổ biến là Quan Âm Bồ tát. Người Biên Hòa - Đồng Nai, Việt cũng như Hoa có những phương thuật để trấn giữ cửa nhà: Một tấm gương vẽ hình bát quái hoặc gương trong trước cửa ngụ ý ma quỷ trông thấy phải sợ mà không vào, treo tượng ảnh ông Tử vi, để ngăn chặn tà ma thâm nhập, dán ở cửa mảnh bùa Bát quái và ảnh thần Hổ cũng để ngăn trừ ma quỷ... Tấm bùa bát quái vẽ “Tứ tung ngũ hoành” có ảnh thần Hổ được thay mới hàng năm vào ngày mùng 3 Tết.

Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đồng Nai. Người ta nghĩ rằng mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ được truyền thừa sức mạnh, và ân đức của lớp người trước để lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi ấy con người có bổn phận phải tri ân các bậc ông bà,

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

thánh thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng. Bởi vậy, việc thờ cúng trong nhà được xem trọng như việc tạo ra căn nhà.

CÁC LỄ TIẾT GIA ĐÌNH TRONG NĂM

Tết

Tết là lễ tiết quan trọng trong năm của cư dân Việt đánh dấu một điều gì đó hệ trọng trong đời sống tinh thần của công chúng. Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

Tết Nguyên Đán là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, là ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, tức là ngày đưa Ông Táo về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày chạp mả. Chạp mả là việc thăm, sửa sang phần mộ của ông bà, tổ tiên. Ngày cụ thể tùy theo sự ấn định của từng họ, từng gia đình, thường là trong tháng chạp, trước ngày 25. Đến ngày quy định của gia đình, người trong họ, trong nhà hội về; đàn ông lo việc làm cỏ, sửa sang phần mộ, đàn bà lo việc bếp núc. Trong tục chạp mả, có một quy ước truyền đời: Khi làm cỏ, sửa sang xong một cái mả, người ta đánh dấu bằng một cục đá (hoặc hòn đất), đặt lên tờ giấy vàng bạc ở nắm mả để biết mả đã có chủ. Sau ngày 25, nếu thấy ở khu vực ấy còn mả chưa đánh dấu, tức mả vô chủ thì người ta huy động người trong nhà đến đốt nhang, làm cỏ, cốt không để một mả nào “hoang vắng, lạnh lùng” trong những ngày Tết.

Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đâu đó, ấy cũng là ngày quan chức trong làng khếp ấn, thợ thầy được nghỉ việc.

Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: Hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chưng cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự tươi mới, lâu bền, sung túc cho nên, hoa: thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái: thường có mâm ngũ quả gồm sung (sung túc), dừa (vừa), đu đủ (đủ) xoài (sài, tiêu xài), mãng cầu (thỏa mãn điều cầu mong)... Dưa hấu được chọn chưng phải là dưa ruột đỏ thắm. Nếu ngày Tết dưa không đỏ gia đình sẽ kém may mắn, cho nên các phiên chợ Tết thường có tục “bói dưa”. Đặc biệt, trên bàn thờ ông bà, thường có một gói đường phôi, đường phèn, bánh tổ, bánh nỏ đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ. Tục này có lẽ để tưởng nhớ xứ sở Trung bộ.

Lễ cúng đón ông bà thịnh soạn như một bữa cỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (rất nhiều bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trâu, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là “lên nêu”¹¹. Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ. Việc đòi nợ để sau ngày hạ nêu.

Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ “tổng cự nghênh tân” đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Người miền Bắc và người Hoa gọi là lễ Trừ tịch, người Đồng Nai gọi nôm na là lễ đón giao thừa. Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; văn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà... phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng. Cư dân Việt tin rằng mỗi năm có một vị hành binh, hành khiển và 1 vị phán quan coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia. Cho nên, người ta cúng Tết để tiễn ông cũ và đón ông mới; ví dụ, năm Bính Tý, các vị hành khiển hành binh đương niên là: Châu Vương hành khiển, Thiên Ôn hành binh, Lý Tào phán quan. Tết năm Sửu, các vị này sẽ bàn giao cho: Triệu Vương hành khiển, Tam Thập Lục Thương hành binh, Khúc Tào phán quan.. cứ vậy đến tròn một con giáp, bắt đầu trở lại từ năm Tý.

Ngày mùng một thực sự là ngày của năm mới. Trẻ con mặc đồ mới, mừng tuổi người lớn, được lì xì tiền lẻ trong bao đỏ. Phải là tiền lẻ để có thể sinh sôi thành chẵn. Tục xông đất cũng được thực hiện như phong tục phổ biến. Người nào vía tốt đi xông đất người khác được mừng đón. Người nào tự thấy mình xui xẻo, nhiều rủi ro hoặc không hợp thì tránh xông nhà người khác. Từ mùng một đến mùng ba, người ta kiêng đổ rác, không dùng giếng nước, mạch nước, không động đất trong vườn, không nghỉ qua đêm ở nhà người khác. Người xưa giữ lễ nghĩa: “Mùng một Tết nhà, mùng hai Tết (nhà) vợ, mùng ba Tết thầy”. Từ khi rước ông bà cho đến hết ngày mùng ba, mỗi ngày dọn mâm cúng ông bà hai lần, phụng sự chu tất như lúc ông bà còn sống.

Mùng ba: (có nhà cúng mùng bốn) là ngày Tết vườn, Tết chuồng. Các loại cây cối, chuồng heo chuồng gà, chuồng bò đều được dán vàng bạc hoặc giấy đỏ. Gia chủ soạn một mâm cỗ gồm gà trống luộc để nguyên con, bánh tét, hoa, trái cây, rượu, khấn cúng Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Địa, Thổ Chủ phù hộ cho vườn

¹¹ Gia Định Thành thông chí, sách đã dẫn, tập Hạ, trang 7.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

đất, gia cầm, gia súc được sung mãn, sinh sôi nảy nở ra tiền của. Con trâu là đầu cơ nghiệp nên được chăm sóc kỹ nhất. Trâu được cõ mới, được ăn một lát bánh tét; trâu đực được uống một chén rượu, trâu cái được uống trà; sừng được dát vàng bạc; trẻ chăn trâu được chủ lì xì nhiều tiền và bộ quần áo mới.

Tết là ngày vui chơi, nhất là đối với thanh niên, trẻ em. Các trò chơi gồm: Đốt pháo (nay không còn), đánh đu tiên, đá gà, múa lân, lắc bầu cua, xuất hành, hái lộc... Đó là những trò vui vẻ được người Đồng Nai ưa thích nhất.

Ngày mồng bốn cúng đưa ông bà. Lễ vật cúng như lúc đón. Theo tục cổ, người phụ nữ gánh thức cúng và vàng mã đưa ông bà đến ngõ, có khi đến tận mả, cúng và “hoá vàng” ở đấy. Một số gia đình cúng ông bà bằng cháo cá ám, dạng cháo nấu bằng cá lóc để nguyên vẩy để tưởng nhớ thuở khai sơ của gia đình. Mồng bảy có lễ hạ nêu. Vì sao hạ nêu vào ngày mồng 7, người địa phương không giải thích được, cứ theo tục cổ truyền và xem đó là dấu hiệu chấm dứt Tết Nguyên Đán. Lễ hạ nêu đơn giản, lễ vật như cúng giỗ. Sau hạ nêu, mọi người bắt đầu công việc năm mới của mình, người làm nghề nông thì “động cuốc cày”, thợ rừng thì khai sơn, học trò thì khai bút, thương nhân thì đi buôn lấy ngày.

Tết giữa năm: Ngày mồng 5 tháng 5 cũng được xem là một ngày Tết, người Đồng Nai gọi là Tết giữa năm, nhiều người gọi là Tết Đoan Ngọ. Nguồn gốc ý nghĩa của Tết Đoan Ngọ đã có nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng Tết Đoan Ngọ nhằm kỷ niệm ngày mất của Khuất Nguyên. Ở Đồng Nai, ý nghĩa của ngày Tết giữa năm được xác định rõ, đây là thời điểm xong mùa cấy, vào mùa hoa trái, cây cối vạn vật đều chuyển mình trong mùa mưa, côn trùng sinh sôi nảy nở gây nhiều bệnh cho cây, cho người. Vào ngày này, người địa phương tổ chức ngày Tết mừng đón mùa vụ mới đồng thời cầu cúng mong cho mưa thuận gió hòa, tránh được bệnh tật. Bởi vậy, sinh hoạt trong Tết Đoan Ngọ xoay quanh hai ý nghĩa quan trọng: Đón mùa vụ và phòng chống bệnh.

Ngày Tết giữa năm, ở Đồng Nai hoa trái sớm đã có, đang độ tươi ngon nhất trong năm. Người địa phương chọn hoa trái đầu mùa chung cúng ông bà gồm những : Bưởi, chuối, sầu riêng, dâu, măng cụt, mít tố nữ. Ngày mồng 5 tháng 5, có thể cúng chay hoặc cúng mặn. Ngày này, người ta thường cúng vịt vì theo quan niệm dân gian, vịt gắn liền với sự sinh sản. Nhiều gia đình lại cúng món cháo cá ám như ngày Tết. Ngày Tết giữa năm có nhiều tục lạ, cốt là để thúc giục cây trái đâm hoa kết quả và ngăn ngừa bệnh tật. Đáng chú ý là tục “khảo cây”; những cây nào đến tuổi mà chưa ra trái ngày này gia chủ đem rựa ra đù đừ đòi chặt, hoặc giả chặt một vài nhát để người vợ trong nhà chạy ra van xin, như thế năm sau cây sẽ ra quả. Tết giữa năm thực là ngày Tết giao mùa, ở đó son

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

người cùng vạn vật sửa mình để bước vào cuộc vận hành của mùa mưa giàu sản vật nhưng cũng đầy chướng khí.

Tết Trung thu theo tên gọi là ngày Tết giữa mùa thu lúc trăng sáng nhất trong tháng (rằm) và trong năm (ngày của sao Thái âm). Nhiều người giải thích nguồn gốc của Tết Trung thu bằng tích truyện vua Duệ Tôn đời Đường đi chơi ở cung trăng; các tục thi, rước đèn, cỗ bánh, trông trăng đều do đây mà ra¹². Ở Đồng Nai Tết Trung thu thực là ngày Tết của trẻ con. Phổ biến là trò rước đèn, rước cỗ bánh theo lối của người Hoa. Người lớn chuẩn bị cỗ bánh (bánh trung thu) và lồng đèn bày sẵn để trẻ con rờng rần đến rước, vừa đi vừa hát các bài đồng dao vui vẻ. Có nơi, trẻ con trong xóm họp thành đám, tổ chức múa lân, cũng có Ông Địa dẫn đường, cũng nhảy múa diễn trò như lân của người lớn. Mặc dù mang hình thức của người Hoa, nhưng cốt lõi của Tết Trung thu vẫn lấp lánh ý nghĩa lễ tiết cổ truyền của cư dân Việt cổ. Trong tâm thức dân gian, rằm tháng tám là tháng của cốm mới, của lúa mùa đong sữa, của sự non tơ chớm trưởng thành ở vạn vật ứng với lứa tuổi nhi đồng của xã hội loài người. Chăm sóc trẻ con là lễ thức mừng đón, cầu mong sự trưởng thành đang trong dạng mới kết tinh. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, có thể nhận ra ý nghĩa cốt lõi ấy qua các tục cúng cơm rượu, làm mạch nha, cúng lúa trổ đòng đòng...

Những ngày rằm

Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt; đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười.

Rằm tháng giêng là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình; “lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng”. Cũng có cách giải thích rằm tháng giêng theo sách vở của người Hoa nên còn gọi rằm tháng riêng là Tết Thượng Nguyên, Tết Trạng Nguyên, Tết Nguyên Tiêu... nhưng dân gian Đồng Nai thiên về ngày lễ đậm tính dân gian của Phật giáo.

Rằm tháng bảy là rằm “xá tội vong nhân” gắn với tích truyện Mục Kiền Liên và Lễ Vu lan của Phật giáo. Dân gian tin rằng, ngày này vong nhân ở địa ngục được xá tội, các gia đình ở dương thế làm cỗ bàn cúng ông bà, thể hiện sự tha thứ, xóa tội đối với mọi lỗi lầm ở cõi âm cũng như cõi dương.

Rằm tháng mười nhằm vào lúc mùa vụ “cơm mới,” các đình làng chuẩn bị cúng Kỳ yên. Rằm tháng mười ở Nam bộ nói chung ở Đồng Nai nói riêng có ý

¹² Nếp Cũ - Tín ngưỡng Việt Nam, Toan Ánh, NXB TP HCM tái bản, 1995, trang 418 - 431.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

nghĩa như Tết cơm mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm tháng giêng, rằm tháng bảy.

Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là lễ cúng thí. Lễ cúng thí nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món bánh cúng, bánh cấp.

Với tục cầu siêu, cúng thí; các lễ cúng rằm của cư dân Việt ở Đồng Nai thể hiện lòng nhân đạo qua nghĩa cử “chăm lo cho người khác” mang đậm sắc thái dân tộc và màu sắc Phật giáo. Chính vì vậy nó được phổ biến và có sức sống lâu dài.

Những ngày vía

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Người địa phương quan niệm rằng thế giới con người chịu sự chi phối của “thế giới hữu linh”. Các thần thánh, và hiện tượng thuộc thế giới hữu linh đều có những ngày quan trọng (thăng hoặc giáng, tàng hoặc ẩn), đó là ngày vía, cần có lễ cúng để tưởng niệm. Ngoài các ngày vía gắn với việc thờ cúng các vị thần bản gia, trong chu kỳ một năm, cư dân Việt ở Đồng Nai thường có các lễ cúng vía vào các ngày tháng nhất định.

Mùng 8 tháng giêng cúng sao hội. Mỗi người đều có sao ứng mạng theo tử vi và có lễ cúng sao giải hạn theo ngày tháng khác nhau; ngày 8 tháng giêng là ngày cúng sao hội (ngày hội cúng sao) chung cho mọi người; có thể cúng ở chùa, thường thì người địa phương dự cúng ở chùa lần tổ chức lễ cúng tại gia. Cúng sao hội vào ban đêm, bày đồ cúng ngoài sân, lễ vật gồm nhang, đèn, hoa, trái, bánh, nước trong, xôi, chè... có thể cúng mặn bằng bộ tam sên (gồm cua, trứng, thịt luộc). Không thể thiếu 28 ngọn đèn cây thấp sáng tượng trưng cho nhị thập bát tú. Lời khấn cúng có nội dung mời gọi các vị Kim tinh (sao trời) phối hưởng, và độ mạng cho con người được mạnh khỏe, bình yên, phát đạt trong năm.

Cúng vía Trời, vía Đất: Trời đất sinh vạn vật, nhưng chính trời đất cũng được sản sinh. Theo quan niệm cổ truyền :

- Ngày mùng một sinh ra giống gà,

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

- Ngày mồng hai sinh thêm giống chó,
- Ngày mồng ba sinh thêm giống heo,
- Ngày mồng bốn sinh thêm giống dê,
- Ngày mồng năm sinh thêm trâu,
- Ngày mồng sáu sinh thêm ngựa,
- Ngày mồng bảy sinh ra loài người,
- Ngày mồng tám sinh ra ngũ cốc,
- Ngày mồng chín sinh ra Trời,
- Ngày mồng mười sinh ra Đất;

Có lẽ từ đó mà dân gian có tục “mồng chín vía Trời, mồng mười vía Đất”. Ngày mồng chín người địa phương sắm lễ cúng chính ở bàn trời (bàn thiên) nhằm cúng Thiên Hoàng. Ngày mồng mười, cúng lễ như hôm trước cúng vía Đất ở bàn thờ Thổ Kỳ, Thổ Công, Thổ Địa. Lễ cúng vía Đất được giữ lệ vào mỗi ngày mồng mười mỗi tháng từ tháng giêng cho đến tháng năm (âm lịch). Lễ vật có gì cúng nấy, tùy tâm gia chủ, gọn nhất có nhang, đèn, hoa, trái, nước trong; sang nhất có thêm xôi, chè, gà, vịt, đầu heo...

Vía Ngâu: Ngày 7 tháng 7 là vía Ngâu gắn với tích truyện Ngưu Lang - Chức Nữ. Những ngày này ở Đồng Nai thường mưa dầm kéo dài 5 đến 7 ngày, sau đó là hạn bà Chằn, thời điểm để dọn đất chuyển vụ rẫy. Vía Ngâu được cúng như một lễ nhỏ cầu thời tiết thuận lợi cho mùa màng; lễ cúng đơn sơ, cách cúng cũng như những ngày vía khác. Hiện nay, nhiều nhà đã bỏ qua ngày vía này.

* *Vía Bà:*

Vía Bà không nhằm vào một ngày nhất định, mỗi nhà cúng vía bà vào ngày vía ứng với nữ thần độ mạng trong nhà. Vía các bà như sau :

- Linh sơn Thánh mẫu: rằm tháng giêng.
- Quan Âm Bồ tát: ngày 19 tháng 2 và 19 tháng 6.
- Bà Chúa Xứ : 24 tháng 4.
- Năm bà Ngũ Hành : mồng 5 tháng 5.
- Cửu Thiên Huyền Nữ : mồng 9 tháng 9...

Ngày vía Cửu Thiên Huyền Nữ còn là ngày Tết Trùng cử của người Hoa.

* *Cúng Tá thổ :*

Còn gọi là cúng mượn đất, một tục cổ khá phổ biến ở Trung bộ, và Nam bộ. Người Khánh Hòa gọi là cúng Khảo thổ hay Mãi thổ, từ Phú Yên trở vào

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

gọi là Tá thổ. Trong quá trình khai hoang lập làng hình thành xứ Đàng Trong, cư dân Việt bắt gặp vùng đất nào cũng có dấu vết của người bản xứ, từ đó hình thành suy nghĩ: Vùng đất mình đang khai phá, đang ở vốn đã có chủ, cần có sự “thỏa thuận” với chủ cũ để cho việc làm ăn mới thuận lợi, đỡ bị “phá phách”. Ngày cúng Tá thổ không xác định cụ thể, tùy theo từng gia đình, thường trong tháng ba lúc bắt đầu mùa mưa, sắp động đất để vào vụ gieo trồng. Lễ vật cúng Tá thổ bày dưới đất, gồm heo hoặc là heo thu gọn còn thủ vĩ (đầu heo, móng và đuôi), chè, cháo, bánh ít, mắm nêm - rau luộc, có 5 hình nhân bằng giấy ngực quét vôi trắng được phân trần giữ 5 phương. Cuộc cúng do thầy pháp điều khiển, có đồng bóng tham gia.

TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Con người gắn bó với gia đình, gia đình không thể tách rời cộng đồng xã hội. Cư dân Việt ở Đồng Nai do “tứ chiếng” hợp lại, gặp cảnh “xứ sở lạ lùng”, “chim kêu vượn hú” càng có nhu cầu hợp quần, nương tựa, tương trợ nhau trong đời sống; từ đó hình thành tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội; phổ biến là những sinh hoạt xoay quanh cái đình, cái miếu.

Đình và lễ hội cúng đình

*** Đặc điểm và quá trình hình thành:**

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai, đình thần ở Đồng Nai ra đời muộn, tuổi đời còn ngắn, không có lai lịch giàu thần tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Nhưng so với vùng đồng bằng Nam bộ, đình ở Đồng Nai thuộc dạng đình hình sớm. Gọi là hình thành sớm ở đất Nam bộ nhưng đình thần ở Đồng Nai không phải bắt nguồn đình trạm như xứ Bắc, cũng không phải được tái hiện theo “nguyên mẫu” được mang theo trong hành trang di cư. Có lẽ, ý niệm về “cái đình” của cổ hương chưa được hiện thực hóa ngay khi lập làng, lập ấp ở Đồng Nai, mà bắt đầu từ cái miếu, một trú sở của thần thánh nói chung phù hợp với qui mô của làng và tài lực của người thời khai phá. Bằng chứng rất rõ là cho đến nay, dân gian vẫn chưa thuận miệng với tên gọi “đình”, thậm chí biến đình mới trùng tu vẫn còn giữ nguyên Hán tự là “cổ miếu”, như: Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu, Vĩnh Thị cổ miếu... Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức kể rõ các di tích ở trấn Biên Hòa nhưng vẫn không thấy nêu tên một đình nào¹³. Các bộ lão địa phương cho biết từ lúc triều đình Huế yêu cầu kê khai thần tích đình

¹³ Gia Định Thành thông chí, sách đã dẫn, tập Hạ, trang 108 - 113.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

làng để xin sắc phong thì tên gọi “đình” mới xuất hiện trong văn tự rồi quen dần trong khẩu ngữ. Như vậy, trong thực tế, người địa phương phân biệt đình, đền, miếu chưa rạch ròi; về nguyên sơ của cái đình còn rõ nét.

Quá trình lập làng ở Đồng Nai với mô hình “thôn - ấp” là chủ yếu, làng ban đầu rất nhỏ nhưng phát triển rất nhanh, phân lập không chừng, tổ chức hành chính nhiều biến đổi, do đó “thân phận” của cái đình cũng thăng trầm, phân bố không đều, làng cũ đình miếu dày đặc, làng mới thưa thớt.

Hầu hết đình làng ở Đồng Nai đã qua nhiều lần trùng tu. Thuở khai sơ, do không chế của triều đình nên nhà cửa, nơi thờ phượng của dân Nam bộ có giàu lắm cũng không được lợp ngói¹⁴; bởi vậy, đình miếu thấy đều quy mô nhỏ, lợp lá, trường hợp lợp ngói âm dương rất hiếm. Từ thế kỷ 19, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Những đình còn giữ được kiến trúc cổ nhất như đình Phú Mỹ (Phú Hội), đình An Hòa (Bến Gỗ)... cũng từ giai đoạn này.

Đình, miếu, chợ, chùa là trung tâm văn hóa của người địa phương cho nên thường được xây dựng gần nhau ở khu đông dân cư, nơi cao ráo, có phong cảnh đẹp, có chòm cổ thụ vừa mát vừa oai linh. Phần lớn đình cổ gần sông và quay hướng ra sông, đình trẻ hơn lập ở gần lộ và quay hướng ra lộ; hướng đình không lệ thuộc theo hướng Nam và kiêng hướng Bắc.

Kiến trúc đình ở Đồng Nai thường theo kiểu nhà rường tứ trụ bằng vật liệu tốt khai thác từ địa phương và bàn tay thợ đá, thợ gỗ, thợ gốm của Biên Hòa xưa, tạo cho đình vẻ đẹp mang sắc thái địa phương. Đình Tân Lâm ở Biên Hòa, đình An Hòa ở Long Thành, đình Phú Mỹ ở Nhơn Trạch được xem là những đình sắc nét của Đồng Nai. Việc bố trí trong đình cũng như các đình khác ở Nam bộ, chánh điện có khám thờ Thành Hoàng bốn cảnh, hai bên là Tả ban, Hữu ban; phía trước là hai dãy các bàn thờ các chư vị phối tự như: Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư... Trước mặt bàn thờ Thành Hoàng là bàn La liệt để bày lễ vật cúng; tiếp đó là bàn Hội đồng. Tiếp theo bàn Hội đồng là bàn Chánh bái, hai bên bàn Chánh bái là Tả hữu bồi tế. Đối diện với chánh điện là Võ cạo mái che nổi hoặc không nổi với gian chính; nếu không Võ ca thì cũng là khoảng sân rộng để có thể dựng rạp hát. Bên trái, bên phải mặt trước đình thường có bàn thờ thần Nông, thần Hồ, Rái Cá...

Nhà hậu (sau đình) có gian thờ: Tiên sư, Tiền hiền, Hậu hiền, Tiền đại hương chức, Hậu đại hương chức... Liên mái với nhà hậu là nhà khói dùng làm nơi nấu nướng chuẩn bị cỗ cúng. Bộ cục trong đình cơ bản là giống nhau nhưng tùy theo các đối tượng thờ cúng trong đình mà các bàn cúng thờ vị này hay vị kia.

¹⁴ Đình Nam bộ - tín ngưỡng và nghi lễ, Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường - Hồ Tường, Nxb. TP Hồ Chí Minh, 1993, trang 24.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Khi triều Nguyễn sắc phong Thành Hoàng để kéo đình làng vào hệ chính thống thì đình ở Đồng Nai trở thành cơ sở nằm giữa hai thiết chế: Chính thống và dân gian, nhưng nghiêng về phần tín ngưỡng dân gian hơn. Một mặt, về hình thức, đình ở Đồng Nai tuân thủ những chuẩn mực nghiêm ngặt theo điển lệ, mặt khác về mục đích tín ngưỡng nó mở rộng các sinh hoạt dân gian, thể hiện tính đa chức năng: Vừa là trụ sở của Thành Hoàng và nhiều vị thần khác, vừa là công sở hành chánh của làng, đồng thời là nhà hát, tụ điểm văn hóa của địa phương. Sinh hoạt đình dung nạp cả hệ thống thần linh của ba miền; của Phật giáo, người Hoa, người bản địa; dung nạp cả các hoạt động văn hóa thể thao từ múa lân, cờ người, võ thuật đến xây chầu, đại bội, hát bội, hát bóng rối; thậm chí cả ca nhạc tài tử. Nhiều đình ở Đồng Nai xưa gần như mở cửa quanh năm, có đình không cần đến cửa.

** Những vị thần được phụng thờ :*

Cũng như đặc điểm chung của Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai “thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương... rất phức tạp”¹⁵. Việc kê danh sách cho đầy đủ các vị thần đã được thờ trong đình ở Đồng Nai đã khó, việc phân loại càng khó. Huỳnh Ngọc Trảng và các đồng tác giả xét về nguồn gốc, tạm thời chia các vị thần ở thần điện Nam bộ làm hai nhóm:

+ Nhóm 1: Thành Hoàng và Phúc thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ.

+ Nhóm 2: Những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian.

Xét về cơ cấu, lại chia thành ba nhóm khác:

+ Tập hợp các thần linh thuộc đối tượng tín ngưỡng chính thống của đình.

+ Tập hợp các vị tiên bối hữu công của làng như Tiên hiền, Hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các tổ nghề: Tiên sư, Tổ hát bội, Tổ nhạc lễ.

+ Tập hợp các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian truyền thống

Cũng có thể phân loại bằng cách dựa theo hệ thống các vị được thờ hiển thị (có bàn thờ tại đình) và các vị chỉ được gọi mời trong văn cúng. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, bài trí thờ trong đình thường đơn giản hơn, có khánh, bàn, miếu thờ khoảng 10 đến 13 vị, nhưng văn cúng còn gọi mời nhiều vị khác như đình Cẩm Vinh chẳng hạn, mời gọi hơn 20 danh thần.

¹⁵ Đình Nam bộ - tín ngưỡng và nghi lễ, sđd, trang 35.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Đáng lưu ý ở Đồng Nai là tục thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc. Cư dân Việt tuy xa quê hương nhưng không rời cội nguồn, tâm thức luôn hướng về Quốc tổ. Đình, đền, Quốc tổ ra đời tuy muộn nhưng sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960), do giáo dân Công giáo lập và phụng thờ, trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ như vị Hùng Vương thứ 19. Ngày lễ hội 10 - 3 âm lịch rất đông người trong và ngoài tỉnh đến dự tưởng niệm. Trước bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần già trẻ, gái trai, giáo dân, phật tử, cán bộ cách mạng. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Đền thờ Hùng Vương ở Tân Phú, Long Khánh cũng có ý nghĩa tương tự. Lạc Long Quân - Âu Cơ cũng được thờ như Quốc tổ ở nhiều nơi, cách thờ cúng đơn giản nhưng đầy ý nghĩa; điện thờ ở Dầu Giây huyện Thống Nhất thờ 100 chiếc đĩa và văn cúng bằng thơ song thất lục bát có ý nghĩa như một lời tự giáo huấn.

Các anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương; các danh nhân có công với vùng đất Đồng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên, Võ Tánh, Nguyễn Huỳnh Đức, Chu Văn Tiếp... và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự... cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng. Tục thờ Bác Hồ ở đình cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên. Đình Phú Mỹ (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch) đã ngâm thờ Bác Hồ bằng 3 bức hoành phi (chữ Hán) qua mắt được kẻ địch:

Hồ nhiên nhi thiên

Chí vọng thâm ân

Minh hoài hậu đức

*** Lễ hội cúng đình :**

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình. ở Nam bộ phần lễ trội hơn phần hội. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: Tạp tế và cúng kỳ yên.

Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tế tự dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định. Lịch của các lễ tạp tế như sau :

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

STT	Ngày tháng (âm lịch)	Tên lễ	Nội dung
01	25 tháng chạp	Sắp ần, đưa thần	Niêm ần, nghỉ việc làm, đưa thần về trời.
02	30 tháng chạp	Rước thần	Đón thần về ăn Tết
03	1 - 3 Tết	Lễ Nguyên Đán	Tết thần, Lễ xuân
04	7 tháng giêng	Khai sơn, giờ ần	Hạ nêu, mở ần cúng Sơn thần, Hổ thần, động thổ.
05	15 tháng giêng	Rằm tháng giêng	Vía Thiên quan đại đế
06	15 tháng bảy	Rằm tháng bảy	Vía Địa quan đại đế
07	15 tháng mười	Rằm tháng mười	Vía Thủy quan đại đế
08	Ngày lập xuân	Lập xuân	(Tứ thời tiết lập)
09	Ngày lập hạ	Lập hạ	
10	Ngày lập thu	Lập thu	
11	Ngày lập đông	Lập đông	
12	5 tháng 5	Tết giữa năm	Tết giữa năm
13	15 tháng tám	Trung thu	Tết trẻ em
14	9 tháng chín	Trùng cửu	Đình người Hoa cúng
15	10 tháng mười	Tiên sư	Cúng cơm mới
16	(Tùy từng đình)	Tiên sư	Cúng các bậc thầy dạy nghề
17	(Tùy từng đình)	Vía Bà	Cúng vía các Bà thờ trong đình.
18	(Tùy từng đình)	Giỗ danh nhân	Cúng giỗ danh nhân được thờ

Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nêu trên, tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu an: Cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau. Sách Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức có ghi vắn tắt về lễ cúng Kỳ yên của

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

đình làng xưa ¹⁶, xét đến nay, không khác mấy. Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: Túc Yết, Đàn cả (Đoàn cả), Tiên hiền - Hậu hiền. Những nghi lễ khác như: Rước sắc thần, Xây châu - đại bội, Đưa khách (Tổng phong)... là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính.

Trong lễ Kỳ yên, có sự quy định khá nghiêm ngặt về thành phần nhân sự tham gia tế tự. Nếu các lễ cúng nhỏ tạp tế có thể do ông từ thực hiện thì việc tế tự trong lễ Kỳ yên do Ban Tế tự đảm trách với sự phân công cụ thể và chuẩn bị chu đáo. Những người trong Ban Tế tự được tuyển chọn, phân công phải là người cao niên, có uy tín, có đạo đức, gia đình “tròn trịa” cuộc sống lành mạnh, như thế mới “hài lòng” thần linh. Thành phần tham gia tế tự gồm: Chánh niệm hương (1 vị, danh dự nhất, thường do Kế hào hoặc Trưởng ban Tế tự phụ trách); Chánh bái (1 vị, chủ tế); Bồi bái (2 vị, thủ lễ ở 2 bàn cạnh Chánh bái); Đông hiền và Tây hiền (2 vị, thủ lễ ở Tả ban, Hữu ban); Chấp sự viên (4 vị, nhiệm vụ đánh trống lệnh, trống lớn, chiêng, mõ); Thị lập (4 vị, đứng bên các bàn chính điện và tả hữu); Thầy lễ (điều khiển chương trình, đọc văn cúng); Học trò lễ (lễ sinh, ít nhất 3 cặp: 2 cặp bung đèn, đài; 1 cặp cúc cung xướng lễ); Đào thái (2 đến 4 cặp, đi sau lễ sinh, quạt và hát); Ban nhạc lễ (đầy đủ là 11 người chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền; thường là 4 hoặc 5 người chơi trống, kèn, náo bạt...); Lính hầu (4 kép hát bội mặc võ phục đứng hầu); Thủ từ (túc trực bàn thần để gõ chuông, xếp lễ vào bàn)... Mỗi vị đều mặc lễ phục cổ truyền theo quy định, nhất nhất làm phận sự một cách trang trọng.

Lễ vật dâng cúng các bàn thần cúng thức mặn, gồm hoa, trái, nhang, đèn và các món cúng mặn: Thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món xôi và thịt sống. Xôi thực ra là cơm nếp được chọn nếp ngon nhất, nấu khéo nhất, đơm đẹp nhất để tế thần. Xôi tế thần không có đậu (để tinh nguyên); thường là mâm xôi được rước từ nhà Chánh bái hoặc nhà người danh giá nhất làng. Xôi cúng ở các bàn khác có thể có đậu. Lúc chuẩn bị xôi cúng đình, gia đình không được “lộn xộn”, tránh đứng che bóng mặt trời rơi vào mâm xôi; khi đưa hoặc rước xôi đến đình, không được bung gánh mà là khiêng, đội, để trân trọng, không ô uế. Người địa phương tin rằng, mâm (đĩa) xôi của mình càng ngon, đơm khéo thì càng được thần phù trợ. Những mâm xôi khéo được chọn càng để gần bàn thần, chủ nhân của nó càng vui, càng nhiều hy vọng.

Thịt sống nhằm để thần hưởng sự tinh nguyên từ lòng thành. Làng nghèo lắm mới cúng thịt sống không đủ bộ (thu gọn còn đầu, móng, đuôi gọi là thủ vị).

¹⁶ Gia Định Thành Thông chí, sđd, tập Hạ, trang 10 - 11.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Thường thì heo tể phải nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn La liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thần, người địa phương gọi là heo chong. Trước kia, người ta chọn heo đen tuyền, lý do chưa rõ, có người giải thích đó là heo bốn đĩa, thuần giống, chưa lai tạp. Nay, hiếm heo đen, được chọn heo trắng nhưng kỵ heo lang. Làng giàu có thể cúng bò, dê theo tục cổ. Heo tể phải qua lễ tỉnh sanh.

Lễ tỉnh sanh còn gọi là lễ tỉnh sanh thường thực hiện vào lúc 0 giờ đêm Túc yết nhằm mục đích trình thần vật cúng tỉnh nguyên (con heo còn sống không bệnh). Bởi vậy, heo được chọn mua cẩn thận, chăm sóc kỹ, được trói khiêng vào trước bàn thờ thần chộc cho kêu to, heo kêu to là “thần vui”, heo không kêu hoặc kêu nhỏ là điềm xấu. Lễ tỉnh sanh được cử hành long trọng: Có khởi chinh cổ, lễ sinh bùng đèn, nhạc sinh cử nhạc, Chánh niệm hương hành lễ rửa mặt, quỳ lạy; Chánh bái cùng Bồi tế thứ tự lạy thần rồi mới khai dao. Những giọt huyết đầu tiên của heo được hứng vào chén, cạo bỏ vào chén thêm nhúm lông, bịt chén bằng giấy vàng bạc đem cúng bàn thần gọi là mao huyết. Sau khi cúng, mao huyết được đem chôn ở gốc cây lớn nhất gần đình (gọi là ế mao huyết) mong cho sự sinh sôi của đất. Những đình có thờ Phi vận tướng quân Nguyễn Phục thì kiêng (hèm) giết heo tại bàn thần, chỉ dứa dao vào cổ rồi đưa đi nơi khác. Tục này ngầm ý tránh cảnh “đâm chém” như thần Nguyễn Phục đã thọ nạn. Ngoài thịt sống, bàn La liệt tế thần còn có những món cúng khác, thường có rau luộc - mắm nêm; đình có đông người Hoa đến cúng có thể có heo quay. Đình thờ Võ Tánh ở Phước Tỉnh kiêng cúng thịt quay để tránh nghĩ đến cảnh chết cháy; có đình kiêng cúng heo thiến để không phạm đến đời riêng của đức ông Lê Văn Duyệt.

Lễ Túc Yết là lễ trực ra mắt thần trước khi vào lễ chính thức; thường tiến hành trước ngày Đán cả, bắt đầu vào buổi sáng hoặc buổi chiều tùy theo lệ mỗi đình. Nghi thức lễ Túc Yết theo bài bản có sẵn, mọi đình đều làm theo.

Lễ Đán cả do người địa phương đọc trại âm từ Đoàn cả mà ra, được tiến hành ngày thứ hai của lễ hội; giờ hành lễ khi xưa thường bắt đầu vào lúc 0 giờ (giao hòa âm dương); những đình làng gần với sông nước thì chọn giờ con nước sớm (nước đầy vào buổi sớm); nay thì chọn giờ thuận lợi trong ban ngày. Nghi thức lễ Đoàn cả thực hiện như lễ Túc Yết, chỉ khác ở chỗ lễ sinh xướng: “Tạ thần” thay cho “Nghinh thần” khi hành lễ tấn tước.

Lễ Tiên hiền - Hậu hiền nhằm tạ ơn các vị “Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ” và các bậc có công với làng, với đình. Tục xưa, lễ thường diễn ra trong ngày thứ ba (sau Đán cả), nay thường thu gọn trong ngày, sau lễ Đán cả vài giờ. Nghi thức đơn giản hơn lễ Túc Yết nhưng không kém phần long trọng.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Ngoài ra, một số đình còn tiến hành các nghi lễ khác như cúng Cô hồn (đình Bình Hòa), lễ Thỉnh sắc, Hội sắc (đình Cẩm Vinh, đình Thành Hưng), lễ Tổng phong còn gọi là lễ Đưa khách (đình Long Thọ, đình Nguyễn Trì Phương)... Lễ cúng Cô hồn theo nghi thức phật giáo, thực hiện giữa lễ Đàn cả và lễ Tiên hiền - Hậu hiền hoặc trong đêm sau lễ Túc Yết. Lễ thường có cúng thí thực, đốt ông Tiêu, phát chẩn gạo muối. Lễ Thỉnh sắc hoặc lễ an vị sắc thần thực hiện trước lễ Túc Yết, và Đưa sắc (nếu có lễ rước sắc) sau khi kết thúc hội đình. Lễ Tổng phong nhằm mục đích tổng ôn dịch đuổi tà khí ra khỏi làng, thực hiện sau khi vãn châu đại bội. Trước kia, lễ Tổng phong thường được tổ chức ở nhà vuông (nhà võ) của làng vào tháng hai âm lịch, nay đưa vào nhập với lễ Kỳ Yên ở đình; lễ vật bày ở sân gồm thịt luộc, xôi, gạo, mắm, vàng mã; có sự tham gia hành lễ của thầy pháp hoặc thầy chùa; sau khi đốt vãn cúng và vàng mã, lễ vật được đặt lên bè chuối hình thuyền có hình nhân binh tướng đứng hầu, đưa ra sông thả trôi. Trẻ mục đồng (con cháu thần Nông) được quyền vớt, ăn những thức ăn trên bè ấy. Trong lễ cúng đình, không quên dọn lễ vật cúng ở miếu nhỏ bên ngoài. Đặc biệt, ở bàn thần Nông thường có khoanh thịt nọng (vuông thịt ở cổ heo), và xôi bánh; cúng xong để cho trẻ mục đồng giành nhau; nếu trẻ mục đồng không giành hoặc cuộc giành giật không giăng co thì là điềm xấu.

Lễ xây châu - đại bội - hát tuồng được thực hiện sau lễ Đoàn cả. Lễ này không thuộc lịch lễ hàng năm, thường là đáo lệ 3 năm một lần, hoặc vào những năm làng có sự vui hệ trọng (như trúng mùa, được sắc phong...).

Thực chất của lễ xây châu là nghi thức đánh trống. Ông chấp sự cầm dùi trống múa, hát, vẽ bùa trên đất, vẽ bùa mặt trống, điếm trống rồi đánh ba hồi dài theo nhịp trước thừa sau nhật gọi là “tiền bản hậu phú”. Tiếng trống tượng trưng cho tiếng sấm, thể hiện niềm vui, nỗi mong “mưa thuận gió hòa” của cư dân nông nghiệp. Tiếng trống xây châu còn có ý nghĩa “Khai thông thái cực” theo quan niệm biến dịch của Đạo giáo.

Khi tiếng trống xây châu dứt, ông chấp sự gác roi châu, nhạc lễ liền trỗi điệu song hỉ còn gọi là rước châu; rồi thì các đào kép hát bội xuất hiện ở sân khấu, bắt đầu lễ Đại bội. Lễ xây châu đã khai thông thái cực thì lễ đại bội tiếp tục hình tượng hóa sự biến dịch theo quan niệm thái cực sinh lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng, bát quái qua diễn xuất của các diễn viên hát bội. Lời hát và vũ điệu của diễn viên khuôn phép, mang ý nghĩa nghi lễ. Đại bội gồm các tiết mục như sau :

Khai thiên thông địa: Một kép hát hóa trang thành ông Bàn Cổ cầm nhang múa, điếm hương bốn phía, không hát, với ý nghĩa thái cực đang vận hành.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Xang nhật nguyệt: Hai diễn viên, một nam, một nữ hóa trang tượng trưng cho nhật, nguyệt. Nam mặt đỏ, cầm đĩa tròn bọc vải đỏ tượng trưng cho mặt trời thuộc dương. Nữ mặt trắng, cầm đĩa tròn bọc vải trắng tượng trưng cho mặt trăng, thuộc âm. Diễn viên nam nữ cùng múa biểu hiện sự giao hòa, tương sinh tương khắc giữa âm - dương.

Tam tài: còn gọi là Tam hiền, Tam đa gồm 3 diễn viên hóa trang thành ông Phúc, ông Lộc, ông Thọ tượng trưng cho Thiên - Địa - Nhân. Ba ông cùng ra sấp hàng ngang, không múa, lần lượt hát những câu chúc: Phúc - Lộc - Thọ.

Tứ Thiên vương: Tượng trưng cho tứ tượng: Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm do 4 diễn viên nam hóa trang giống nhau lần lượt xuất hiện rồi cùng múa; cuối cùng cả bốn chụm lưng nhau giương 4 câu liễn:

Thọ tử Nam san

Thánh thọ vô cương

Quốc thái dân an

Phúc như Đông hải.

Bốn câu liễn được Ban Tế tự rước lấy, có thưởng tiền cho "Tứ vị Thiên vương".

Lễ Đứng cái: Tượng trưng cho ngũ hành, gồm 1 diễn viên nam đứng tuổi (cái); 4 diễn viên nữ trẻ hơn đứng 4 góc (con); Cái thuộc hành Thổ tên là Viên (vườn), các con thuộc hành Mộc (áo xanh) tên Mai, hành Hỏa (áo đỏ) tên Lan, hành Kim (áo trắng), hành Thủy (áo tím). Cái và 4 con xếp hàng hát thài những bài hát mang nội dung ước mong quốc thịnh, dân cường, an khang, hạnh phúc.

Bát tiên hiến thọ: Gồm 8 diễn viên hóa trang thành 8 vị tiên trong Bát tiên, cầm các "bảo vật" tượng trưng cho các thức ăn trường sinh cùng hát các bài theo điệu lối, khách; cuối cùng dâng phẩm vật cho Ban tế tự. Có khi được thưởng tiền như Tứ Thiên vương.

Lễ gia quan tân tước: Là lễ phụ do một người đóng vai Linh quan (thường dưới hình dạng ông Địa, vui tính) cầm quạt múa vui sau đó múa bút viết 1 câu liễn "Gia quan Tân tước" (thăng quan tiến chức) giao cho Ban tế tự. Đây là các tiết mục đầy đủ của Đại bội nhưng không nhất thiết phải thực hiện tất cả. Chọn diễn một số trong các tiết mục nêu trên còn gọi là "Tiểu bội".

Sau Đại bội là tuồng hát bội. Hát bội ở Đồng Nai biểu lộ rõ hình thức nghi lễ nhưng nhằm mục đích sâu xa là thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người địa phương. Gọi là hát cho thần nhưng thực là cho người hưởng thụ. Bởi vậy, cuộc hát có thể kéo dài nhiều ngày đêm, ngay cả khi hết lễ hội. Tuồng hát ở đình được chọn lựa cẩn thận, tránh bi thương, chém giết; tuồng tích thường xoay quanh chủ đề: "Vua băng - Nịnh tiếm - Bà thứ lên chùa - Chém nịnh - Định đô".

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Tôn vương - Túc vị”. Tuồng thường được chọn nhiều nhất là San Hậu, một vở tuồng Tả quân Lê Văn Duyệt rất yêu thích lúc sinh thời.

Lễ Tôn vương tiếp ngay sau cảnh quân vương túc vị của tuồng hát, thường là tuồng San Hậu được chọn hát đêm cuối để Lễ Tôn vương liền sau. Khi tuồng đến cảnh hoàng tử được trao ngôi vua, hoàng tử vào hậu trường thay vương phục, đào kép xuống sân khấu chia hai hàng đứng trước bàn thần; hoàng tử nâng ấn kiểm trịnh trọng đi đến bàn thần trao cho Chánh hội trưởng, Chánh hội trưởng cùng một phụ tá nâng ấn kiểm đi giật lùi đến bàn thờ thần, cẩn trọng đặt vào long khánh. Lúc ấy, người xướng lễ hô to “Phản tiền di hậu” kép hát quay mặt lại phía sân khấu; khi ấn kiểm đã yên chỗ, người xướng hô to: “phản hậu di tiền” kép hát quay mặt về bàn thần, đồng thanh hô :

Tôn vương túc vị

Nói đôi tiên hoàng

Chúc thọ tỷ Nam san

Phước như Đông hải

Vạn vạn tuế (3 lần).

Tung hô xong, đào kép cùng lạy thần 3 lạy, rồi quay lại sân khấu diễn tiếp màn chót hoàng tử lên ngôi. Lễ Tôn soái cũng được thực hiện như Lễ Tôn vương trong trường hợp đoạn cuối tuồng hát nhân vật chính được phong tướng chứ không phải được truyền ngôi báu.

Miếu và lễ hội cúng bà

Theo tài liệu khảo sát năm 1997, ở Đồng Nai có 198 miếu các loại; như vậy, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thì miếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn; nhân vật chính là mẫu.

Những năm 1960, Lương Văn Lựu ghi nhận: “Ngoài đình làng: Nhân dân trong ấp thường dựng lên những “Thỏ Chủ” (miếu nhỏ), dưới cội đa hoặc cây to bóng mát, trên đường vắng, hay trong góc vườn để thờ Thổ Địa hay bà Chúa Tiên, Chúa Xứ, Liễu Hạnh và tùy theo ngày kỷ niệm của mỗi vị mà hành cúng hàng năm một cách thành kính”¹⁷. Xét về hình thức, miếu ở Đồng Nai có mấy dạng chính:

Miếu độc lập ở làng xã: Gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu khác, thờ “thánh thần”, những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

¹⁷ Biên Hòa sử lược, sách đã dẫn, trang 149.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Miếu ở đình, chùa: Là những miếu nhỏ ở khuôn viên đình, chùa; thường ở phía trước, thờ các vị Thổ thần, Sơn thần (thần Hồ), Thánh mẫu, Chiến sĩ trận vong.

Miếu ở đất vườn: Gắn với các khu đất vườn, đất rẫy, đất ruộng của gia đình, thường thờ Bà và thần Đất; người địa phương còn gọi là Thổ Chủ.

Miếu lẻ ven đường: Miếu do bá tánh lập lên ở ven đường, ven sông, hoặc dưới bóng cây, gò đất cảm thấy là linh thiêng thờ Thổ thần hoặc cô hồn không nơi nương tựa. Đa phần là miếu cô hồn.

Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính :

Thờ vong hồn linh ứng: Những người chết “bất đắc kỳ tử” đều được tin là linh ứng, thường được thờ. Trong đó, các anh hùng, liệt sĩ hữu danh hoặc vô danh, có công hoặc có nhân cách cao được người địa phương thờ trang trọng nhất (như miếu Bình Hòa lập từ 1837 thờ 7 vị công thần chết trận trong binh biến Lê Văn Khôi, miếu cô hồn ở Dốc Sỏi (Bình Hòa) thờ 9 nghĩa sĩ trại Lâm Trung chống Pháp bị hành quyết...).

Thờ các phúc thần: Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương... là những linh vật giáng họa nhưng cũng được thờ ở đình miếu và được đãi lễ như là phúc thần, dạng này không nhiều, có sự tích hợp nhiều yếu tố, như miếu thờ Rái Cá ở Hòa Quới (Cù Lao Phố), đã hội nhập vào bàn thờ Lang lại đại tướng quân, miếu thờ rắn (Mãng xà vương) ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) đã đổi dạng thành thờ Ngũ Hành; miếu thờ thần Hồ thì còn ít nhiều ở các đình, các làng còn đậm nét vùng sơn cước. Phổ biến là các miếu thờ thần Đất dưới dạng Thổ Chủ, Thổ thần hoặc Ông Tà.

Thánh mẫu: Đa phần miếu ở làng, ấp cũng như ở đình đều có thờ Thánh mẫu, người địa phương quen gọi là thờ Bà. Các Thánh mẫu đã thâm nhập sâu vào đình, chùa, gia đình; lại chiếm lĩnh hầu hết thần điện của các miếu, chứng tỏ tín ngưỡng thờ nữ thần “sâu rễ bền gốc” trong tâm linh của cư dân Việt ở Đồng Nai.

Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với cư dân Việt ở Đồng Nai từ buổi đầu mở đất, đồng hành với quá trình phát triển của xã hội, có sự tích hợp nguồn gốc nhập cư và nguồn gốc bản địa; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính “đạo thờ mẫu” rồi lại địa phương hóa các mẫu được phụng thờ. Ở đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã chú ý đến đặc điểm này của đất Gia Định - Đồng Nai “...Nhiều người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dù hàng phụ nữ cũng thế, có nhiều giai nhân mỹ nữ, mà trong hạng người giàu sang, trường thọ khôn khéo cũng có xuất hiện tên tuổi của giới phụ nữ. Họ hay chuộng đạo Phật,

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như: Bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động (quen gọi người phụ nhân tôn quý bằng bà), bà Hỏa tinh, bà Thủy Long, và Cô Hồng, Cô Hạnh...¹⁸.

Khảo sát miếu Bà ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và “lý lịch” khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi:

Bà Âu Cơ: Bà mẹ “thủy tổ” của dân tộc, theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10 - 3 âm lịch.

Bà Ngũ Hành: Được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: Kim Đức Thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển; không có thần tích cụ thể; ngày vía chính là 5 - 5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đồng người Hoa, nhiều khi Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi) được thờ riêng một miếu.

Liễu Hạnh Công chúa: Nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch.

- Bà Chúa Thượng ngàn: Một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi, dần dần bị lẫn khuất trong hào quang của các Bà Ngũ Hành, chỉ còn rải rác một vài miếu thờ, như miếu thờ trong khuôn viên đình Thành Hưng (Biên Hòa). Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.

Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương: Là biến thể của Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 (âm lịch) và các ngày rằm lớn.

Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu: Cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Chúa Xứ được giải thích có nguồn gốc ở Châu Đốc, điện thờ chính ở Núi Sam (Châu Đốc, An Giang). Linh Sơn Thánh mẫu cũng vậy, tục gọi là Bà Đen, điện thờ chính ở núi Bà Đen (Tây Ninh).

Thiên Hậu Thánh mẫu: Có nơi còn thờ với tự hiệu là Thiên Phi nương nương (như miếu ở đình An Hòa). Đây là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc

¹⁸ Gia Định Thành thông chí, sách đã dẫn, trang 4.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa. Vía Bà Thiên hậu ngày 23 - 3 âm lịch.

Cửu Thiên Huyền Nữ: Vị thần mang ý niệm chung, người ta tin rằng Bà là nữ thần quyền uy tối cao, cai quản cả chín tầng trời. Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9 - 9 trùng với ngày Cửu Trùng của người Hoa.

Mẹ Thai sanh: Nguồn gốc là Kim Hoa Thánh mẫu của người Hoa, vị thần trông nom về việc sinh nở. Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh với quan niệm là “mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy”.

Thủy Long Thần nữ: Gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và có thể cũng là Thủy Đức Thánh phi trong bộ Ngũ Hành, cho nên ngày vía cũng là ngày 5 - 5 âm lịch.

Quan Âm Bồ tát: Vừa là Phật bà vừa là thần nữ. Người địa phương quan niệm Quan Âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan Âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

Các nữ thần bản địa: Vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư, người Biên Hòa - Đồng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống. Thị Vãi, một thôn nữ có tính cách khác thường, giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ, và tên miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. Cô bóng Hiên chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khẳng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu), Ngày vía Cô 15 tháng 2 âm lịch. Cô Lê Thị Hồng, một trinh nữ chết trôi có tấm lòng yêu đất yêu biển Long Hải được ngư dân Long Hải thờ phụng ở Dinh Cô. Vía cô ngày 10 tháng 12 âm lịch.

Trịnh Hoài Đức có nhắc đến Cô Hồng, Cô Các trong Gia Định Thành thông chí, nhưng kết quả điền dã chưa tìm được cơ sở thờ cúng các cô này ở Đồng Nai, chỉ thấy có tên gọi trong văn cúng.

Việc bài trí điện thờ hết sức đơn giản, gồm bát nhang, bình bông, chén nước, chân đèn; những ngày cúng thì: Nước trong, bông tươi, nhang thơm, đèn sáng; lễ vật cúng có thêm bánh, trái, xôi, chè, thịt, thường là thịt vịt hoặc heo thục

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

gọn thành thủ vĩ. Nhiều nơi vật thờ còn có thêm: gương, lược, trâm cài, quạt và một vài món trang sức khác của nữ giới. Những miếu độc lập thường có thêm Tả ban, Hữu ban; Nhị vị công tử, Nhị vị công nương, Cậu Chài, Cậu Quới. Có miếu đầy đủ bàn thờ chư vị như: Tiên sư, Thành Hoàng, thần HỔ, thần Nông, Chúa Tiên, Quan Âm Bồ tát như miếu Ngũ Hành ở Cái Vạn (huyện Nhơn Trạch). Vì là thờ nữ thần cho nên, án thờ dù nhỏ vẫn thường được trang hoàng sắc sỡ, có lọng che, rèm phủ. Câu đối xuất hiện nhiều nhất ở miếu Bà:

Vạn cổ đào hoa chiêu Thánh nữ

Thiên thu vân tập hội Thần tiên.

Về tượng thờ các Bà, trước kia rất ít miếu có cốt tượng, thường thờ đơn giản bằng chữ Hán vẽ trên tường hay dán trong khám thờ như: Ngũ Hành nương nương, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Xứ nương nương; gần đây phát triển thờ cốt tượng bằng thạch cao, xi măng, gốm hoặc vẽ tranh lòng kiếng với lối sản xuất “hàng loạt” cho nên các Bà đều đồng dạng, trang phục lộng lẫy như nhau, chỉ khác ở tên gọi dành cho Bà này hay Bà kia. Riêng Bà Ngũ Hành là dễ nhận ra nhất với bộ cốt tượng đủ 5 Bà trong 5 sắc áo khác nhau: Xanh, đỏ, tím, vàng, lục với quan niệm cổ truyền rằng hành thổ màu vàng là trung tâm nên ngồi giữa.

Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đảo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mầu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu.

Lễ vật cúng đơn giản không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tình khiết, cũng không nhiều kiêng kỵ như cúng đình; bình thường thì: Heo quay, heo luộc, mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt; nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủ vĩ, vịt quay... nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàng bạc, đồ trang sức.. đều được miễn là lòng thành.

Đêm trước ngày vía, có nơi đảo lệ hai ba năm hoặc năm năm một lần tiến hành lễ thay áo cho Bà như lễ mộc dục phổ biến. Khi tiến hành lễ này, Chánh bái, Bồi tế lên nhang đèn khẩn vái xin phép Bà, rồi lui ra. Các phụ nữ “sạch mình” đã chuẩn bị sẵn nước thơm (nước lá sả, hương nhu, bông buri), dùng khăn sạch nhúng nước thơm lau khắp các tượng bà; khăn lau xong, vắt trả nước

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

ra thau khác, cứ như thế cho đến khi sạch rồi thay cho Bà áo mới, áo cũ và khăn lau không được dùng việc khác, sau phải đốt.

Một số miếu lại có tục nghênh Ông ở đình về dự trước khi hành lễ chính, nghênh Ông bằng kiệu có lỗ bộ, dàn nhạc, Lễ sinh và Chánh tế, Bồi tế đi hầu. Lễ đón ở đình, lễ xong phải đưa về. Riêng lễ hội chùa Bà Thiên Hậu ở Thủ Dầu Một và ở Bửu Long thì thực hiện theo nghi thức của Đạo giáo, với nhiều nghi thức phức tạp; có đám rước Bà đi thăm Đình trước ngày lễ chính, có lễ phóng đăng, cúng thí, hát bội, đặc biệt có lễ bắc cầu ngàm ý đón Bà từ biển vào. Lễ bắc cầu vào lúc 0 giờ, đêm đầu tiên của lễ hội. Cầu là một tấm vải đỏ rộng khoảng 0,6 mét, nối dài từ hương án bên ngoài sân vào chính điện. Cách khoảng 15 mét; trên tấm cầu đỏ rắc đầy hoa giấy, vàng bạc. Ba vị Pháp sư tụng kinh cầu đón, lúc ngồi ở bàn lễ, lúc đi vòng quanh như đón Bà; Khi Bà đã vào chính điện thì “cầu” được cuốn lại trân trọng để trước án thờ. Lễ cúng Bà dịp tháng 3 năm 1995 ở chùa Thiên Hậu (Bửu Long), là lễ hội kéo dài 3 ngày do các Pháp sư chuyên nghiệp cùng với dàn nhạc lễ chuyên trách thực hiện với một hệ thống tiết mục nghi lễ nhiều đến mức đa tạp. Lễ cúng Bà Thiên Hậu như đã nêu là một hiện tượng riêng biệt, đáng suy nghĩ. Thông thường ở các miếu khác nghi thức hành lễ giản dị; dân dã hơn. Dự phần vào lễ hội cúng Bà phổ biến là Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng; một loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến ở Biên Hòa - Đồng Nai.

Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng vừa mang tính nghi lễ (để cúng) vừa để giải trí, vui chơi trong lễ hội; đó là hình thức diễn xướng tổng hợp, gồm nhiều tiết mục liên hoàn; đồng thời cũng có thể phân chia thành các tổ hợp tiết mục tùy chọn. Một chương trình đầy đủ của Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng, gồm 8 tiết mục chính, trong đó mỗi tiết mục có thể phân nhỏ, hoặc kéo dài nội dung sinh hoạt. Tiến trình của các tiết mục cũng có thể thay đổi thứ tự hoặc cấu thành nhiều chương trình khác nhau: 1. Lễ khai tràng, 2. Châu mời - thỉnh tổ, 3. Mời tiên ra tuồng; 4. Phước lộc, 5. Trạng - Nàng xuống huê viên, 6, 7. Bóng múa, 8. Hát chập.

Hát bóng rỗi, Địa - Nàng ở Đồng Nai thường gồm các tiết mục: 1. Khai tràng, 2. Châu mời - thỉnh tổ, 3. Chập Địa - Nàng, 4. Hát bóng rỗi.

Mở đầu cuộc hát luôn là Lễ Khai tràng nhằm mục đích khai mạc cuộc hát, do dàn nhạc bóng biểu diễn, gồm: Chiêng, trống, đàn nhị, kèn, sanh cái. Tiếp theo là các xấp hát Châu mời - thỉnh tổ: Mời Bà, mời ông, mời tiên, mời các chiến sĩ về dự lễ; mỗi đối tượng có các bài hát phù hợp, các bóng có trí nhớ tốt và tài ứng tác nhanh, không cần hát hay cũng được tán thưởng. Thường thì các

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

bóng cầm trống tùm (trống con) gõ nhịp, thay nhau hát. Điệu hát vận dụng cả lý, về, nói rồi (nói lồi) nhiều khi cả các làn điệu tuồng.

Sau Hát châu là diễn Chặp Địa - Nàng. Chặp Địa - Nàng là chặp bóng tuồng hài hước “tổng hợp kiểu cách diễn của bóng rồi lẫn tuồng (hát bội)” thường gắn với lễ cúng miễu Bà hoặc miễu Thổ Địa. Cuộc hát chỉ có hai nhân vật (Địa và Nàng) theo cốt truyện đơn giản: Tiên nữ Hằng Nga vâng lệnh Tây Vương mẫu xuống trần để hái lộc cầu an cho dân chúng, nhờ Thổ Địa (Địa) dẫn đi đến huê viên để “khai mạch giếng tưới cây huê”. Địa được dịp làm khó, vùi vãnh, đùa giỡn với tiên nữ. Lối diễn vừa theo bài bản vừa ứng tác; hát, nói, kể kết hợp với nhạc và vũ đạo tuồng; các bài hát chất lọc từ tuồng và các làn điệu dân ca quen thuộc; hóa trang cũng theo phong cách tuồng hài...; ứng đối giữa Địa và Nàng vui nhộn, dẫn dắt câu chuyện tài tình khiến cho cốt truyện đơn giản trở nên thú vị. Các đoạn: Địa đòi ăn, Địa đau đẻ, Địa chám chè.. làm nở rộ tiếng cười sảng khoái. Tính cách của Địa không chỉ vui vẻ, còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Với một manh chiếu trước điện Bà, xung quanh là dân làng không phân thứ bậc, Địa bộc lộ hết mình, đùa giỡn với Tiên nữ, châm biếm cả chư Tiên, chư Phật; Địa còn mang ý nghĩa đại diện cho khát vọng thịnh vượng, bình đẳng, có tính nhân bản của dân làng. Chặp Địa - Nàng vừa dứt, bóng múa liền tiếp theo.

Bóng múa vừa mang tính nghi lễ vừa nhằm mục đích giải trí. Các bóng thay nhau múa bông, múa dâng mâm vàng rồi tiếp theo là các tiết mục tạp kỹ. Múa bông nhằm dâng cúng bông như để mở đầu cuộc múa bóng; với chén (hoặc tô) bông trên đầu, các bóng múa xoay người, xoay vòng trước điện thờ rồi dừng để cho người thủ từ nâng chén bông đặt lên bàn thờ Bà. Dâng bông 3 lần rồi đến dâng mâm vàng. Chiếc mâm được trang trí bằng giấy ngũ sắc thành hình tháp (có lẽ mô phỏng tháp Chàm). Mâm vàng được đội đầu, nâng, lật trên tay; trên trán, tự nhích từ chân lên đầu; cuối cùng được đốt cháy. Tháp giấy trên mâm cháy xong là dứt múa dâng mâm vàng, các bóng (vốn ái nam ái nữ) chuyển sang các màn trình diễn đặc sắc, với tài nghệ tạp kỹ như xiếc: Múa ghê, múa khạp da bò, múa bông huệ, múa xe đạp, múa dao, múa xoay đĩa, rót rượu bằng đầu... chủ yếu là các kỹ thuật dùng đầu, trán, mũi, nhân trung nâng giữ vật nặng, vật phức tạp tạo thăng bằng và di chuyển trong vũ điệu theo nhạc lúc mau lúc chậm.

Với cách biểu diễn như thế, dễ dàng nhận ra nguồn gốc Chăm của múa bóng với vũ điệu dựa vào kỹ năng đội đầu. Điều này đã được Huỳnh Ngọc Trảng chứng minh qua phim tài liệu “Múa mâm vàng, cội nguồn và dụng mạo” do Hãng phim Tư liệu sản xuất năm 1992. Trước đó nữa, Quách Tấn đã

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

chỉ ra được lò đào tạo các bóng múa là xóm Bóng ở trước Tháp Bà, “nhưng lễ múa bóng ngày vía Bà đã bỏ từ thời Bảo Đại, trước đệ nhị thế chiến“. Người Nam bộ thường có câu hát luyện tiếc:

Ai về xóm Bóng thăm nhà

Hỏi xem điệu múa dâng Bà còn không?

Các tiết mục múa trò chơi, gọi là múa tạp kỹ dài - ngắn, nhiều - ít tùy theo không khí cuộc vui; dân làng thường nhiều thì sự hào hứng khiến các bóng múa hay, khéo, tận tình hơn, và ngược lại.

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu một hồi ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng nữ thần cũng cho thấy, cư dân Việt ở địa phương ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.

Tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc bản địa có nhiều nét khác cư dân Việt, Hoa. Người Châu Mạ thờ thần Yang Nđu tối cao, cúng Yang Bri (thần rừng) vào mùa săn bắn; cúng Yang Hiu (thần nhà) cầu cho gia đình bình yên; quan trọng nhất là lễ cúng Yang Bonom (thần núi) và Yang Koi (thần lúa) với sinh hoạt cổ truyền của cộng đồng.

Người Mạ không coi trọng trình tiết, trai gái Mạ tự do tìm hiểu kết bạn, con cô con cậu có thể kết hôn; đám hỏi, đám cưới có già làng làm mai dong; sau cưới chú rể ở bên nhà gái sau đó mới ra riêng; luật tục truyền khẩu "ndrih" được thực hiện nghiêm, tội ngoại tình, chửa hoang bị phạt nặng. Khi có người chết, người làng làm lễ cúng Yang Bri xin cây đực làm hòm; hòm đưa vào nhà dài qua cửa lớn; xửa để lâu ngày mới chôn, người chết được chia của; thầy chang cúng tế theo nghi thức cổ, làng có đám tang kiêng cử đi rừng 7 ngày; sau ba năm có lễ bỏ mả như phong tục các dân tộc Tây Nguyên.

Người Stiêng, Châu Ro có tập quán, tín ngưỡng tương tự người Châu Mạ, khác nhau ở tiểu tiết và tiếng nói, giống nhau ở quan niệm cổ truyền của cư dân cùng địa bàn cư trú Nam Trường Sơn.

Một vài cảm nhận về tập quán, tín ngưỡng dân gian của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai

Sự tồn tại hào hùng và quật cường của bất cứ một dân tộc nào, trong bất cứ một hoàn cảnh địa lý nào, bao giờ cũng đặt ra những câu hỏi lớn. Bởi lịch sử của nhân loại đã có tiền lệ, không ít những quốc gia thịnh trị, sau một thời gian dài rực rỡ xuất hiện đã dần dần tàn lụi, thậm chí vĩnh viễn biến mất. Chẳng nói

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

đâu xa, những quốc gia lưng lầy một thời ở phía nam Đại Việt ví như Chiêm Thành hay Phù Nam là một minh chứng. Ở họ, từng có những thiết chế xã hội văn minh, từng có những giá trị văn hóa độc đáo đỉnh cao. Vậy mà...

Đã có rất nhiều những đại thuyết sâu sắc bàn về sự tồn vong của một quốc gia, một dân tộc từ góc nhìn văn hóa. Ngoài vô số những nguyên nhân hữu lý khác nhau, thì tựu chung đều cho rằng, sự tồn vong của một đất nước luôn phụ thuộc vào hai yếu tố lớn. Đầu tiên phải thâm hậu mang một nội lực tinh hoa văn hóa của riêng mình, và tinh hoa đó được đặc biệt thể hiện ở con người. Hai là luôn bền vững bảo đảm một nền văn minh đích thực, ngang bằng cao không kém những nền văn minh chung quanh đang lăm le xâm nội. Hạnh phúc thay cho nước Việt, hơn ngàn năm nay chúng ta luôn sở hữu cả hai điều đó. Vấn đề con người tinh hoa thì quá dễ thấy, bởi như "Đại cáo bình Ngô" tự tin từng viết: *"Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau. Nhưng hào kiệt đời nào cũng có"*. Còn về sự cao cả của văn hóa văn minh, chỉ cần cảm nhận qua những hình thức tín ngưỡng tôn giáo mang đậm đà bản sắc Việt là thấy rõ.

Những hình thức tín ngưỡng sinh hoạt tâm linh mang màu sắc bản địa, luôn chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của đại bộ phận cư dân Việt. Với tuyệt đối người Việt, gia đình dòng họ là nhất, nên tín ngưỡng thờ kính tổ tiên có thể coi gần như là "quốc đạo". Không kể sang hèn, nhà nào nhà nấy đều thành kính gìn giữ một bàn thờ gia tiên. Vào những ngày giỗ Tết, con cháu chân thành làm một mâm cỗ cúng hoặc chay, hoặc mặn tôn kính dâng lên bàn thờ, mong ông bà, tổ tông quây quần cùng về che chở phù hộ cho đám cháu con đang vất vả mưu sinh. Tất cả bỗng như quên đi những ám ảnh danh lợi, xi xựp khấn khứa. Ai ai mặt cũng long lanh một màu thành thực sám hối, từ quan tới dân tất thấy sắc diện đều thăng hoa thành thánh thiện.

Nói chung những thao tác cầu cúng, với các nghi thức trang trọng phong phú, đa dạng luôn hiện diện thường xuyên ở mọi thành phần dân tộc khác nhau trên đất nước. Tục thờ thần, thờ thánh thể hiện tính chất tín ngưỡng đa thần đã có từ xa xưa. Trong lịch sử, ông cha ta đã bảo lưu rất nhiều hình thái tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Sẽ thấy sự hiện diện của những hình thái sơ khai nguyên thủy như tín ngưỡng vạn vật hữu linh, các tín ngưỡng thờ sinh thực khí, các tín ngưỡng thờ thần thiên nhiên như Tứ Pháp (mây, mưa, sấm, chớp), tín ngưỡng Tứ Phủ, tín ngưỡng thờ động vật, thờ nhân thần... Với hệ thống nhân thần thì các nhân vật được thờ phụng thường là các anh hùng có công với nước, giúp dân khai hoang lập ấp hay dựng nghề khởi nghiệp. Bên cạnh đó, các thần nhiều khi cũng là những nhân vật hết sức bình thường, thậm chí tầm thường nhưng giống nhau ở chỗ đều chết vào giờ "thiên" nên linh ứng với cộng đồng. Cùng với nghi

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

thức cúng lễ bản địa, cũng có rất nhiều nghi lễ tôn giáo ảnh hưởng từ bên ngoài, đặc biệt là từ nền văn minh sông Hằng, sông Dương Tử và vài thế kỷ gần đây có thêm Thiên Chúa giáo tới từ Tây phương, bởi bản chất của người Việt vốn khoan hòa cởi mở. Có điều, hầu hết những nghi lễ này đã được “Việt Nam hóa” một cách sâu sắc, hài hòa.

Tập quán, tín ngưỡng dân gian mang bản sắc thuần Việt luôn là những viên ngọc quý, nó tạo một sinh lực dồi dào cho sức sống của dân tộc. Trong bối cảnh quốc tế đương đại, khi chủ nghĩa dân tộc cực đoan đang lên ngôi ở vô số các quốc gia lớn nhỏ, thì một chủ nghĩa dân tộc chân chính luôn đem đến những bài học quý giá. Có thể minh bạch thấy điều này qua sự nghiệp vĩ đại của Danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh. Người đã đi từ lòng yêu nước thiết tha trong sáng rồi hòa nhập tiến tới những giá trị tinh hoa phổ quát. Ở sâu xa trong tư tưởng của Người, sức mạnh dân tộc luôn có một vị trí hàng đầu. Các tín ngưỡng tôn giáo thuần chất bản địa cũng vậy thôi. Nó là kết tinh đặc sắc của tâm thế Việt. Để giản dị từ đó, nó tự tin hiện diện trong tiến trình văn minh thế giới. Không phải ngẫu nhiên mà vào ngày 1-12-2016, UNESCO đã tự hào chính thức công nhận "Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt" là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Biên Hòa - Đồng Nai đang trở mình phát triển. Nhiều địa phương trong tỉnh hiện đang có nhiều di tích lịch sử mà trong đó loại hình cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo chiếm số lượng khá nhiều. Dẫu có nhiều thay đổi với từng giai đoạn lịch sử đã qua, các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo vẫn đáp ứng cho đời sống tâm linh của con người từ thời mở đất về phương Nam cho đến thời kỳ phát triển hiện nay.

Sự đa dạng về thành phần dân cư đã làm phong phú cho văn hóa Đồng Nai với những sắc màu. Mỗi cộng đồng dân cư có những nét riêng biệt được thể hiện trong văn hóa của mình. Đó là những “bông hoa” làm cho vườn hoa văn hóa Đồng Nai thêm sắc màu.

Các dân tộc bản địa trước đây gắn với những tín ngưỡng truyền thống, có các lễ hội trong năm rất độc đáo, đặc biệt là các nghi thức hiến sinh, sinh hoạt với loại hình âm nhạc nghệ thuật: lễ hội mừng lúa mới của người Chơ-ro, lễ hội vào mùa, cúng lúa mới, thần rừng của người Mạ; lễ kết bạn, mừng lúa của người S'tiêng...

Ngoài những cư dân bản địa như Mạ, Chơ-ro, Xtiêng... các cộng đồng tộc người khác đã đến Đồng Nai trong nhiều giai đoạn. Người Chăm, người Việt, người Hoa, người Mường, Nùng ... Cư dân Việt đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ thế kỷ XV, XVI. Trong quá trình khẩn hoang, lập nghiệp trên vùng đất

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

mới, người Việt từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng việc ra sức xây dựng một cuộc sống ổn định. Trong đời sống tinh thần, người Việt hình thành những cơ sở tín ngưỡng như đình, miếu để gắn kết cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Có thể kể đến một số lễ hội như:

Lễ Kỳ yên (Cầu an) là một trong những lễ hội chính ở các đình của Đồng Nai. Đối tượng thờ chính là thần Thành hoàng bốn cảnh một số đình làng tôn thờ những con người có công với làng xã được tôn lên hàng phúc thần như ông Nguyễn Hữu Cảnh, ông Trần Thượng Xuyên, danh tướng Nguyễn Tri Phương, anh hùng kháng pháp Đoàn Văn Cự... Lễ Kỳ yên thường diễn ra vào hai mùa xuân và thu hoặc gắn với những ngày liên quan đối với đối tượng được thờ tự. Dân làng đóng góp công của để cúng tế vị thành hoàng bốn cảnh với mục đích cầu xin mưa gió thuận hòa (phong điều vũ thuận), mùa màng tốt tươi (phong đăng hòa cốc), quê hương đất nước bình yên (quốc thái dân an). Thông thường, đáo lệ 3 năm, thì đình làng tổ chức Đại lễ Kỳ yên. Đại lễ Kỳ yên thường được các đình làng với nguồn vật, lực lớn tổ chức. Lễ hội Kỳ yên là nét sinh hoạt. Lễ hội kỳ yên qua nhiều thế hệ đã trở thành tập quán tín ngưỡng, hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng người Việt và trở thành điểm đến trong hành hương đầy ý nghĩa đối với cộng đồng.

Một số miếu ở Đồng Nai duy trì lệ cúng hàng năm và có diễn ra hát Bống rỗi, múa Địa nàng. Hát bống rỗi, Chạp Địa - Nàng là nghi thức diễn xướng tổng hợp, vừa mang tính nghi lễ vừa để giải trí. Trong tổng thể của một cuộc lễ cúng lớn theo lệ có Bống rỗi, Địa - Nàng ở miếu có các nghi thức sau: Khai tràng, Châu mời - thỉnh tổ, Chạp Địa - Nàng, Múa bống. Sau múa Bống là màn trình diễn của các Bống thực hiện các màn trình diễn tạp kỹ như xiếc: múa ghề, múa khạp, múa bông huệ, múa xe đạp, múa dao, múa xoay đĩa, rót rượu bằng đầu... và hát chúc lộc cho những ai tham dự.

Tại một số cơ sở tín ngưỡng dân gian khác tổ chức những ngày lễ vía với các nghi thức phù hợp với đối tượng thờ chính như đền thờ Vua Hùng, Đức thánh Trần Hưng Đạo. Sự phối thờ các mẫu thần trong hệ thống tam tòa tứ phủ (thờ mẫu Thiên, mẫu Thoái, mẫu Địa, mẫu Thượng ngàn) nên lệ cúng theo kỳ có hát châu văn cúng mẫu. Đặc biệt, một số cơ sở tín ngưỡng thờ Mẫu khác có việc tổ chức những nghi thức lên đồng. Bên cạnh những lễ hội có tính chất tiêu biểu của cộng đồng, một số lễ hội khác thể hiện những tập quán, tín niệm của con người rất đa dạng: Lễ hội ông Tiêu ở chợ Đại Phước, chợ Long Thọ (Nhơn Trạch), Lễ cúng Trâu ở Vĩnh Cửu...

Như vậy ta có thể nhận thấy tập quán, tín ngưỡng dân gian truyền thống của cư dân Việt gồm nhiều lớp, xuất phát chung một gốc, đến với Đồng Nai qua

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

hai hệ (Bắc bộ và Trung bộ) đã tạo ra mẫu số chung trong sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai; đó là chất kết dính cư dân Việt ở Đồng Nai với cội nguồn, là hạt nhân, là “gien nội sinh” trong quá trình giao lưu, tích hợp tín ngưỡng của các tộc người khác.

Mặt khác sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai không xa cách với đời sống hiện thực, tính tích cực xã hội của nó được hiện thực hóa trong sinh hoạt xã hội rất rõ nét: nó thường nối kết giữa đời sống tâm linh và hoạt động xã hội: Mụ Vườn vừa trong vai trò thầy cúng thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng dân gian, vừa là thầy thuốc góp phần chăm lo việc sinh sản ở nông thôn khi hệ thống y tế cơ sở chưa hoàn chỉnh; tục lệ về hôn nhân có cốt lõi là hợp đồng trách nhiệm giữa đôi vợ chồng mới với gia đình hai bên và xã hội; việc tang nghiêng về ý nghĩa báo hiếu cái chết; hội đình, hội miếu tham gia tích cực trong công tác xã hội của làng như tang tế, bốc thuốc, dạy học, hòa giải, từ thiện... Sự nhích gần giữa sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian với đời sống hiện thực cũng là sự nhích gần giữa trú sở của thần linh với thiết chế văn hóa cơ sở.

Tuy nhiên, hiện nay sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai hiện tồn tại trong mâu thuẫn giữa niềm tin và tri thức. Niềm tin ở tín ngưỡng dân gian còn cội rễ trong lòng người nhưng tri thức về nó đã rơi rụng nhiều dẫn đến sai lạc, chấp vớ và sự phục hồi tùy tiện, thậm chí đối lập với bản tính ban đầu. Hiện tượng tâm lý "có thờ có thiêng", "tứ tung linh tàng" đang phổ biến. Đó là mảnh đất hoang để những kẻ vụ lợi gieo cấy mầm mống có hại. Việc phục cổ một cách máy móc và hành vi mua thần bán thánh tinh vi cũng có nguồn gốc từ đây. Tín ngưỡng có lòng tin mà thiếu hiểu biết rất dễ đồng hành với mê tín, dị đoan.

Tập quán, tín ngưỡng dân gian đã góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam: với tư cách là một bộ phận cấu thành của văn hóa, một mặt tạo ra sự phong phú cho văn hóa Việt Nam, mặt khác góp phần lưu giữ, phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam nói chung và Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng (cả văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể và văn hóa giao tiếp). Về văn hóa vật thể, nhiều cơ sở thờ tự mang cả phong cách Đông - Tây, trong đó có những cơ sở được xếp hạng di tích văn hóa đã bảo lưu những giá trị của văn hóa Việt Nam. Có thể kể đến những công trình tiêu biểu ở Biên Hòa - Đồng Nai như: Chùa Đại Giác, Đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Long Thiên, Đền thờ Nguyễn Tri Phương, Chùa Ông, Miếu Tổ Sư, Đình An Hòa, Đình Tân Lâm, Mộ Trịnh Hoài Đức...

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Thông qua chính các công trình tiêu biểu này đã đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, đồng thời cũng chính là để bảo lưu giá trị văn hóa Việt cho muôn đời sau. Sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai là một hiện tượng thực tế không thể phủ nhận được. Nó đã từng là “*món ăn tinh thần*” để người Việt ở Đồng Nai hình thành, phát triển, vượt qua gian khổ, chiến tranh; và nay tiếp tục gắn với đời sống tinh thần của con người trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dù muốn hay không muốn thì vai trò, ý nghĩa của sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian vẫn tác động đến công cuộc xây dựng và phát triển xã hội. Hiệu quả tác động thế nào tùy thuộc vào thể chế xã hội ứng xử với nó. Nếu biết nuôi dưỡng, dẫn dắt, khai thác và cải biến “*hạt nhân hợp lý trong nó*” thì có thể hướng tín ngưỡng dân gian đi vào mục tiêu nhân văn, xây dựng được xã hội bình ổn *đậm đà bản sắc dân tộc*. Ngược lại, nếu phủ nhận hoặc bỏ rơi tín ngưỡng dân gian trong quá trình xây dựng và phát triển thì niềm tin của con người sẽ bị tổn thương, “*phần xác*” có thể đồ sộ nhưng “*phần hồn*”, dễ trống rỗng. Thực ra, tâm linh con người không thể trống rỗng. Khi chân lý khoa học chưa chiếm lĩnh hoàn toàn trọng tâm thức, nếu thần linh đã rời xa thì “*quí sír*” sẽ chui vào, rồi sự phá hoại sẽ thay chỗ của tín ngưỡng khuyến thiện.

Nhận thức rõ vai trò của các tập quán, tín ngưỡng dân gian với xã hội nói chung, với văn hóa nói riêng, trong quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta trong công cuộc đổi mới đất nước đã rất quan tâm đến các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nhằm phát huy vai trò của các tôn giáo phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Những sinh hoạt tôn giáo lành mạnh luôn được Đảng, Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi. Các lễ hội ngày càng được tổ chức quy mô rộng lớn hơn, cơ sở thờ tự ngày càng khang trang, to đẹp hơn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của đông đảo người dân.

Trong mạch nguồn văn hóa dân gian, các phong tục, lễ hội, tín ngưỡng... thường ăn sâu vào nếp sống, nếp nghĩ của nhiều thế hệ. Theo dòng chảy thời gian, “*nếp xưa*” có điều còn điều mất. Nhận thức rõ vai trò của những tập quán, tín ngưỡng dân gian với tư cách là cội nguồn, bản sắc, là hệ giá trị và biểu tượng của văn hóa dân tộc. Quá trình nghiên cứu, sưu tầm tài liệu cho cuộc thi đã giúp tôi thu nhận được nhiều kiến thức đa dạng trong tín ngưỡng, phong tục, tập quán dân gian của các dân tộc bản địa. Giúp tôi nhận thức thêm nhiều giá trị, hiểu thêm nhiều cái mới, cái đặc trưng của những tập quán, tín ngưỡng dân gian Đồng Nai. Từ đó, khởi nguồn để tôi say mê công việc tìm hiểu, nghiên cứu di sản văn hóa các dân tộc, các vùng miền để hỗ trợ cho việc giảng dạy tại trường.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Trước xu thế toàn cầu hóa của thế giới hiện nay, không một quốc gia nào có thể phát triển trong sự tách biệt với thế giới. Hội nhập kinh tế, giao lưu về văn hóa giữa các nước đang diễn ra hết sức sôi động. Nhưng nếu không có một bản lĩnh vững vàng, một chiến lược phát triển đúng đắn thì việc giao lưu đó sẽ dẫn đến nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Để mở rộng giao lưu, hội nhập mà không đánh mất bản sắc của mình, chúng ta phải trở về với Tư tưởng Hồ Chí Minh: Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, những phải lấy bản sắc văn hóa dân tộc làm nền tảng, làm bản lĩnh. Nền tảng có vững chắc, bản lĩnh có vững vàng mới tiếp thu được tinh hoa văn hóa nhân loại một cách đúng đắn, mới chủ động, tự tin hội nhập và làm giàu thêm, sáng lên đặc trưng văn hóa dân tộc. Trước những biến đổi của đời sống văn hóa đương đại, nhiều giá trị văn hóa truyền thống đã bị mai một. Thiết nghĩ việc bảo tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống là công việc, trọng trách của tất cả mỗi người chúng ta hôm nay. Quá khứ trôi qua bao giờ cũng để lại những bài học hữu ích. Nghiên cứu, tìm hiểu những tập quán, tín ngưỡng dân gian chính là cách lưu giữ, tiếp lửa để những giá trị tinh hoa văn hóa của dân tộc sẽ là hành trang, động lực để cho chúng ta tiến vào kỷ nguyên mới tô thắm thêm truyền thống ngàn năm văn hiến của dân tộc.

Giới Thiệu tục thờ cúng nữ thần ở Đồng Nai

Tục thờ cúng nữ thần là tín ngưỡng dân gian quen thuộc của cư dân nông nghiệp ở các nước Đông Nam Á; ở các nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Indonesia... đều có thờ cúng các nữ thần trên cơ sở quan niệm: Sự sinh sản của Đất - Nước – Lúa gắn với biểu tượng Mẹ - Nữ thần. Tuy nhiên, mỗi cộng đồng cư dân có niềm tin và cách thờ cúng khác nhau, có quan hệ tiếp biến với nhau phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Ở Việt Nam thờ “ mẹ” cũng là một tín ngưỡng đặc sắc của dân tộc. Tín ngưỡng này là sản phẩm của nền văn minh lúa nước kéo dài và của tâm linh từ buổi đầu lịch sử toàn bộ các dân tộc thuộc đại gia đình dân tộc Việt Nam có chung nguồn gốc từ một cái “ bọc” trong truyền thuyết về chuyện đẻ trăm trứng do một bà mẹ Âu Cơ sinh ra. Trong tín ngưỡng của con người Việt Nam thì phần lớn là nội dung thờ mẹ. Tín ngưỡng thờ mẹ không chỉ thuộc lĩnh vực tôn giáo, mà còn là giá trị bền vững thuộc bản sắc văn hóa dân tộc ta. Trong quá trình Việt Nam hóa các giá trị văn hóa, tôn giáo nước ngoài, tín ngưỡng thờ mẹ có sức mạnh to lớn. Phật giáo với quyền năng tối cao của Thích ca Mâu ni thì vào Việt Nam bị giảm xuống bởi vai trò của Phật Bà quan âm được tôn vinh cao lên. Nho giáo với tư tưởng trọng nam khinh nữ một cách hà khắc thì vào Việt Nam cũng không còn nguyên nghĩa, bởi người mẹ vẫn được tôn vinh không chỉ về mặt tâm linh, mà còn

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

khẳng định tầm quan trọng trong cuộc sống. Những cách gọi “vợ sau đó mới đến chồng; chồng như cái giỏ, vợ như cái hom” phản ánh sự khác biệt của nho giáo ở Việt Nam khác với gốc của nó ở Trung Quốc. Thiên chúa giáo với vai trò tối cao của Đức Chúa Giêsu ở nước ngoài thì khi vào Việt Nam bị giảm xuống và Đức mẹ Maria được tôn vinh cao lên. Toàn bộ những nội dung đó được đi vào cách nghĩ, lối sống, cách ứng xử trong hàng loạt các phương diện khác nhau của đời sống văn hóa từ xưa đến nay. Ở Việt Nam có Mẫu Liễu Hạnh thờ chính ở đền Phủ Dày, Nam Định được tôn vinh là một trong “Tứ bất tử” của tâm linh, tín ngưỡng nhân dân. Danh hiệu “ Bà mẹ Việt Nam anh hùng” được hiểu là hệ quả tất yếu từ tín ngưỡng thờ mẹ của con người Việt Nam hiện nay. Nội dung này như một giá trị gốc của toàn bộ giá trị trong thang giá trị văn hóa, đạo đức, tôn giáo dân tộc ta. Nó có giá trị trường tồn cùng lịch sử dân tộc. Việc mở rộng, phát huy giá trị này cần được khai thác, xã hội hóa sâu rộng để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân. Giáo dục tuyên truyền sâu rộng về lịch sử, nội dung, giá trị của thờ mẹ trong toàn xã hội để mỗi con người có nhu cầu thì tìm đến tín ngưỡng này một cách thiết thực nhất hiện nay.

Cộng cư dân Việt ở Đồng Nai mới được hình thành cách đây hơn ba thế kỷ. Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với người Việt ngay từ buổi đầu mở đất, đồng hành với quá trình phát triển của xã hội, và hiện nay trở thành hình thức tín ngưỡng sinh động, khá phổ biến ở Đồng Nai.

Đây là một mặt hệ trọng trong đời sống tinh thần của người Việt ở Đồng Nai đáng được lưu ý. Người Việt ở Đồng Nai có nguồn gốc từ Bắc bộ, Trung bộ di cư và Nam mang theo "bóng dáng quê hương", cả ông bà, tổ tiên và thần thánh của mình. Đúng như PGS-PTS Ngô Đức Thịnh nhận định: Tục thờ Mẫu: “.....hình thành và định hình đầu tiên Bắc bộ, sau đó thể chân người Việt vào phía Nam, hòa nhập với các thần linh địa phương để rồi tự biến đổi thành các sắc thái thờ phụng độc đáo ở Huế, ở Nam bộ...”¹⁹

Khảo sát điện thờ Nữ thần ở Đồng Nai, có thể thấy các lớp nữ thần được thờ cúng ở Đồng Nai có sự tiếp hợp nguồn gốc bản địa và nguồn gốc Bắc nhập cư; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính “đạo thờ Mẫu”, rồi lại địa phương hóa các Mẫu được phụng thờ.

Lớp nữ thần bản địa có lẽ mang nguồn gốc tín ngưỡng của dân tộc thiểu số thuộc văn hóa Nam Trường Sơn như: Chăm, Mạ, Châu Ro, Xtiêng... Những nữ thần liên quan đến sản sinh như: đất, nước, rừng, cây lúa đều mang tính nữ là nữ thần. Gắn gũi nhất là thần Lúa (Yangpa) như là thần Dewi Sri của Ibdonesia.

¹⁹ Tục thờ Mẫu Liễu Hạnh – một sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa cộng đồng, Tạp chí văn học số 5/1992, trang 17.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Nữ thần này được người Việt tiếp thu thờ cúng và cầu nguyện trong những lễ giáp hạt, lên đồng, xuống đồng và đón lúa mới vào bồ (kho). Phải là người phụ nữ bung thúng lúa đầu tiên đưa vào bồ mới không xâm hại đến sự sản sinh của thần Lúa. Lớp nữ thần hiện nay mờ nhạt bóng dáng, hoặc trở thành phiếm thần thờ ở các miếu nhỏ không thần tích, hoặc hội nhập vào chức năng của các nữ thần do người Việt mang theo từ cổ hương.

Hệ thống nữ thần nhập cư từ miền Bắc hiện chiếm lĩnh các đền thờ nữ thần ở Đồng Nai. Nhưng đó không phải là sự sao chép nguyên bản mà có cải biến cho phù hợp với nhận thức và điều kiện ở quê hương mới. Mẹ Âu Cơ - bà mẹ của dân tộc - được thờ vọng ở nhiều nơi. Nhưng nhiều hơn cả là Tam Tòa Thánh Mẫu hoặc Tứ phủ được thờ ở miếu, ở đền; cả ở đình, ở chùa (tiền thân hậu Mẫu). Cách bài trí điện thờ và vị trí các Mẫu không khác mấy so với nguyên gốc. Các miếu thờ Tam Tòa thường là mẫu Thiên mặc áo đỏ ngồi giữa, mẫu Thoải áo trắng, Mẫu Thượng Ngàn áo xanh ngồi hai bên. Nếu là Tứ Phủ thì mẫu Liễu Hạnh với áo choàng đỏ sậm, trang sức rực rỡ ngự ở điện cao có màn che phủ. Lớp dưới là các cô, các cậu hầu Mẫu. Đáng chú ý là trong bảy cô được hầu điện? Cô út đen đúa, xấu nhất có lý lịch là người dân tộc và giỏi nghề đốn củi đốt than, có lẽ là nữ thần bản địa được nhập điện thờ Mẫu. Trong hai cậu của Mẫu, có cậu Tài thường ôm con gà trống có đặc tính là ham vui, rất yêu thích và rất giỏi đá gà. Tính cách này sát hợp với người địa phương nên gần gũi mọi người.

Có lẽ tục thờ Mẫu hình thành khá hoàn chỉnh ở Bắc bộ, lại được "đạo hóa" theo Tiên Thiên Thánh Mẫu của Huế cho nên đến Đồng Nai nó nhập điện một cách dễ dàng. Khi gặp phải dòng văn hóa của người Hoa cũng đang muốn chiếm lĩnh tâm linh của người Việt, quá trình tiếp biến văn hóa đã biến bộ tứ (Tứ Phủ) thành bộ ngũ (Ngũ Hành). Và người Hoa đã bổ sung thần điện một nữ thần quan trọng: Bà Thiên Hậu. Ngoài việc thờ cúng cộng đồng theo bộ (Tam Tòa Tứ Phủ hoặc Ngũ Hành), người Việt ở Đồng Nai lại có xu hướng cụ thể hóa và ủy nhiệm thêm chức năng cho mỗi vị, từ đó kéo theo việc thờ riêng lẻ mỗi Mẫu theo các nhu cầu khác nhau. Bà Thiên Hậu có chùa thờ riêng ở Bửu Long (Chùa Thiên Hậu), ở Thủ Dầu Một (Chùa Bà), được giới buôn bán xem là mẹ bảo trợ của mình. Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (Thiên Phủ) trở thành mẹ sanh mẹ độ mạng người được lập trang thờ ở gia đình. Mẫu Thoải, người địa phương gọi là Bà Thủy "thêm nhiệm vụ" độ trì, cứu nạn cho người làm nghề sông nước, được thờ cúng theo ghe hoặc các miếu nhỏ ven sông. Người ta cho rằng, những người chết nước linh thiêng trở thành bộ hạ hầu Bà thủy ở thủy phủ.

Dường như các Mẫu ở Tam Tòa, Tứ Phủ quá cao quá xa với đời thường cho nên người Việt ở địa phương còn có xu hướng tìm đến các nữ thần có lại

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

liệt gắn với địa phương, gần gũi, thiết thực hơn. Vì thế, xuất hiện các bà: Chúa Xứ, Chúa Ngọc, Bà Đen... ở Nam bộ. Riêng ở Đồng Nai, người Việt cũng gọi gắn tâm linh của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất họ đang sinh sống. Cô Lê Hồng Thủy, một trinh nữ chết trôi có tấm lòng yêu đất, yêu biển Long Hải nên được phụng thờ ở Dinh Cô (Long Hải). Thị Vải có cá tính khác thường, giàu lòng nhân ái và khát vọng tự do cũng được lập miếu thờ. Cô Bống Hiên khẳng khái, thực lòng mà phải tội chết trở thành thần nữ linh thiêng có miếu thờ khang trang ở Vĩnh Cửu. Tục thờ nữ thần trong tín ngưỡng dân gian có xu hướng thâm nhập vào các hình thức tín ngưỡng khác. Đa số các đình và nhiều chùa có bàn thờ Mẫu ở hậu điện. Đạo giáo cũng thường chọn các hội lễ cúng Bà để bày tỏ đạo pháp của mình. Quan Thế Âm của Phật giáo và Mẹ Maria của Thiên Chúa giáo được tín đồ ưu ái phụng thờ hơn cả, có lẽ do thói quen tín ngưỡng thờ nữ thần.

Các tượng Quan âm bồ tát ở chùa, ở các nơi lộ thiên thường được “mẫu hóa” bằng cách khoác một áo choàng, thường là sắc áo trắng của Bà Thủy (Mẫu Thoải).

Người ta tin rằng, Bà Thủy và Quan Âm Bồ tát có họ hàng với nhau trong việc cứu người lâm nạn trên sông nước; vì vậy hai bà cùng được mời gọi khi khẩn nguyện. Và, hình tượng Quan Âm Bồ Tát trở nên gần gũi, quen thuộc với mọi người hơn bất cứ vị Phật, Thánh nào khác.

So với lễ hội cúng đình thờ Ông, lễ hội cúng Bà ở miếu, ở đình, đền... cởi mở và sinh động hơn; bởi lễ không bị ràng buộc bởi nghi thức cung đình. Lễ hội cúng Bà cũng thường tổ chức vào tháng ba âm lịch (tháng mười cúng cha, tháng ba cúng mẹ), không nhất thiết phải theo nghi thức của Đạo "Tiên Thiên Thánh Mẫu" gốc Huế. Lễ Hội cũng gồm các nghi lễ dâng hương, dâng, trà, quả cúng Bà và xin lộc Bà như ở Bắc bộ, có khác là nghi thức thỉnh Bà từ ngoài biển vào với ý nghĩa như là sự tái hiện hình ảnh di nhập vào Đồng Nai của buổi ban đầu. Ở chùa Thiên Hậu rước Bà bằng "lễ bắc cầu" lúc nửa đêm, ở Dinh Cô, thỉnh Cô bằng thuyền lúc rạng sáng. Lễ Hội cúng Bà ở Đồng Nai thu hút các sinh hoạt văn hóa đặc sắc của nhiều vùng: Hát bả trạo hầu Cô ở lễ hội Dinh Cô vốn có nguồn gốc từ Trung bộ gắn với lễ tế cá Ông của cư dân miền biển; Hát Châu Văn theo cung cách của Hội Phủ Giày nhưng bài bản có cải biến hợp với tâm tư người địa phương; Chập Địa - Nàng, một biến thể của hát bội Nam bộ có cội nguồn từ Trung bộ; hát Bống rỗi vừa mang tính nghi lễ vừa là trò diễn dân gian mà nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng cho là có dung mạo và cội nguồn từ giao lưu văn hóa Chăm - Việt (xem “Bống rỗi, Địa - Nàng)... Tùỳ theo sở thích của Ban quý tế mà chọn lọc một vài trong các sinh hoạt kể trên, không phải theo một

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

công thức nào. Cho nên, lễ hội cúng Bà luôn đem lại cảm hứng rộn vui, tươi mới cho người tham dự.

Rõ ràng tục thờ nữ thần đã ăn sâu vào tâm thức của người Việt ở Đồng Nai, nó có sức sống bền vững, đã hình thành và phát triển từ lâu đời, đáp ứng nhu cầu tâm linh của cộng đồng, hỗn dung nhiều nhân tố mới mà không xa rời cội nguồn. Đây là biểu tượng đẹp, mang ý nghĩa xã hội và ý nghĩa nhân văn sâu sắc gắn liền với một số truyền thống văn hóa tích cực của dân tộc. Những giá trị văn hóa đích thực của nó cần được gạn lọc, bảo tồn và định hướng phát triển hợp lý, đồng thời hạn chế và loại trừ những thứ “bụi bặm”, “vấy bẩn” do những kẻ buôn thần bán thánh tạo ra để mưu lợi cá nhân.

Hiện nay, nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng mở rộng. Việc đáp ứng các nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo vẫn còn cần thiết. Trong bối cảnh ấy, mỗi con người cũng có thể tự tìm đến một chỗ đền bù về mặt tinh thần để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo cho mình. Tuy nhiên cũng chỉ ra rằng dù có tìm đến một tín ngưỡng, tôn giáo nào đó thì cũng không được bỏ, không được làm mờ nhạt cái đạo, cái tín ngưỡng bản địa là thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên, người có công với nước với dân. Hơn nữa, đi tìm nhu cầu về một tôn giáo, trước hết cần phân biệt được cái đúng, cái không đúng; cái hay và cái tiêu cực trong đó. Cần tiếp tục phát huy truyền thống “Việt Nam hóa” các nội dung, giá trị tôn giáo nước ngoài để nó mang sắc thái văn hóa, tôn giáo Việt Nam./.



Ngôi miếu bà Mụ Trời gần 200 tuổi do dân làng Bến Gỗ xưa lập để vọng thờ người phụ nữ có tấm lòng đức độ làm nghề “mụ vườn” (đỡ đẻ)



Bàn thờ “bà” bên trong chánh điện Miếu Bà Khoanh ở Bến Gỗ

Một số giải pháp chính trong bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam

Từ xưa đến nay, bản sắc văn hóa dân tộc làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng người Việt Nam vượt qua biết bao sóng gió, thác ghềnh tưởng chừng không thể vượt qua để không ngừng phát triển và lớn mạnh. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là tài sản vô giá; là linh hồn của dân tộc được hun đúc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước với bao biến cố thăng trầm của lịch sử; được viết lên bằng máu, nước mắt và mồ hôi của cả dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy nó là biểu tượng của sự trường tồn, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Đảng ta đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm động viên tối đa nguồn lực nội sinh và ngoại sinh để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã chỉ rõ: “Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”²⁰.

²⁰ Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu quán triệt Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Với Hồ Chí Minh, việc bảo vệ, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc là rất cần thiết, là việc phải làm, nên làm, nhưng quan trọng hơn lại là việc biết vận dụng và phát triển những bản sắc ấy vào cuộc sống. Đó chính là cách tốt nhất để bảo vệ và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Theo Người, mọi hiện đại, tiên tiến đều bắt nguồn từ truyền thống tốt đẹp. Từ tầm nhìn của một nhà văn hóa lớn. Người luôn nhắc nhở mọi người, nhất là cán bộ, đảng viên phải biết quý trọng vốn cổ dân tộc, "dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

Nước ta có 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc có những sắc thái, bản địa riêng, chúng bổ sung cho nhau làm phong phú nền văn hóa Việt Nam và củng cố sự thống nhất dân tộc. Điều đó cho chúng ta thấy nền văn hóa nước ta là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc. Vốn văn hóa truyền thống của dân tộc được gìn giữ và phát huy qua nhiều hoạt động văn hóa. Những hoạt động ấy diễn ra thường xuyên, liên tục và trên khắp mọi miền đất nước. Nhiều bộ môn nghệ thuật truyền thống: tuồng, chèo, cải lương, chầu văn, hò Huế... được gìn giữ, được biểu diễn và thu hút nhiều người quan tâm. Những lễ hội vẫn được tổ chức thường xuyên mỗi dịp lễ tết khắp ba miền. Nhiều festival nghệ thuật được tổ chức trong và ngoài nước. Có thêm nhiều tác phẩm có giá trị về đề tài cách mạng và kháng chiến, về công cuộc đổi mới.

Suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, chúng ta có thể tự hào mà nói rằng, văn hóa bản địa, văn hóa làng xã là tài sản vô giá của dân tộc, cần phải được gìn giữ, phát huy trên cơ sở sàng lọc, loại bỏ những gì phi văn hóa. Tất cả đã kết thành những tinh hoa có khả năng tỏa sáng, hình thành bản sắc văn hóa vốn có của người Việt suốt từ thế hệ này đến thế hệ khác. Bên cạnh lũy tre, cây đa, bến nước, thì những làn điệu dân ca, câu hò, bài vè, ca dao, tục ngữ, ... luôn sánh bước cùng những thăng trầm của lịch sử dân tộc.

Hiện nay, hội nhập quốc tế là quy luật khách quan nhưng trong tương quan lại nghiêng về các nước phát triển, các nước lớn. Cho nên Việt Nam cần tỉnh táo, thông minh trong quá trình hội nhập để không bị hòa tan. Hội nhập văn hóa trải qua các chặng: Giao lưu, hợp tác và đối thoại. Đối thoại là bình đẳng, không có cao thấp, nhưng muốn đối thoại được phải có bản sắc riêng. Hội nhập văn hóa có những đặc thù riêng, không giống hội nhập trong các lĩnh vực khác. Hội nhập văn hóa thống nhất giữa “nhận” và “cho”. “Nhận” cái mới của nước ngoài nhưng chúng ta cũng phải “cho” thế giới, đóng góp cho thế giới những điều đặc sắc trong văn hóa Việt Nam. Thực tiễn hội nhập văn hóa thời gian qua, chúng ta đang “nhận” nhiều mà “cho” ít. Ví như lĩnh vực sân khấu, ca nhạc, điện ảnh, nhiều nghệ sĩ bắt chước các yếu tố ngoại lai, ít có sáng tạo mang dấu ấn bản sắc văn hóa Việt.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Hơn nữa, vấn đề sáng tác, biểu diễn, thưởng thức, đánh giá nghệ thuật của thế hệ trẻ hiện nay có những biểu hiện “lệch chuẩn” thẩm mỹ rất lớn. Những dấu hiệu của sự lai căng, quay lưng lại với giá trị thẩm mỹ truyền thống, giá trị thẩm mỹ tiến bộ, chạy theo thị hiếu thẩm mỹ tầm thường, lố bịch...tăng lên. Hiện nay, một số chủ thể sáng tác nghệ thuật xem nhẹ các tiêu chuẩn thẩm mỹ chân chính, thiếu tính chọn lọc trong tiếp thu các dòng văn hóa, nghệ thuật nước ngoài, mờ nhạt sắc thái văn hóa và thị hiếu thẩm mỹ truyền thống dân tộc, tạo ra các tác phẩm thể hiện xa rời mục tiêu “nghệ thuật vì nhân sinh” trong xây dựng nhân cách con người Việt Nam trong điều kiện mới. Đây là dấu hiệu “lệch chuẩn” văn hóa, thẩm mỹ, đạo đức khá trầm trọng.

Một số nét bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc như: trang phục, nếp sống văn hóa - văn nghệ dân gian, phong tục tập quán..., đang bị pha tạp và dần mai một. Nhiều làn điệu dân ca, điệu múa cổ truyền, nhạc cụ dân tộc, lễ hội dân gian, một số nghề thủ công truyền thống và phương tiện sinh hoạt hàng ngày bị thất truyền. Trong khi đó, văn hóa truyền thống của các dân tộc chưa được kiểm kê, đánh giá đầy đủ; Công tác bảo tồn, trùng tu, quản lý và phát huy giá trị văn hóa truyền thống chưa được quan tâm đúng mức; Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ hoạt động văn hóa cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn thiếu thốn; Việc thể chế hóa các văn bản quản lý, một số cơ chế chính sách trong lĩnh vực văn hóa còn nhiều bất cập; Lực lượng cán bộ làm công tác sáng tác, nghiên cứu khoa học còn thiếu; Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn thấp.

Trước tác động của quá trình giao lưu, hội nhập văn hóa với thế giới, nhiều dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ mai một về bản sắc dân tộc. Điều quan ngại nhất là những nghệ nhân, những người cao tuổi am hiểu sâu sắc về giá trị văn hóa, phong tục tập quán, nghi lễ, truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số sẽ ngày càng giảm dần. Vậy làm sao để những “báu vật nhân văn sống” đó có thể trao truyền những tinh hoa văn hóa của tổ tiên, ông cha mình cho thế hệ kế tiếp?

Nghị quyết Đại hội XII chỉ rõ: “*Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc chưa đạt yêu cầu. Nhiều biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống gây bức xúc trong xã hội. Tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Quản lý văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, các di tích lịch sử còn hạn chế...Quản lý thông tin, báo chí, nhất là trên internet còn nhiều bất cập...*”²¹

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.257.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, tiếp tục giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, trước mắt chúng ta cần thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản, cấp thiết sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, đặc biệt là phong trào “**Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa**”. Phát hiện và biểu dương kịp thời các gương điển hình, các cá nhân, tập thể có những đóng góp tiêu biểu cho việc xây dựng đời sống văn hóa. Tập trung xây dựng các huyện điểm, thị xã, thị tứ văn hóa ở các địa phương. Chú trọng đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng, ấp, khu phố văn hóa. Phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, tìm tòi, áp dụng những mô hình thích hợp cho hoạt động văn hóa từng vùng, miền. Chỉ có như vậy cốt cách dân tộc, lòng tự tôn dân tộc mới luôn giữ vai trò hạt nhân trong quá trình phát triển kinh tế và phát triển nói chung của dân tộc. Đây là một quá trình không thể nóng vội, nhưng cũng không thể chậm trễ mà cần được thực hiện thông qua nhiều biện pháp, trong đó có biện pháp giáo dục và tự giáo dục trong chính cộng đồng dân tộc.

Đại hội XII chỉ rõ: “*Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc... Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, chăm lo bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật... bảo đảm để văn hóa, văn học-nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân với mục đích đúng đắn...*”²². “*Khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học-nghệ thuật đi đôi với đề cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa*”²³. Luận điểm này phải được quán triệt, vận dụng một cách triệt để đối với các chủ thể sáng tạo, sáng tác văn hóa, nghệ thuật.

Hai là, chú trọng bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa, bản sắc và truyền thống dân tộc. Coi trọng sưu tầm, khai thác các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Tiếp tục tổ chức ngày hội văn hóa của một số dân tộc thiểu số có bản

²² ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội. 2016, tr.129.

²³ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội. 2016, tr.304.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

sắc văn hóa tiêu biểu nhằm nâng cao ý thức giữ gìn và tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Gìn giữ các tác phẩm nghệ thuật, bảo vật, cổ vật và di vật có giá trị đặc sắc. Nâng cao chất lượng các tác phẩm văn học nghệ thuật, công trình văn hóa, có kế hoạch đầu tư cho khâu sáng tác kịch bản, dàn dựng chương trình, vở diễn, đào tạo tài năng nghệ thuật; tổ chức các cuộc thi sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật để có những tác phẩm đỉnh cao, các chương trình nghệ thuật hấp dẫn, có tính giáo dục tư tưởng thẩm mỹ cao phục vụ nhân dân, đẩy lùi các hoạt động tiêu cực trong hoạt động văn hóa.

Ba là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đấu tranh phòng, chống và làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta. Môi trường văn hóa có vai trò quan trọng to lớn, trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển những giá trị của thanh niên chúng ta trong thời kỳ mới, nó góp phần nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tình cảm cách mạng, xây dựng nhân cách con người mới vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, vừa phát huy bản chất truyền thống, góp phần giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế. Môi trường văn hóa phải được coi như là “phên dậu”, như “rào chắn” có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn và “miễn dịch” trước những tác động, ảnh hưởng, xâm nhập và phá hoại của các hiện tượng phản văn hóa của âm mưu, thủ đoạn diễn biến hòa bình. Hiện nay chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa và chúng coi đây là mũi nhọn xung kích làm phai nhạt mục tiêu lý tưởng của con người Việt Nam nhất là đối với thế hệ trẻ hôm nay. Những biểu hiện xấu của văn hóa phương Tây với lối sống thực dụng, sống chỉ có biết hôm nay, không biết đến có ngày mai; những hành vi đi ngược lại với lợi ích của quốc gia, dân tộc; sự thích thú những bộ phim nước ngoài với nội dung chém giết, võ thuật và nhiều tệ nạn trong thanh niên hiện nay chính là những phản văn hóa, những việc làm và hành động tác động rất mạnh đến tâm lý của thanh niên. Sự tác động xấu đó dễ làm cho một bộ phận thanh niên chúng ta quay lưng lại với lịch sử dân tộc, với phong tục tập quán của con người Việt Nam, với văn hóa Việt Nam. Thanh niên là những người hàng ngày hàng giờ phải đối mặt, phải tiếp xúc với văn hóa đó nhiều nhất cho nên phải chủ động kế thừa những cái tiến bộ và loại bỏ những cái không phù hợp, đi ngược lại với văn hóa của dân tộc. Chúng ta phải nhận thức rõ văn hóa Việt Nam là thành quả của sự kết tinh văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới, phải trang bị cho mình một hệ thống tri thức vững vàng, đầy đủ để không bị động bắt

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

ngờ, thường xuyên tìm hiểu văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới để tạo hành trang tri thức, góp phần xây dựng đất nước.

Nghị quyết Đại hội XII chỉ rõ: “*Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học...khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người.*”²⁴. Lịch sử cho thấy, sức mạnh nội sinh là văn hóa yêu nước, đó là sức mạnh trực tiếp, góp phần giữ nước, giải phóng và thống nhất đất nước. Điều quan tâm hiện nay là phải chú trọng xây dựng nhân cách con người Việt Nam, trong đó, nội hàm quan trọng nhất là ý thức bảo vệ Tổ quốc, tình yêu Tổ quốc, năng lực bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta phải giữ cho được bản sắc truyền thống, căn cước văn hóa Việt Nam để tự tin hội nhập quốc tế.

Bản thân là một giáo viên, tôi luôn nhận thức rõ ý nghĩa tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, bởi chỉ có trên cơ sở nhận thức đúng thì mới có những hành động đúng trong việc đề ra chương trình, kế hoạch hành động có hiệu quả nhất. Không chỉ có vậy, nó còn là cơ sở, động lực cho tôi tích cực nghiên cứu, tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, tham gia vào các lễ hội với một thái độ nghiêm túc, cầu thị và biết tiếp thu chọn lọc có phê phán tinh hoa văn hóa dân tộc và thế giới, thấy được cái hay, cái tiến bộ cần phải trân trọng giữ gìn, quảng bá.

Do vậy, trước những biến động phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, hơn lúc nào hết, tôi luôn quan tâm đặc biệt đến việc giáo dục và tự giáo dục của bản thân, xây dựng cho mình bản lĩnh chính trị, bản lĩnh văn hóa, có chuyên môn giỏi, có đạo đức nghề nghiệp, biết làm việc tốt để phát huy hết vị trí, vai trò của mình là người “thầy” trên bục giảng.

Để làm được điều này, thông qua công tác giảng dạy để tuyên truyền vận động, giáo dục học sinh cần có ý thức và giúp người dân biết giữ gìn những gì đã có, hiểu rõ đâu là cái cần phải giữ gìn, bảo vệ không những cho hôm nay mà còn cho mãi mãi về sau và cái gì cần phê phán, loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội. Thông qua những cuộc thi, những chương trình, những lễ hội là dịp tốt nhất để cho giáo viên, học sinh phát huy hết vai trò, sở trường, năng lực của bản thân góp phần định hướng những giá trị về đạo đức, lối sống có văn hóa cho học sinh và các tầng lớp khác. Cụ thể như sau:

²⁴ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, H. 2016, tr.126;127.

Giáo dục học sinh sự tôn trọng và giữ gìn các di sản văn hóa của dân tộc:

Trong nhiều năm qua, Đảng, nhà nước và nhân dân hết sức quan tâm đến việc giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc, từ đó tạo tiền đề cần thiết để làm sống dậy một tiềm năng văn hóa, coi đó như là nguồn lực bên trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, cùng với những thành tựu to lớn đã đạt được vẫn còn những bất cập không nhỏ về quan niệm, về phương thức thực hành, về những hoạt động cụ thể trong đời sống kinh tế và xã hội, trong việc phát triển, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc.

Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) đã định nghĩa di sản văn hóa và từ đó định ra nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, khẳng định rằng: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa... coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”.

Hiện nay, các di tích như quần thể cố đô Huế, thành nhà Hồ, Hoàng thành Thăng Long, thánh địa Mỹ Sơn, ... đã được tổ chức UNESCO công nhận là những di sản thế giới. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc bảo tồn, tôn tạo và nâng cao giá trị văn hóa nghệ thuật của những di sản trên chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức. Vai trò về mặt giáo dục hệ tư tưởng văn hóa các giai đoạn lịch sử mà những di sản đang lưu trữ vẫn còn lu mờ, chưa quảng bá cũng như truyền tải đến đại bộ phận công chúng, nhằm tôn vinh và lưu truyền những giá trị vô giá của những di sản, di tích văn hóa, lịch sử, chúng ta cần những chiến lược cụ thể. Một trong những giải pháp mang tính lâu dài và bền vững là thông qua giáo dục. Giáo dục chính là kênh truyền thống có tính hiệu quả cao nhất. Thông qua những hoạt động ngoại khóa, những chương trình lồng ghép trong các môn học, dần dần đưa những giá trị cốt lõi, hồn dân tộc đến từng học sinh – những chủ nhân tương lai của đất nước.

Giáo dục học sinh lòng thành kính, tôn thờ tổ tiên, thể hiện lòng hiếu thảo, biết ơn những người đã sinh thành dưỡng dục mình.

Một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam là thành kính, tôn thờ tổ tiên thể hiện lòng hiếu thảo, biết ơn những người đã sinh thành dưỡng dục mình. Thực chất những nét văn hóa, truyền thống đó, mang trong bản thân nó, ý nghĩa nhân văn hết sức sâu sắc, xuất phát từ thiện tâm của mỗi con người và có sức nêu gương trong mỗi gia đình, trong một cộng đồng xã hội, thể hiện ra bên ngoài bằng việc thờ cúng tổ tiên.

Xét trên phương diện quốc gia, từ hàng ngàn đời nay người Việt đã lập đền thờ và thờ cúng ông tổ chung của mình: Các vua Hùng ở núi Nghĩa Lĩnh,

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐÔNG NAM NĂM 2018

hoặc ở từng địa phương nhân dân lập ra các đình, đền, miếu để thờ cúng những người có công với nước, với làng. Trong mỗi gia đình đều có bàn thờ, thờ cúng tổ tiên, những người thân đã khuất. Đó là những việc làm cụ thể tỏ lòng thành kính, hiếu thảo biết ơn đấng sinh thành dưỡng dục mình và biến thành nét văn hóa đặc sắc, mà trách nhiệm của từng cá nhân là tiếp tục duy trì và giáo dục cho thế hệ tiếp nối.

Giáo dục học sinh việc giữ gìn nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Việt Nam có một cộng đồng văn hóa khá rộng lớn được hình thành vào khoảng nửa đầu thập niên kỷ thứ nhất trước công nguyên và được phát triển rực rỡ vào giữa thập niên kỷ này. Đó là cộng đồng văn hóa Đông Sơn. Các con đường phát triển khác nhau của văn hóa bản địa thuộc các khu vực khác nhau đã hội tụ lại, hợp thành văn hóa Đông Sơn: Đây chính là nhà nước mang tính “phôi thai” ra đời, từ đó các bộ lạc nguyên thủy phát triển thành dân tộc.

Có thể nói toàn bộ lịch sử của văn hóa bản địa Việt Nam, đã tồn tại 3 lớp văn hóa chồng lên nhau đó là văn hóa bản địa, văn hóa giao lưu với Trung Quốc, Ấn Độ và lớp văn hóa giao lưu với phương Tây. Mặc dù giao lưu với các nền văn hóa khác, văn hóa của dân tộc Việt Nam đã trải qua biết bao thử thách, chẳng những vẫn tồn tại vững chắc mà còn không bị văn hóa ngoại lai đồng hóa, biết sử dụng và Việt hóa các ảnh hưởng đó để làm giàu cho nền văn hóa dân tộc. Trách nhiệm của chúng ta ngày nay là phải biết tiếp tục, giữ gìn, bảo vệ, và giáo dục truyền thống cho lớp lớp con cháu để dân tộc Việt Nam mãi mãi là dân tộc Việt Nam. Mặc dù vậy, thực tế vẫn tồn tại một số dấu hiệu lai căng và nổi cộm lên là cách hành xử của một bộ phận lớp trẻ con ngòì trên ghế nhà trường ngày nay mang tính đối lập với những giá trị nhân văn, giá trị đời sống tồn tại hàng ngàn năm của dân tộc. Một số học sinh, sinh viên còn chạy theo trào lưu sống thử, sống thực dụng mà dần dần rời xa những giá trị của văn hóa dân tộc. Giáo dục phải làm gì để kéo những tầng lớp trẻ này về với những giá trị cuộc sống chung của xã hội của dân tộc.

Chúng ta phải lồng ghép những chuyên đề về truyền thống văn hóa dân tộc vào chương trình giáo dục, nhằm rèn luyện đạo đức, tư duy, lối sống và bản lĩnh cho học sinh ngay từ khi còn ngồi ghế phổ thông. Để các em vào đời với đầy đủ hành trang của người công dân tốt, thông minh, cần cù, sáng tạo, có tính kỷ luật cao mang dáng dấp, tinh hoa của người Việt Nam và sẵn sàng đi lên phía trước vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, cũng như tạo đầy đủ các tiền đề tốt nhất để mọi người mọi lứa tuổi tham gia nghiên cứu, rèn luyện đạo đức và học tập suốt đời.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Giáo dục học sinh lòng yêu đồng bào, lòng yêu đất nước, lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên.

Lòng yêu đồng bào, đất nước là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc Việt Nam. Đức tính này đã chảy xuyên suốt trong dòng máu của từng người Việt. Lòng nhân đạo, bao gồm trong nó tình yêu thương của người lớn đối với trẻ em, của người trẻ đối với người già, của người khỏe mạnh, lành lặn đối với người ốm đau, tàn tật, của người có hạnh phúc với người bất hạnh, đặc biệt là thái độ đối xử với kẻ thù, không kiêu căng, không công thần, không kiêu binh...

Lòng yêu nước cũng là một nét văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam, thể hiện sâu sắc ở: “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” chính là câu tục ngữ đã tồn tại từ lâu đời, thể hiện lòng yêu nước trước kẻ thù xâm lược. Lòng yêu nước là một tình cảm sâu sắc của con người đối với đất nước. Cùng với lòng yêu nước, một nét văn hóa đặc sắc cần phải được đề cao đó là chủ nghĩa tập thể. Đó là tình đồng bào, thái độ tôn trọng đối với phụ nữ và dành tình thương trong việc chăm sóc lẫn nhau, nhằm đảm bảo cho các cá nhân thành viên phát triển cao nhất phục vụ lợi ích của xã hội. Chủ nghĩa tập thể là cơ sở của chủ nghĩa nhân đạo chân chính, giúp cho sự thống nhất trí tuệ, tài năng của các cá nhân thành viên xã hội, tạo nên sức mạnh to lớn để ứng phó với mọi khó khăn, ứng phó với nguy cơ mất nước trước kẻ thù xâm lược. Chủ nghĩa tập thể là chìa khóa vàng để giải quyết các tình huống ách tắc, khó khăn hiện nay...

Ngoài ra lòng yêu thiên nhiên, thái độ đối với thiên nhiên cũng là biểu hiện của đạo đức, là cơ sở tạo điều kiện cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, là nét văn hóa đã từng tồn tại từ ngàn xưa cần được duy trì và bảo vệ. Bên cạnh giáo dục tri thức và đạo làm người đối với học sinh “vì lợi ích trăm năm trồng người”, nhiệm vụ với thiên nhiên cũng không kém phần quan trọng “vì lợi ích mười năm trồng cây”. Diện tích rừng ngày càng thu hẹp, số lượng động vật hoang dã vào sách đỏ ngày càng tăng, khí hậu không ngừng thay đổi thất thường là những hậu quả mà chính loài người đã tự mình gây ra. Chúng ta phải hành động, “Trồng cây gây rừng”, “sống xanh”, “sản xuất xanh” và hãy dừng ngay việc “vay mượn tài nguyên của thế hệ con cháu”.

Giáo dục học sinh truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, quan niệm tôn trọng phụ nữ, người lớn tuổi.

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam được lưu truyền từ ngàn đời. Điều đó được thể hiện qua nhiều tấm gương tiêu biểu như Mạc Đĩnh Chi – vị Trạng nguyên tài trí vẹn toàn, nhà nghèo nhưng rất ham học ông đã bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng làm “đèn” học, hay như thầy Nguyễn Ngọc Ký dùng chân viết nên số phận, ...

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Ở nước ta, nông nghiệp lúa nước đã góp phần tích hợp các kinh nghiệm của các lão nông tri điền và giai cấp quản lý xã hội qua Lệ và Luật; tạo nên tập quán tuyệt đẹp của một xã hội theo một trật tự thứ bậc như biết trân trọng người lớn tuổi

Hoặc vai trò của các vị trưởng lão cũng được nêu cao qua sự kiện vua Trần Nhân Tông triệu tập Hội nghị Diên Hồng tập hợp ý kiến các bô lão để có quyết sách trước kẻ thù (năm 1284)...

Trong suốt bề dày lịch sử Việt Nam, phụ nữ luôn được tôn trọng và vinh danh, họ là nữ tướng là anh hùng, giỏi việc nước đảm việc nhà như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Nguyễn Thị Định, những người Mẹ anh hùng của thời đại ngày nay...

Tất cả những đức tính trên vô cùng cao quý và luôn được người Việt Nam giáo dục dạy dỗ cho con cháu từ tuổi nhỏ đến khi trưởng thành. Từng người Việt đã và phải “ngấm” thật sâu, thật bền dòng chảy truyền thống văn hóa dân tộc này.

Những giáo viên - trí thức Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, những hiền tài - nguyên khí của quốc gia, phải mang bản lĩnh, bản sắc và tinh hoa của người Việt Nam. Các trường học từ phổ thông cơ sở đến Đại học trên toàn lãnh thổ Việt Nam phải có trách nhiệm là nơi đào tạo, bồi dưỡng và tỏa sáng các truyền thống văn hóa dân tộc. Hãy hành động để những giá trị truyền thống bản địa của chúng ta chẳng những không bị hòa tan mà còn có cơ hội để quảng bá, phát triển những giá trị cao quý, những tinh hoa của văn hóa Việt Nam ra thế giới./.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018
PHẦN HAI: MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN



Lễ hội Kỳ yên ở Đồng Nai



Di tích Lịch sử - văn hóa Thát phủ cổ miếu (Chùa Ông). Nguồn: bienhoa-dongnai.gov.vn.

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018





Một số hình ảnh lễ hội chùa Ông Biên Hòa-Đồng Nai (ảnh: Foody)

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018



Văn miếu Trấn Biên



Văn miếu Trấn Biên

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018



Nghi thức tế lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Văn miếu Trấn Biên



Gian thờ Bác Hồ ở Văn miếu Trấn Biên

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018



Trong Văn Miếu Trấn Biên còn có các bàn thờ đức Khổng Tử, bàn thờ Quốc Tổ và Lịch Đại Đế Vương. Gian bên trái thờ các danh nhân Chu Văn An, Nguyễn Trãi và Lê Quý Đôn. Gian bên phải thờ Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật và ba vị được tôn xưng là "Gia Định tam kiệt": Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định.



Văn Miếu Trấn Biên: bàn thờ Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định.



Hát xướng dân gian Bóng rối - Địa nàng

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018



Lễ hội Sa Yang Va của người Châu Ro tại Phú Lý huyện Vĩnh Cửu (Ảnh: Mai Hương)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Địa chí Đồng Nai
2. Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển
3. Biên Hòa xưa
4. Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay
5. Đồng Nai - Từ mở cõi đến mở cửa
6. Hỏi đáp về Biên Hòa - Đồng Nai
7. Đồng Nai - góc nhìn văn hóa
8. Văn hóa - Văn vật Đồng Nai
9. Lịch sử Chiến khu Đ.
10. Di tích lịch sử Văn hóa Đồng Nai.
11. Viện nghiên cứu Đông Nam Á, *Một số vấn đề về văn hóa với phát triển ở Việt Nam - Lào và Campuchia*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999
12. Đặng Văn Lung, *Văn hóa Thánh Mẫu*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004
13. Đặng Nghiêm Vạn, *Lý luận về Tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* (Sách tham khảo) Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội , 2012.
14. Một số bài viết của PGS, TS Huỳnh Văn Tới - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai.

Các website: <http://dost-dongnai.gov.vn>

<http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>

<http://www.thuviendongnai.gov.vn>

<http://baodongnai.com.vn>